

THÔNG BÁO
Về việc công bố thông tin

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên tổ chức phát hành: Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

- Mã chứng khoán: DNH
- Địa chỉ: 80A Trần Phú, phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng
- Điện thoại liên hệ: 0263 728171 Fax: 0263 866457
- Email: phuocqt@dhd.com.vn; trusochinh@dhd.com.vn

2. Loại thông tin công bố

☒ định kỳ ☐ bất thường 24h ☐ theo yêu cầu

3. Nội dung thông tin công bố

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (Công ty) công bố thông tin về Nghị quyết và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (theo file đính kèm).

4. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 30 tháng 5 năm 2025 tại đường dẫn: www.dhd.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CTHĐQT (để b/c);
- Các PTGD;
- BKS;
- Lưu: VT, HCLĐ.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đặng Văn Cường

Lâm Đồng, ngày 30 tháng 5 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2024;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Biên bản số 851/BB-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi về việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2024 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 tại Báo cáo số 239/BC-HĐQT ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi, với các chỉ tiêu chính như sau:

1. Kết quả thực hiện năm 2024

a) Kết quả sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2024

STT	Nội dung	Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH (%)
I	SẢN LƯỢNG ĐIỆN (Triệu kWh)			
1	Sản lượng điện sản xuất	3.045	2.745,52	90,2
2	Sản lượng điện thương phẩm	3.020	2.728,08	90,3
II	TỔNG DOANH THU (Tr. đồng)	1.898.540	2.131.242	112,3
1	Doanh thu hoạt động sản xuất điện (bao gồm lãi tiền gửi)	1.855.387	2.059.171	110,9
2	Doanh thu hoạt động tài chính	39.778	66.680	167,6
3	Doanh thu khác	3.375	5.391	159,7
III	TỔNG CHI PHÍ (Tr. đồng)	1.220.832	1.027.417	84,2

STT	Nội dung	Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH (%)
1	Chi phí hoạt động sản xuất điện (gồm các khoản làm tăng giảm giá điện)	1.217.794	1.023.530	84,0
	<i>Trong đó: Lãi (Lỗ) chênh lệch tỷ giá</i>	<i>(71.209)</i>	<i>30.780</i>	
2	Chi phí hoạt động tài chính	-	-	
3	Chi phí khác	3.038	3.887	127,9
IV	TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (Tr. đồng)	677.708	1.103.825	162,9
1	Lợi nhuận hoạt động SXKD điện	637.593	1.035.641	162,4
2	Lợi nhuận hoạt động tài chính	39.778	66.680	167,6
3	Lợi nhuận khác	337	1.504	446,3
V	LỢI NHUẬN SAU THUẾ (Tr. đồng)	542.166	905.915	167,1

b) Kết quả đầu tư xây dựng (ĐT XD) - đầu tư phát triển (ĐT PT) năm 2024

STT	Nội dung	ĐVT	KH 2024	TH 2024	TH/KH (%)
1	Công tác ĐTXD	Tr.đồng	123.180	97.618	79,3
2	Công tác đầu tư, mua sắm TSCĐ	Tr.đồng	36.695	13.852	37,8
Tổng cộng		Tr.đồng	159.875	111.470	69,7

2. Kế hoạch SXKD - ĐTPT - Tài chính năm 2025

a) Kế hoạch SXKD năm 2025

- Các chỉ tiêu SXKD - Tài chính năm 2025

STT	Nội dung	ĐVT	Giá trị
I	SẢN LƯỢNG ĐIỆN		
1	Sản lượng điện sản xuất (Tr.kWh)	Tr.kWh	2.879,64
2	Sản lượng điện thương phẩm (Tr.kWh)	Tr.kWh	2.860,24
II	TỔNG DOANH THU		1.967.510
1	DT hoạt động SXKD điện (bao gồm lãi tiền gửi)	Tr.đồng	1.934.202
2	DT hoạt động tài chính	Tr.đồng	27.216
3	DT khác	Tr.đồng	6.092
III	TỔNG CHI PHÍ	Tr.đồng	1.161.725
1	CP hoạt động sản xuất điện (gồm các khoản làm tăng giảm giá điện)	Tr.đồng	1.156.242
	<i>Trong đó: Lãi (Lỗ) CLTG</i>	Tr.đồng	<i>(60.511)</i>

STT	Nội dung	ĐVT	Giá trị
2	CP hoạt động tài chính	Tr.đồng	
3	CP khác	Tr.đồng	5.483
IV	TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	Tr.đồng	805.785
1	LN hoạt động SXKD điện	Tr.đồng	777.960
2	LN hoạt động tài chính	Tr.đồng	27.216
3	LN khác	Tr.đồng	609
V	LỢI NHUẬN SAU THUẾ	Tr.đồng	644.628
VI	CỔ TỨC	%	14

- Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch
1	Tỷ lệ điện tự dùng	%	0,69
2	Hệ số khả dụng	%	93,84
3	Tỷ lệ dừng máy do sự cố	%	0,50 (mùa lũ: 0%)
4	Doanh thu bán điện tăng thêm	tỷ đồng	90,02

b) Kế hoạch ĐTXD - ĐTPT năm 2025

STT	Nội dung	ĐVT	Giá trị
1	Kế hoạch ĐTXD	Tr.đồng	100.193
a	Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim	Tr.đồng	49.698
	<i>Trả nợ gốc</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>49.698</i>
b	Dự án NMTĐ Mặt trời Đa Mi	Tr.đồng	50.495
	<i>Trả nợ gốc</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>50.495</i>
2	Đầu tư, mua sắm TSCĐ sử dụng nguồn vốn KHCB	Tr.đồng	38.907
Tổng cộng		Triệu đồng	139.100

Điều 2. Thông qua Báo cáo về tình hình quản trị công ty năm 2024 và kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025. Giao Hội đồng quản trị Công ty tổ chức triển khai thực hiện và quyết định các vấn đề, nội dung phát sinh ngoài kế hoạch SXKD đã được ĐHĐCĐ năm 2025 thông qua hoặc các vấn đề, nội dung cấp bách cần triển khai thực hiện trước khi ĐHĐCĐ thường niên thông qua kế hoạch SXKD của năm 2026 được tổ chức và phải báo cáo ĐHĐCĐ ở kỳ họp gần nhất, trừ các trường hợp bắt buộc phải được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua tại cuộc họp.

Điều 3. Thông qua Báo cáo về tình hình hoạt động năm 2024 của Ban kiểm soát.

Điều 4. Phê duyệt danh sách đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 là Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam; ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục ký hợp đồng kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 với Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Điều 5. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Điều 6. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024, chi tiết như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Số tiền
I	LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI	930.031.191.602
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2024	905.914.768.216
	<i>Trong đó: Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>	<i>26.162.525.461</i>
2	Lợi nhuận năm trước giữ lại	24.116.423.386
	<i>Trong đó: Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>	<i>24.116.423.386</i>
II	PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	921.869.724.000
1	Phân phối các quỹ	34.829.724.000
a	Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty	674.724.000
b	Quỹ Khen thưởng phúc lợi	22.770.000.000
c	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích thêm theo Điểm b khoản 1 Điều 18 Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016	11.385.000.000
2	Chia cổ tức bằng tiền	887.040.000.000
a	Tỷ lệ cổ tức	21%
b	Cổ tức	887.040.000.000
	<i>Trong đó: đã tạm ứng 14%</i>	<i>591.360.000.000</i>
III	LỢI NHUẬN CÒN LẠI SAU KHI PHÂN PHỐI	8.161.467.602

Điều 7. Thông qua tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024, kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2025 của HĐQT và Ban kiểm soát, chi tiết như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Số người	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025
I	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		1.051.377.000	824.496.000
1	Tiền lương Chủ tịch HĐQT	01	1.051.377.000	824.496.000
II	BAN KIỂM SOÁT		1.147.560.000	889.356.000
1	Tiền lương Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách	01	814.632.000	631.332.000
2	Thù lao Trưởng Ban kiểm soát không chuyên trách	01	170.004.000	131.760.000
3	Thù lao Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách	01	162.924.000	126.264.000
III	TỔNG CỘNG (I+II)		2.198.937.000	1.713.852.000

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị rà soát, điều chỉnh lại quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2025 phù hợp với quy định, hướng dẫn hiện hành khi quyết toán tiền lương thực hiện năm 2025 và phê duyệt quyết toán tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025 trước ngày 31 tháng 3 năm 2026 và báo cáo ĐHCĐ ở kỳ họp gần nhất.

Điều 8. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm tổ chức, triển khai thực hiện theo chức năng nhiệm vụ, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ công ty./.

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- Các cổ đông;
- Lưu: VT, HCLĐ.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



BIÊN BẢN CUỘC HỌP
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Tên công ty: Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Mã chứng khoán: DNH

Thời gian: từ 8 giờ 30 phút đến 11 giờ 00 phút, ngày 30 tháng 5 năm 2025.

Địa điểm: Hội trường A Công ty, 80A Trần Phú, phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Phần I
KHAI MẠC ĐẠI HỘI

I. KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG

Ông Phạm Đình Anh - Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông, cụ thể như sau:

Tổng số cổ đông sở hữu và đại diện ủy quyền có mặt tham dự Đại hội đại diện cho 422.167.330 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 99,94% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, sau khi kiểm tra, các cổ đông đều đủ tư cách tham dự Đại hội và Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 đủ điều kiện tiến hành theo quy định.

II. THÀNH PHẦN ĐOÀN CHỦ TỊCH, THƯ KÝ ĐẠI HỘI, BAN KIỂM PHIẾU

1. Đoàn Chủ tịch

- Ông Lê Văn Quang, Chủ tịch HĐQT - Chủ tọa đại hội.
- Ông Đặng Văn Cường, Thành viên HĐQT - Thành viên.
- Ông Đỗ Minh Lộc, Thành viên HĐQT - Thành viên.

2. Thư ký Đại hội

- Ông Ngô Thế Long, Thư ký Công ty.

- Bà Lê Đặng Hoàng Phương, chuyên viên Phòng Tài chính và Kế toán.

3. Ban kiểm phiếu

Đại hội nhất trí thông qua danh sách Ban kiểm phiếu với tỷ lệ tán thành 100%, bao gồm các thành viên sau:

- Ông Lê Xuân Phong, Phó phòng Tài chính và Kế toán - Trưởng ban.
- Ông Đặng Như Tấn, chuyên viên Phòng Hành chính và Lao động - Thành viên.
- Ông Nguyễn Lê Minh, chuyên viên Phòng Hành chính và Lao động - Thành viên.
- Bà Lê Tạ Hải Lan, chuyên viên Phòng Kế hoạch và Vật tư - Thành viên.

Phần II

NỘI DUNG ĐẠI HỘI

Các Tờ trình và Báo cáo được trình bày tại Đại hội:

1. Ông Đỗ Minh Lộc, Thành viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng giám đốc trình bày Báo cáo số 239/BC-HĐQT ngày 29 tháng 5 năm 2025 về Kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2024 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.

2. Ông Đặng Văn Cường, Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng giám đốc trình bày Báo cáo số 235/BC-HĐQT ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng quản trị về tình hình quản trị Công ty năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025.

3. Bà Đinh Hải Ninh, Trưởng Ban Kiểm soát trình bày Báo cáo số 07/BC-BKS ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động năm 2024 của Ban kiểm soát; Tờ trình số 08/TTr-BKS ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Ban kiểm soát về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.

4. Ông Lê Xuân Phong, Phó phòng Tài chính và Kế toán trình bày Tờ trình số 237/TTr-HĐQT ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng quản trị về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2024; Tờ trình số 238/TTr-HĐQT ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng quản trị về việc thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024.

5. Ông Trịnh Quang Tiến Phước, Trưởng phòng Hành chính và Lao động trình bày Tờ trình số 236/TTr-TĐĐHĐ ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng quản trị về việc thông qua Tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024 và tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2025 của HĐQT và Ban Kiểm soát.

Phần III

Ý KIẾN CỦA CỔ ĐÔNG

Tại Đại hội, Ban tổ chức đã trình bày các Báo cáo, Tờ trình như nội dung ở Phần II. Cổ đông không có ý kiến về Báo cáo, Tờ trình được trình bày tại Đại hội.

Phần IV
KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT

STT	Nội dung biểu quyết	Kết quả	Tỷ lệ
1	Thông qua Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2024 và Kế hoạch sản năm 2025.	- Số cổ phần tán thành: 422.167.330 - Số cổ phần không tán thành: 0 - Số cổ phần không có ý kiến: 0	100,00% 0,00% 0,00%
2	Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình quản trị Công ty năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025.	- Số cổ phần tán thành: 422.167.330 - Số cổ phần không tán thành: 0 - Số cổ phần không có ý kiến: 0	100,00% 0,00% 0,00%
3	Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động năm 2024 của Ban Kiểm soát.	- Số cổ phần tán thành: 422.167.330 - Số cổ phần không tán thành: 0 - Số cổ phần không có ý kiến: 0	100,00% 0,00% 0,00%
4	Thông qua Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025.	- Số cổ phần tán thành: 422.167.330 - Số cổ phần không tán thành: 0 - Số cổ phần không có ý kiến: 0	100,00% 0,00% 0,00%
5	Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024.	- Số cổ phần tán thành: 422.167.330 - Số cổ phần không tán thành: 0 - Số cổ phần không có ý kiến: 0	100,00% 0,00% 0,00%
6	Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024.	- Số cổ phần tán thành: 422.167.330 - Số cổ phần không tán thành: 0 - Số cổ phần không có ý kiến: 0	100,00% 0,00% 0,00%
7	Thông qua Tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024 và tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2025 của HĐQT và Ban Kiểm soát.	- Số cổ phần tán thành: 422.167.330 - Số cổ phần không tán thành: 0 - Số cổ phần không có ý kiến: 0	100,00% 0,00% 0,00%

Phần V**THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI**

Ông Ngô Thế Long - Thư ký Đại hội trình bày Dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

Đại hội nhất trí thông qua toàn văn Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Vào lúc 11 giờ 00 cùng ngày, ông Lê Văn Quang - Chủ tọa đã tuyên bố bế mạc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.

Biên bản này được lập thành 02 bản và được lưu tại Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2025;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: VT, HCLĐ.

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

CHỦ TỊCH HĐQT
Lê Văn Quang

THƯ KÝ ĐẠI HỘI

Ngô Thế Long



EVNGENCO1
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN
ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI

Địa chỉ: 80A Trần Phú, phường Lộc Sơn, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại: 02633.728171 - Fax: 02633.866457

Email: trusochinh@dhd.com.vn; website: <https://www.dhd.com.vn>

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2024
và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 -
Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Phần I
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ DÀI HẠN

1. Tiếp tục triển khai công tác cải tạo, phục hồi, nâng cấp hệ thống thiết bị, công trình các nhà máy điện của Công ty.
2. Nghiên cứu, chuẩn bị hồ sơ đề xuất được làm Chủ đầu tư thực hiện Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim - giai đoạn 2 với công suất 80MW và Nhà máy điện mặt trời Đa Mi - giai đoạn 2 trong giai đoạn 2025-2030.

Phần II
KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH
(SXKD) NĂM 2024

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

1. Tình hình thủy văn

- Trong năm 2024, tình hình thủy văn không thuận lợi, lưu lượng nước về các hồ thấp hơn so với kế hoạch. Lưu lượng nước về hồ Đơn Dương đạt 100% so với kế hoạch (25,30 m³/s/25,30 m³/s). Tuy nhiên, trong 11 tháng đầu năm lưu lượng nước về hồ chỉ đạt 89,94% kế hoạch, và trong tháng 11 do xuất hiện 02 cơn lũ nên phải xả tràn; lưu lượng nước về hồ Hàm Thuận đạt 91,67% so với kế hoạch (46,90 m³/s/51,16 m³/s).
- Lưu lượng trung bình nước về các hồ năm 2024 như sau: Hồ Đơn Dương là 25,30 m³/s, thấp hơn cùng kỳ 2023 và cao hơn trung bình nhiều năm (TBNN) (năm 2023: 27,54 m³/s, TBNN: 23,10 m³/s); hồ Hàm Thuận là 46,90 m³/s, thấp hơn cùng kỳ 2023 và TBNN (năm 2023: 58,46 m³/s; TBNN: 51,66 m³/s). Chi tiết như sau:

STT	Nội dung	Hồ Đơn Dương	Hồ Hàm Thuận
-----	----------	--------------	--------------

		2023	2024	2023	2024
1	Lưu lượng vào hồ (m ³ /s)	27,54	25,30	58,46	46,90
2	Lưu lượng chạy máy (m ³ /s)	23,32	20,49	50,25	44,35
3	Lưu lượng nước xả trung bình (m ³ /s)	3,81	4,41	3,69	1,78
4	Tổng lượng nước xả (triệu m ³)	120,25	139,43	116,44	56,42
5	Mức nước hồ đầu kỳ (m)	1042,06	1042,00	600,11	604,96
6	Mức nước hồ cuối kỳ (m)	1042,00	1042,00	604,96	605,00

2. Công tác sản xuất điện

Theo Nghị quyết số 617/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông năm 2024 phê duyệt kế hoạch (KH) sản lượng điện năm 2024 là 3.045 triệu kWh (Tr.kWh), thực hiện (TH) là 2.745,52 Tr.kWh tương đương 90,18% so với kế hoạch. Chi tiết như sau:

STT	Nội dung	TH 2024 (Tr.kWh)	KH 2024 (Tr.kWh)	TH/KH (%)	TH 2023 (Tr.kWh)	TH 2024/TH 2023 (%)
(a)	(b)	(1)	(2)	(3=1/2)	(4)	(5=1/4)
1	Sản lượng điện sản xuất	2.745,52	3.044,59	90,18	3.099,98	88,57
	- Thủy điện	2.679,24	2.979,72	89,92	3.037,93	88,19
	- Điện mặt trời	66,28	64,87	102,17	62,05	106,82
2	Sản lượng điện thương phẩm	2.728,08	3.019,78	90,34	3.077,39	88,65
	- Thủy điện	2.662,42	2.955,47	90,08	3.015,90	88,28
	- Điện mặt trời	65,66	64,31	102,10	61,49	106,78

3. Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và vận hành thị trường điện

a) Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

STT	Chỉ tiêu	TH 2024	KH 2024	TH/KH (%)	Đánh giá (Đ/KĐ)
		(1)	(2)	(3=1/2)	

1	Tỉ lệ điện tự dùng (%)	0,69	$\leq 0,84$	86,90	Đạt
2	Hệ số khả dụng (%)	96,040	$\geq 95,550$	98,98	Đạt
3	Tỉ lệ ngừng máy sự cố (%)	0,002	0,490	0,408	Đạt
4	Tỉ lệ ngừng máy bảo dưỡng (%)	3,958	3,960	110,09	Đạt

b) Vận hành trị trường điện

Chỉ tiêu	TH 2024	KH 2024	TH/KH (%)	Đánh giá (Đ/KĐ)
	(1)	(2)	(3=1/2)	
Doanh thu bán điện tăng thêm (Triệu đồng)	83.900	64.830	129,42	Đạt

4. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Thực hiện	Kế hoạch	TH/KH (%)
1	Tổng doanh thu	2.131.242	1.898.540	112,26
	- Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh điện (bao gồm lãi tiền gửi)	2.059.171	1.855.387	110,98
	- Doanh thu hoạt động tài chính	66.680	39.778	167,63
	- Doanh thu khác	5.391	3.375	159,73
2	Tổng chi phí	1.027.417	1.220.832	84,16
	- Chi phí hoạt động sản xuất điện (gồm các khoản làm tăng giảm giá điện)	1.023.530	1.217.794	84,05
	<i>Trong đó: Lỗ/Lãi (Chênh lệch tỷ giá)</i>	<i>30.780</i>	<i>(71.209)</i>	-
	- Chi phí hoạt động tài chính	-	-	-
	- Chi phí khác	3.887	3.038	127,95
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	1.103.825	677.708	162,88

	- Lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh điện	1.035.641	637.593	162,43
	- Lợi nhuận hoạt động tài chính	66.680	39.778	167,63
	- Lợi nhuận khác	1.504	337	446,29
4	Lợi nhuận sau thuế	905.915	542.166	167,09
5	Cổ tức	21%	12%	175,00

4.1. Hoạt động sản xuất điện

a) Doanh thu

- Doanh thu sản xuất điện là 2.004.453 triệu đồng, đạt 112,27% kế hoạch năm.

- Doanh thu lãi tiền gửi, tiền cho vay là 54.718 triệu đồng, đạt 78,17% kế hoạch năm. Nguyên nhân do Tổng công ty Phát điện 1 trả nợ trước hạn khoản vay 800.000 triệu đồng vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 nên lãi tiền cho vay giảm so với năm 2023. (Lãi tiền cho vay năm 2024 là 28.500 triệu đồng, lãi tiền cho vay năm 2023 là 70.900 triệu đồng).

b) Chi phí

Tổng chi phí thực hiện (không bao gồm lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá (CLTG)) là 1.054.310 triệu đồng, tương đương 91,95% kế hoạch năm, cụ thể như sau:

- Các khoản mục chi phí giảm

+ Thuế tài nguyên giảm 26.076 triệu đồng và phí dịch vụ môi trường rừng giảm 10.550 triệu đồng do sản lượng điện giảm so với kế hoạch năm;

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài giảm 9.849 triệu đồng do giảm chi phí mua điện tự dùng giảm 886 triệu đồng và chi phí dịch vụ mua ngoài khác giảm 8.963 triệu đồng do một số hạng mục tiết giảm qua đấu thầu và một vài hạng mục chuyển tiếp sang năm 2025;

+ Chi phí vật liệu giảm 3.173 triệu đồng do tiết giảm trong quá trình đấu thầu;

+ Chi phí lãi vay giảm 1.705 triệu đồng do tỷ giá đồng Yên (JPY) giảm, dẫn đến giảm giá trị quy đổi khoản vay bằng JPY, tỷ giá Đô la Mỹ (USD) tăng không đáng kể;

+ Chi phí sửa chữa lớn giảm 856 triệu đồng do tiết giảm trong đấu thầu;

+ Chi phí bằng tiền giảm do: Thực hiện tiết kiệm và tiết giảm trong đấu thầu như: chi phí hội nghị tiếp khách, chi phí có tính chất phúc lợi, chi phí phát quang... . Một số hạng mục năm 2024 chuyển tiếp sang năm 2025.

- Các khoản mục chi phí tăng

+ Chi phí tiền lương tăng 3.743 triệu đồng do năng suất lao động tăng.

+ Chi phí BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN tăng do lương cơ sở tăng.

- Các khoản mục khác tăng/giảm không đáng kể so với kế hoạch được duyệt.

c) Các khoản làm tăng/giảm giá thành điện: Lỗ/Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện trong năm là 30.780 triệu đồng, Công ty đã hạch toán toàn bộ vào doanh thu tài chính trong kỳ.

d) Lợi nhuận sản xuất điện (Bao gồm các khoản làm tăng/giảm giá thành điện) là 1.035.641 triệu đồng, đạt 162,43% so với kế hoạch năm.

4.2. Hoạt động tài chính

a) Doanh thu tài chính

Trong năm, Công ty nhận cổ tức từ các khoản đầu tư được 66.680 triệu đồng, cụ thể như sau:

- Công ty cổ phần (CTCP) Thủy điện Hạ Sông Pha chia cổ tức năm 2023 là 10% với số tiền 11.200 triệu đồng.

- Công ty cổ phần Thủy điện A Vương chia cổ tức năm 2023 là 47,89% và tạm ứng 5,00% cổ tức năm 2024 với số tiền 18.000 triệu đồng.

- Công ty cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ chia cổ tức năm 2023 là 53,25% và tạm ứng cổ tức năm 2024 là 5% với số tiền 7.400 triệu đồng.

- Công ty cổ phần Phong điện Thuận Bình chia cổ tức năm 2023 là 20% và tạm ứng cổ tức 10% năm 2024 với số tiền là 30.000 triệu đồng.

b) Chi phí tài chính

Trong năm 2024, Công ty không phát sinh chi phí tài chính.

4.3. Hoạt động sản xuất khác

Hoạt động sản xuất khác đạt doanh thu 5.391 triệu đồng (Trong đó hoạt động cung cấp dịch vụ là 3.700 triệu đồng).

4.4. Lợi nhuận:

Lợi nhuận trước thuế là 1.103.825 triệu đồng, đạt 162,88% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế là 905.915 triệu đồng, đạt 167,09% kế hoạch năm. Lợi nhuận đạt cao nhờ hoạt động sản xuất điện thuận lợi và lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại vào cuối năm.

4.5. Cổ tức

Hội đồng quản trị đề xuất mức cổ tức năm 2024 là 21% đạt 175,00% so với kế hoạch năm.

II. CÔNG TÁC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG - MUA SẴM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

1. Công tác đầu tư xây dựng (ĐTXD)

1.1 Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim (DNEX)

a) Tình hình giải ngân

Trong năm 2024, Công ty đăng ký kế hoạch là 56.788 triệu đồng; đầu tư thuần là 1.702 triệu đồng, trả nợ gốc là 55.086 triệu đồng. Thực hiện năm 2024 là 48.855 triệu đồng tương đương 86,03% kế hoạch năm. Số tiền trả nợ gốc thực hiện thấp hơn kế hoạch do tỷ giá đồng Yên Nhật giảm mạnh. Chi tiết như sau:

STT	Hạng mục	Thực hiện (Triệu đồng)	Kế hoạch (Triệu đồng)	So sánh TH 2024/ KH 2024 (%)
1.	Trả nợ gốc	47.180	55.086	85,65
2.	Đầu tư thuần	1.675	1.702	98,41
	Tổng cộng	48.855	56.788	86,03

b) Tình hình thực hiện

- Công ty đã khởi kiện Công ty cổ phần Xây dựng 47 vi phạm nghĩa vụ về thời gian hoàn thành công trình của Hợp đồng số 368/DHD-CC47 ngày 09 tháng 12 năm 2015 giữa Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi và Công ty cổ phần Xây dựng 47 về việc thực hiện Gói thầu 12.01-(DNE-D1): Công tác xây dựng kiến trúc công trình chính, Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim.

- Về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư: Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo (ĐL-NLTT) đã có Báo cáo số 151/BC-ĐL ngày 14 tháng 11 năm 2024 về kết quả rà soát đề giải quyết các vướng mắc DNEX gửi Bộ Công Thương.

1.2. Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi

Trong năm 2024, Công ty đăng ký kế hoạch giải ngân trả nợ gốc là 66.392 triệu đồng, thực hiện là 48.763 triệu đồng, tương đương 73,45% kế hoạch năm. Nguyên nhân Công ty đã trả hết dư nợ khoản vay lãi suất thả nổi sớm hơn dự kiến vào cuối năm 2023, khoản vay chỉ còn dư nợ lãi suất cố định nên trả nợ gốc năm 2024 giảm. Chi tiết như sau:

STT	Hạng mục	Thực hiện (Triệu đồng)	Kế hoạch (Triệu đồng)	So sánh TH 2024/ KH 2024 (%)
	Trả nợ gốc	48.763	66.392	73,45
	Tổng cộng	48.763	66.392	73,45

2. Các hạng mục mua sắm tài sản cố định (TSCĐ)

Trong năm 2024, Công ty đăng ký 31 hạng mục mua sắm tài sản cố định với tổng giá trị kế hoạch giải ngân là 36.695 triệu đồng. Giá trị thực hiện giải ngân năm 2024 là 13.852 triệu đồng, tương đương 37,75% kế hoạch năm. Giá trị giải ngân thấp hơn kế hoạch do tiết kiệm trong quá trình đấu thầu và một số hạng mục chuyển tiếp sang năm 2025.

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, GÓP VỐN, MUA CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU

1. Kết quả sản xuất kinh doanh của các công ty có vốn góp của Công ty

STT	Tên công ty	Giá trị vốn góp cuối kỳ (Triệu đồng)	Tỷ lệ vốn góp (%)	LNST kế hoạch (Triệu đồng)	LNST thực hiện (Triệu đồng)
1	CTCP Thủy điện Hạ Sông Pha	112.000	70	18.107	11.715
2	CTCP Phong điện Thuận Bình	100.000	20	145.821	149.097
3	CTCP Thủy điện A Vương	24.560	3	94.046	302.172
4	CTCP Thủy điện Sông Ba Hạ	12.800	1	264.338	271.749

Nhìn chung, tình hình sản xuất kinh doanh của các công ty con, công ty liên kết và các công ty có vốn góp của Công ty trong năm 2024 đều có lãi.

- CTCP Thủy điện Hạ Sông Pha có lợi nhuận thấp hơn kế hoạch do không đủ nước để được phát cao vào giờ cao điểm sáng.

- CTCP Phong điện Thuận Bình có lợi nhuận tương đương 102,2% so với kế hoạch năm.

- CTCP thủy điện A Vương: đạt lợi nhuận tương đương 321,3% so với kế hoạch năm. Nguyên nhân do sản lượng tăng, giá bán điện tăng và chi phí giá thành giảm.

- CTCP Thủy điện Sông Ba Hạ đạt lợi nhuận tương đương 102,8% so với kế hoạch năm.

2. Lãi tiền gửi, cho vay

Trong năm 2024, lãi tiền gửi, tiền cho vay là 54.718 triệu đồng.

Phần III

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2025

I. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH

1. Khối lượng công việc thực hiện công tác sửa chữa tài sản cố định và đầu tư trong năm 2025 lớn như: Hệ thống điều tốc và kích từ tổ máy H1 Nhà máy Thủy điện Đa Mi; hệ thống kích từ tổ máy H2 Nhà máy Thủy điện Đa Mi; hệ thống rơ le bảo vệ phát tuyến 272 Nhà máy Thủy điện Đa Mi; Cải tạo, nâng cấp Hệ thống thiết bị trung tâm điều khiển OCC, dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim - giai đoạn 2 ...

2. Dự án mở rộng nhà máy thủy Đa Nhim còn nhiều nội dung tồn tại, chưa hoàn thành như: Điều chỉnh tiến độ dự án, thanh toán cho nhà thầu TVGS, quyết toán các hạng mục hoàn thành và các khiếu nại, vướng mắc liên quan với Nhà thầu CC47...

II. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT ĐIỆN

1. Sản lượng điện

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch
1	Sản lượng điện sản xuất	Triệu kWh	2.879,64
	- Thủy điện	Triệu kWh	2.813,83
	- Điện mặt trời	Triệu kWh	65,81
2	Sản lượng điện thương phẩm	Triệu kWh	2.860,24
	- Thủy điện	Triệu kWh	2.794,92
	- Điện mặt trời	Triệu kWh	65,32

2. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch
1	Tỷ lệ điện tự dùng	%	0,69
2	Hệ số khả dụng	%	93,84
3	Tỷ lệ dừng máy sự cố	%	0,50 (mùa khô) 0,00 (mùa lũ)
4	Hệ số dừng máy bảo dưỡng	%	5,66

3. Chỉ tiêu vận hành thị trường điện

Doanh thu bán điện tăng thêm năm 2025 là 90.021 triệu đồng.

III. CÔNG TÁC BẢO DƯỠNG SỬA CHỮA TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

1. Sửa chữa lớn

Công ty đăng ký kế hoạch sửa chữa lớn năm 2025 gồm 14 hạng mục công trình (10 hạng mục công trình đăng ký mới và 4 hạng mục công trình chuyển tiếp từ năm 2024) với tổng giá trị giải ngân là 53.283 triệu đồng và giá trị hạch toán vào chi phí trong năm 2025 là 43.119 triệu đồng (bao gồm phân bổ chi phí).

2. Sửa chữa thường xuyên

- Sửa chữa thường xuyên tự làm: Công ty đăng ký kế hoạch sửa chữa thường xuyên năm 2025 gồm 9 hạng mục với tổng số tiền là 22.306,1 triệu đồng.

- Sửa chữa thường xuyên phần thuê ngoài: Công ty đăng ký kế hoạch sửa chữa thường xuyên năm 2025 gồm 17 hạng mục với tổng số tiền là 16.316,6 triệu đồng.

IV. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.967.510
	- Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh điện (bao gồm lãi tiền gửi)	Triệu đồng	1.934.202
	- Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng	27.216
	- Doanh thu khác	Triệu đồng	6.092
2	Tổng chi phí	Triệu đồng	1.161.725
	- Chi phí hoạt động sản xuất điện (gồm các khoản làm tăng giảm giá điện)	Triệu đồng	1.156.242
	<i>Trong đó: Lỗ/Lãi (Chênh lệch tỷ giá)</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>(60.511)</i>
	- Chi phí hoạt động tài chính	Triệu đồng	-
	- Chi phí khác	Triệu đồng	5.483
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	805.785
	- Lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh điện	Triệu đồng	777.960
	- Lợi nhuận hoạt động tài chính	Triệu đồng	27.216
	- Lợi nhuận khác	Triệu đồng	609
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	644.628
5	Cổ tức	%	14

V. CÔNG TÁC ĐẦU TƯ

1. Đầu tư xây dựng

Trong năm 2025, Công ty đăng ký kế hoạch giải ngân Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim và dự án điện mặt trời Đa Mi là 100.193 triệu đồng. Chi tiết như sau

STT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch năm 2025
-----	----------	-----	-------------------

	Tổng cộng	Triệu đồng	100.193
1	Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim	Triệu đồng	49.698
	Trả nợ gốc	Triệu đồng	49.698
2	Dự án NMTĐ Mặt trời Đa Mi	Triệu đồng	50.495
	Trả nợ gốc	Triệu đồng	50.495

2. Mua sắm tài sản cố định

Kế hoạch mua sắm tài sản cố định năm 2025 là 38.907 triệu đồng.

Trên đây là toàn bộ báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2024 và các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2025 của Công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT (để b/c);
- Ban KS;
- Lưu: VT, KHVT.

Đính kèm: Phụ lục tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch năm 2025.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đặng Văn Cường

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬA CHỮA LỚN NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số /BC-TĐDHD ngày tháng 5 năm 2025 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch năm 2024		Thực hiện năm 2024		TH/KH (%)		Tình hình thực hiện
		Kế hoạch giải ngân	Hạch toán vào chi phí	Kế hoạch giải ngân	Hạch toán vào chi phí	Kế hoạch giải ngân	Hạch toán vào chi phí	
	Tổng	38,585	34,451	24,125	33,595	62.52	97.52	
	Công trình chuyển tiếp từ năm 2023 sang	8,276	2,201	7,268	8,890	87.83	403.85	
1	Tổ máy - Hệ thống điều tốc tổ máy H4, Nhà máy Thủy điện Sông Pha	4,015	1,101	3,501	4,439	87.20	403.30	Hoàn tất
2	Tổ máy - Hệ thống điều tốc tổ máy H5 Nhà máy Thủy điện Sông Pha	4,015	1,101	3,513	4,451	87.50	404.39	Hoàn tất
3	Tổ máy - Hệ thống kích từ và hệ thống điều tốc tổ máy H1 Nhà máy Thủy điện Đa Mi (Thuê tư vấn lập hồ sơ khảo sát, PAKT, dự toán, lập HSMT; Thuê tư vấn thẩm tra hồ sơ khảo sát, PAKT, dự toán, lập HSMT).	246	-	255		103.54		TT còn lại 30%PAKT; TT 100%Thẩm tra và HSMT. Hoàn tất
	Công trình kế hoạch năm 2024	30,309	32,249	16,856	24,705	55.61	76.61	
1	Tổ máy H1 Đa Nhim - Đại tu tổ máy	2,938	2,938	2,116	2,116.0	72.02	72.02	Hoàn tất
2	Tổ máy H2 Đa Nhim - Đại tu tổ máy	2,578	2,578	1,469	1,469.0	56.98	56.98	Hoàn tất
3	Tổ máy H5 Sông Pha - Đại tu tổ máy	763	763	725	725.0	95.02	95.02	Hoàn tất
4	Tổ máy H1 Đa Mi - Hệ thống điều tốc và kích từ	6,141	-	1,518		24.72		Công trình đăng ký 2 năm 2024-2025. Giá trị thực hiện năm 2024 tạm ứng 20% Hợp đồng hệ thống kích từ
5	Tổ máy H2 Đa Mi - Hệ thống kích từ	2,673	-	1,518		56.79		Công trình đăng ký 2 năm 2024-2025. Giá trị thực hiện năm 2024 tạm ứng 20% Hợp đồng hệ thống kích từ
6	Nhà máy điện mặt trời Đa Mi - Nhà máy điện mặt trời	3,120	3,120	1,067	1,067.0	34.20	34.20	Hoàn tất
7	Nhà máy Thủy điện Đa Nhim - Hệ thống điều tốc các tổ máy H1, H2, H3 và H4	950	-	465.00		48.95		Hoàn tất phần thuê tư vấn lập, thẩm tra
8	Tổ máy H1 Đa Mi - Hệ thống rote bảo vệ	2,674	2,674	1,767.00		66.07	0.00	Năm 2024 giải ngân giá trị vật tư. Đang thực hiện từ 01/01/2025 đến 10/01/2025. Chuyển tiếp 2025
9	Công trình xây dựng - Đường vận hành đi Nhà máy Thủy điện Đa Mi	6,208	6,208	4,542.00	4,542.0	73.16	73.16	Hoàn tất
10	Công trình xây dựng - Nhà trực vận hành, sửa chữa và văn phòng làm việc Đa Nhim	2,264	2,264	1,669.20	1,669.2	73.73	73.73	Hoàn tất
11	Chi phí phân bổ		11,704		13,117.0		112.07	

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số /BC-TĐĐHD ngày tháng 5 năm 2025 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi)

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	SS TH/KH (%)
I	Tổng doanh thu (Triệu đồng)	1,898,540	2,131,242	112.26
1	Doanh thu SXKD điện (bao gồm lãi tiền gửi)	1,855,387	2,059,171	110.98
2	Doanh thu hoạt động tài chính	39,778	66,680	167.63
3	Doanh thu khác	3,375	5,391	159.73
II	Tổng chi phí (Triệu đồng)	1,220,832	1,027,417	84.16
1	Sản xuất kinh doanh điện (gồm các khoản làm tăng giảm giá điện)	1,217,794	1,023,530	84.05
	Trong đó: Lãi/ Lỗ CLTG	(71,209)	30,780	-
2	Hoạt động tài chính	-	-	-
3	Hoạt động khác	3,038	3,887	127.95
III	Tổng LN trước thuế (Triệu đồng)	677,708	1,103,825	162.88
1	SXKD điện	637,593	1,035,641	162.43
2	Hoạt động tài chính	39,778	66,680	167.63
3	Hoạt động khác	337	1,504	446.29
IV	Lợi nhuận sau thuế (Triệu đồng)	542,166	905,915	167.09
V	Cổ tức (%)	12	21	175.00

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số /BC-TĐĐHD ngày tháng 5 năm 2025 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	TH/KH	Ghi chú
	Tổng cộng	Triệu đồng	123,180	97,618	79.25%	
1.1	Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim	Triệu đồng	56,788	48,855	86.03%	
	Đầu tư thuần	Triệu đồng	1,702	1,675	98.41%	
	Trả nợ gốc	Triệu đồng	55,086	47,180	85.65%	
1.2	Dự án NMTĐ Mặt trời Đa Mi	Triệu đồng	66,392	48,763	73.45%	
	Trả nợ gốc	Triệu đồng	66,392	48,763	73.45%	

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH MUA SẮM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH BẰNG NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VÀ KHẤU HAO CƠ BẢN NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Báo cáo số...../BC-TĐĐHD ngày tháng 5 năm 2025 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi)

Mục lục/D7

STT	Các danh mục, thiết bị	DVT	Số lượng	Đơn giá (Triệu đồng)	Thành tiền (Triệu đồng)	Thực hiện năm 2023	Giá trị KH năm 2024	Thực hiện năm 2024	SS năm 2024 U/TH/KH	Tình hình thực hiện
A	Danh mục chuyển tiếp				62,951.9	9,493.8	3,211.6	3,211.6	100.00	
1	Nâng cấp hệ thống điều khiển trạm GIS Hàm Thuận	HT	1	22,405	22,405	-	-	-		
2	Trung tâm OCC - Cài tạo, nâng cấp Hệ thống thiết bị trung tâm điều khiển OCC, hệ thống mạng bảo mật hệ thống điều khiển và thị trường điện	HT	1	13,309	13,309	-	-	-		
3	Tư vấn khảo sát, thiết kế, lập dự toán hạng mục "Cửa van sửa chữa đập tràn Đơn Dương"	Gói	1	1,015.6	1,016	250.0	1,015.6	1,015.6	100.00	Hoàn tất
4	Nâng cấp, thay thế, trang bị mới thiết bị CNTT đảm bảo hạ tầng phục vụ chuyển đổi số giai đoạn 2022-2025	HT	1	4,808	4,808	-	-	-		
5	Xe ô tô chữa cháy	Xe	1	3,627	3,627	550.0	1,996.0	1,996.0	100.00	Hoàn tất
6	Hệ thống giám sát trực tuyến các MBA chính NMTĐ Đa Mi	HT	2	8,894	17,788	8,693.8	200.0	200.0	100.00	Hoàn tất
B	Danh mục kế hoạch đăng ký mới năm 2024				41,663.8		33,483.6	10,640.9	31.78	
1	Máy biến điện áp 13,2 kV đầu cực các máy phát Đa Nhim (Gói gồm 8 bộ)	Gói	1	496.2	496.2		496.2	273.4	55.10	Hoàn tất
2	Máy biến áp 13T Nhà máy Thủy điện Đa Nhim	Máy	1	863.0	863.0		863.0	359.6	41.67	Hoàn tất
3	Hệ thống điều hòa cho nhà máy Đa Nhim mở rộng	Hệ thống	1	222.4	222.4		222.4	180.8	81.29	Hoàn tất
4	Hệ thống quan trắc chuyển vị và đường bảo hòa thấm trong thân đập - Công trình thủy điện Đa Nhim	Gói	1	3,215.2	3,215.2		3,215.2	-	0.00	Chuyển tiếp sang năm 2025
5	Mốc quan trắc công trình thủy điện Hàm Thuận	Gói	1	143.2	143.2		143.2	115.7	80.80	Hoàn tất
6	Mốc quan trắc công trình thủy điện Đa Mi	Gói	1	248.4	248.4		248.4	221.0	88.97	Hoàn tất
7	Trang bị Máy công cụ, dụng cụ và máy thí nghiệm	Gói	1	5,156.5	5,156.5		5,156.5	3,888.0	75.40	Thanh toán giá trị Hợp đồng. Chuyển tiếp 02 hạng mục Bơm thủy lực và máy đo lưu lượng trong năm 2025
8	Hệ thống báo cháy và chữa cháy tự động cho các MBA T9 và T10 Nhà máy Thủy điện Đa Nhim	Hệ thống	1	1,540.4	1,540.4		1,540.4	59.0	3.83	Tổng giá hạng mục 1.373,5 triệu đồng Năm 2024 thanh toán chi phí thiết kế là 58,5 triệu đồng. Năm 2025 thanh toán phần lắp đặt là 1.315 triệu đồng
9	Hệ thống báo cháy và chữa cháy tự động Nhà máy Thủy điện Đa Nhim	Hệ thống	1	5,017.5	5,017.5		5,017.5	59.0	1.18	Tổng giá hạng mục 3.146 triệu đồng Năm 2024 thanh toán chi phí thiết kế là 58,5 triệu đồng. Năm 2025 thanh toán phần lắp đặt là 3.087 triệu đồng
10	Hệ thống chữa cháy tự động kho vật tư Nhà máy Thủy điện Đa Nhim	Hệ thống	1	3,244.4	3,244.4		3,244.4	59.0	1.82	Giá trị Hợp đồng đã ký là 1.685 triệu đồng. Phát sinh trong quá trình thi công là 800 triệu đồng. Năm 2024 thanh toán chi phí thiết kế là 58,5 triệu đồng. Năm 2025 thanh toán phần lắp đặt là 2.367 triệu đồng
11	Hệ thống báo cháy và chữa cháy tự động Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận	Hệ thống	1	749.4	749.4		749.4	-	0.00	Năm 2024 chưa thanh toán chi phí thiết kế Năm 2025 thanh toán cả phần thiết kế và lắp đặt
12	Hệ thống báo cháy và chữa cháy tự động Nhà máy Thủy điện Đa Mi	Hệ thống	1	774.4	774.4		774.4	-	0.00	Năm 2024 chưa thanh toán chi phí thiết kế Năm 2025 thanh toán cả phần thiết kế và lắp đặt
13	Hệ thống báo cháy và chữa cháy tự động Nhà máy Thủy điện Sông Pha	Hệ thống	1	2,360.9	2,360.9		2,360.9	38.0	1.61	Tổng giá hạng mục 787 triệu đồng Năm 2024 thanh toán chi phí thiết kế là 38,2 triệu đồng. Năm 2025 thanh toán phần lắp đặt là 748 triệu đồng
14	Thay mới và lắp bổ sung hệ thống báo cháy và chữa cháy tự động Nhà máy Điện mặt trời Đa Mi	Hệ thống	1	723.7	723.7		723.7	-	0.00	Năm 2024 chưa thanh toán chi phí thiết kế Năm 2025 thanh toán cả phần thiết kế và lắp đặt
15	Hệ thống chữa cháy tự động cho MBA T1 Nhà máy Điện mặt trời Đa Mi	Hệ thống	1	391.6	391.6		391.6	-	0.00	Năm 2024 chưa thanh toán chi phí thiết kế Năm 2025 thanh toán cả phần thiết kế và lắp đặt
16	Bơm chữa cháy loại kháng tay cho Nhà máy Thủy điện Sông Pha	Bộ	1	369.1	369.1		369.1	190.0	51.48	Hoàn tất
17	Bơm chữa cháy động cơ điện và chống sét cho khu Nhà trực vận hành Bảo Lộc	Bộ	1	467.0	467.0		467.0	310.0	66.38	Hoàn tất
18	Thi công lắp đặt hạng mục "Ổng piezometer đo đường bảo hòa thấm trong thân đập Hàm Thuận và Đa Mi"	gói	1	6,079.1	6,079.1		3,120.0	2,775.6	88.96	- Chi phí: 9,79 tỷ đồng trước thuế 10%. Trong đó: + Năm 2023 đã thực hiện chi phí thiết kế 4,43 tỷ. + Năm 2024 thi công giai đoạn 01 (lắp đặt giếng quan trắc) chi thanh toán phần tạm với chi phí là 2,998 tỷ gồm VAT, thanh tạm tạm ứng 571 triệu đồng bao gồm VAT. + Năm 2025 thanh toán phần còn lại của giai đoạn 1. + Lắp đặt giai đoạn 2 (lắp đặt thiết bị quan trắc) với chi phí khoảng 2,08 tỷ đồng; chưa có đề xuất, dự kiến thực hiện 2026
19	Nhà để xe khu vực Văn phòng Bảo Lộc	gói	1	1,255.4	1,255.4		1,255.4	1,038.3	82.71	Hoàn tất
20	Nhật ký vận hành điện tử	gói	1	1,637.0	1,637.0		1,637.0	-	0.00	Hủy, Không thực hiện
21	Cầu thang thoát hiểm hội trường văn phòng làm việc Bảo Lộc	gói	1	190.0	190.0		190.0	169.4	89.16	Hoàn tất

22	Cầu thang thoát hiểm khu nhà xưởng Hàm Thuận	gói	1	265.0	265.0		265.0	254.6	96.08	Hoàn tất
23	Bảo cháy, chữa cháy khu nhà trực vận hành sửa chữa Bảo Lộc - Khu thể thao	gói	1	450.0	450.0		450.0	401.6	89.24	Hoàn tất
24	Nhà xưởng tại Nhà máy thủy điện Đa Mi	gói	1	5,425.0	5,425.0		204.0	107.9	52.89	- Tổng mức đầu tư dự kiến: 5.425 triệu đồng. - Chi phí tư vấn thiết kế là 154,2 triệu đồng bao gồm thuế, đã thanh toán 107,9 triệu đồng trong năm 2024. - Năm 2025 thanh toán + Chi phí tư vấn còn lại: + Thực hiện lựa chọn nhà thầu xây dựng và thanh toán khoảng 70% giá trị.
25	Kiểm toán, quyết toán các hạng mục ĐTPT năm 2023	gói	1	379.0	379.0		379.0	140.0	36.94	Hoàn tất
Tổng cộng					104,615.7		36,695.2	13,852.5	37.75	

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH SẢN XUẤT NĂM 2025

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Q1	Q2	Q3	Q4	Năm
Sản lượng điện sản xuất (tr. kWh)	195.90	192.07	229.54	262.03	224.34	238.82	258.71	289.57	284.13	293.21	242.30	169.05	617.51	725.18	832.40	704.55	2,879.64
Thủy điện	190.54	186.52	222.89	255.81	218.54	233.72	253.80	284.20	279.05	287.73	237.06	163.95	599.96	708.08	817.06	688.74	2,813.83
Điện mặt trời	5.36	5.55	6.65	6.22	5.79	5.09	4.90	5.36	5.08	5.48	5.24	5.09	17.55	17.10	15.34	15.81	65.81
Tỷ dùng (%)	0.63	0.62	0.59	0.69	0.69	0.69	0.69	0.69	0.69	0.69	0.69	0.69	0.61	0.69	0.69	0.69	0.67
SLD thương phẩm (tr.kWh)	194.66	190.88	228.18	260.22	222.79	237.17	256.92	287.57	282.17	291.19	240.62	167.88	613.72	720.18	826.66	699.69	2,860.24
Thủy điện	189.36	185.38	221.59	254.04	217.03	232.11	252.05	282.24	277.13	285.74	235.42	162.82	596.33	703.19	811.42	683.98	2,794.92
Điện mặt trời	5.31	5.50	6.59	6.18	5.75	5.06	4.87	5.33	5.04	5.45	5.20	5.06	17.39	16.99	15.23	15.71	65.32

**KẾ HOẠCH CHI PHÍ SẢN XUẤT ĐIỆN
NĂM 2025**

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Yếu tố chi phí	Kế hoạch 2025
		(4)
1	Nhiên liệu	
2	Vật liệu phụ	28,300
3	Lương và bảo hiểm	95,557
	Lương	86,420
	Tiền lương do chênh lệch quyết toán năm 2023 và sau khi cập nhật chi phí sau BCKT	
	BHXXH,BHYYT,BHTN,KPCĐ	8,879
	Thù lao	258
4	Khấu hao cơ bản TSCĐ	367,861
5	Chi phí dịch vụ mua ngoài	43,163
	Chi phí mua điện	6,479
	Chi phí DVMN khác	36,684
6	Chi phí sửa chữa lớn	43,119
	Chi phí sửa chữa lớn	43,119
	Nạo vét luồng	
7	Chi phí bằng tiền khác	517,730
	Thuế tài nguyên	293,902
	Phí dịch vụ môi trường rừng	100,617
	Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	31,054
	Thuế đất, thuê đất	3,188
	Lãi vay vốn + phí vay lại	28,469
	Tiền ăn ca	2,037
	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	300
	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho+ nợ khó đòi	
	Chi phí khác bằng tiền	58,162
	* Các chi phí dự kiến phát sinh khác	
	Tổng chi phí	1,095,731

KẾ HOẠCH SỬA CHỮA LỚN NĂM 2025

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch 2025	
		Kế hoạch SCL năm 2025	Hạch toán chi phí năm 2025
	Tổng	53,283	43,119
A	Công trình chuyển tiếp		
1	Tổ máy H1 Đa Mi - Hệ thống điều tốc và kích từ	17,323	528
2	Tổ máy H2 Đa Mi - Hệ thống kích từ	6,696	228
3	Nhà máy Thủy điện Đa Nhim - Hệ thống điều tốc các tổ máy H1, H2, H3 và H4	158	
4	Tổ máy H1 Đa Mi - Hệ thống rơ le bảo vệ	80	1,982
B	Công trình kế hoạch năm 2025		
1	Tổ máy H2 Hàm Thuận - Đại tu tổ máy	3,039	3,039
2	Tổ máy H3 Đa Nhim - Đại tu tổ máy	5,020	5,020
3	Tổ máy H2 Sông Pha - Đại tu tổ máy	1,757	1,757
4	Tổ máy H4 Sông Pha - Đại tu tổ máy	1,114	1,114
5	Tổ máy H1 Đa Mi - Hệ thống báo cháy và chữa cháy máy phát	832	832
6	Tổ máy H2 Đa Mi - Hệ thống báo cháy và chữa cháy máy phát	695	695
7	Trạm phân phối Nhà máy Thủy điện Đa Mi - Hệ thống rơ le bảo vệ phát tuyến 272	1,915	1,915
8	Công trình xây dựng - Đường vận hành đi Nhà máy Thủy điện Đa Mi (đoạn còn lại đến km3+010)	1,264	1,264
9	Công trình xây dựng - Văn phòng làm việc Công ty tại Bảo Lộc - Nhà Văn phòng TTDVSC	5,671	5,671
10	Công trình xây dựng - Nhà trực vận hành sửa chữa Bảo Lộc - Nhà M	7,719	7,719
11	Giá trị phân bổ	-	11,355
11.1	Công trình SCL Hệ thống điều tốc H2 Đa Mi		3,528
11.2	Công trình SCL Hệ thống DCS NMTĐ Đa Mi		7,827
11.3	Công trình thực hiện trong năm 2024 (Hệ thống điều tốc tổ máy H4 và H5 Sông Pha)		

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH SỬA CHỮA THƯỜNG XUYỀN

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tên thiết bị/TSCĐ được sửa chữa	Nội dung công việc chính	Kế hoạch 2025
				(2)
I	SCTX tự làm			22,306.1
1	Nhà máy Thủy điện Đa Nhim	Tổ máy H1	Kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống thiết bị.	283.0
		Tổ máy H2		616.0
		Tổ máy H4		759.0
		Hệ thống điều khiển		138.0
		Thiết bị trạm phân phối 220/110KV	Kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống thiết bị; thay thế trụ cực pha C máy cắt 200.	930.0
		Thiết bị đập tràn	Kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống thiết bị; thay thế các máy đo vô tuyến và gàu của các trạm đo mưa.	1,059.0
		Thiết bị cơ khí thủy công	Kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống thiết bị; Kiểm tra thay tếch chèn đường ống áp lực.	1,836.8
		Các hệ thống thiết bị khác	Điều hòa, thông gió, tự dùng, máy công cụ, thông tin liên lạc, công nghệ thông tin, ... Hệ thống HTK.1 đến HTK.16 (PMIS)	2,076.1
2	Nhà máy Thủy điện Đa Nhim mở rộng	Tổ máy H5 Đa Nhim	Kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống thiết bị	648.6
		Thiết bị cơ khí thủy công	Kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống thiết bị.	139.0
		Các hệ thống thiết bị khác	Điều hòa, thông gió, tự dùng, máy công cụ, thông tin liên lạc, công nghệ thông tin, ... Hệ thống HTK.1 đến HTK.16 (PMIS)	40.0
3	Nhà máy Thủy điện Sông Pha	Tổ máy H1	Kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống thiết bị.	341.0
		Tổ máy H3	Kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống thiết bị.	445.0
		Tổ máy H5	Kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống thiết bị.	225.0
		Trạm phân phối điện 110KV	Kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống thiết bị.	34.0
		Thiết bị cơ khí thủy công	Kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống thiết bị.	37.0
		Các hệ thống thiết bị khác	Kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống thiết bị.	191.0
		Tổ máy H1	Kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống thiết bị.	390.0

4	Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận	Thiết bị đập tràn	Kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống thiết bị.	145.0
		Thiết bị cơ khí thủy công	Kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống thiết bị.	166.0
		Các hệ thống thiết bị khác	Điều hòa, thông gió, tự dùng, máy công cụ, thông tin liên lạc, công nghệ thông tin, ... Hệ thống HTK.1 đến HTK.16 (PMIS)	1,591.3
5	Nhà máy Thủy điện Đa Mi	Tổ máy H1	Kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống thiết bị.	2,339.0
		Tổ máy H2	Kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống thiết bị.	229.0
		Thiết bị trạm phân phối 220KV	Kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống thiết bị.	46.0
		Thiết bị cơ khí thủy công	Kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống thiết bị.	43.0
		Các hệ thống thiết bị khác	Hệ thống HTK.1 đến HTK.16 (PMIS)	706.0
6	Nhà máy điện mặt trời Đa Mi	Hệ thống thiết bị chính	Kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống thiết bị.	2,122.6
		Hệ thống thiết bị khác	Kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống thiết bị.	81.0
7	Sửa chữa nhà trực vận hành	Khu vực Đa Nhím	Bảo dưỡng và thay thế thiết bị hư hỏng.	187
		Khu vực Hàm Thuận - Đa Mi	Bảo dưỡng và thay thế thiết bị hư hỏng.	416
8		Chi phí khác sửa chữa tự làm	10% * (1+2+3+4+5+6+7).	1,826.0
9	Giá trị phân bổ			2,220
9.1	Tiêu tu tổ máy H1 và H3 Sông Pha			1,870
9.2	Chi phí lắp đặt phần mềm thiết bị điều tốc các tổ máy Sông Pha			350
II	SCTX thuê ngoài			16,316.6
1	Sửa chữa xe ô tô			802.0
2	Vệ sinh tấm pin và nhô cở trên hệ thống phao Nhà máy Điện mặt trời Đa Mi		Giá kế hoạch lấy theo Quyết định phê duyệt dự toán năm 2024.	283.0
3	Cung cấp và lắp đặt cùm phao bảo vệ các mảng pin Nhà máy Điện mặt trời Đa Mi năm 2025		Lắp đặt cùm phao bảo vệ các mảng pin Nhà máy Điện mặt trời Đa Mi	200.0
4	Nhà trực vận hành sửa chữa khu vực Bảo Lộc - Nhà trực vận hành sửa chữa I1, I2 và I3		Sửa chữa, bảo dưỡng, hoàn thiện nhà (làm cửa, sơn bảo dưỡng...), sửa chữa hệ thống điện, nước, phòng vệ sinh	1,802.0

5	Văn phòng làm việc Bảo Lộc - Phòng họp Đa Mi		Trang bị, sơn sửa phần tường trần, trang bị bàn ghế cho phòng khánh tiếp tiếp khách của Công ty	404.0
6	Văn phòng làm việc Bảo Lộc - Phòng làm việc Chủ tịch Hội đồng quản trị		Trang bị, sơn sửa phần tường trần, trang bị bàn ghế cho phòng khánh tiếp tiếp khách của Công ty	391.0
7	Văn phòng làm việc Bảo Lộc - Phòng tiếp dân		Trang bị, sơn sửa phần tường trần, trang bị bàn ghế cho phòng khánh tiếp tiếp khách của Công ty	404.0
8	Văn phòng làm việc Bảo Lộc - Phòng vệ sinh tầng 1		Xử lý thấm nền, xử lý ống thoát, ngăn chống mùi hôi khu vực toilet.	480.0
9	Văn phòng làm việc Bảo Lộc - Chống thấm Sê nô mái		Sửa chữa, chống thấm sê nô, đầu ống thoát nước mái nhà	319.0
10	Sửa chữa đường kiểm tra vận hành vào nhà van Đa Nhim		Sửa chữa gia cố hệ thống mương bên taluy dương, gia cố sửa chữa chống sạt trượt bên taluy âm. Xử lý và phục hồi các mặt đường hư hỏng.	1,814.0
11	Sửa chữa đường kiểm tra vận hành vào tháp điều áp Đa Nhim		Sửa chữa gia cố hệ thống mương bên taluy dương, gia cố sửa chữa chống sạt trượt bên taluy âm. Xử lý và phục hồi các mặt đường hư hỏng.	2,540.0
12	Nhà trực vận hành sửa chữa khu vực Đa Nhim - Nhà trực vận hành sửa chữa D5B, D9A và D9B		Nhà trực vận hành sửa chữa khu vực Đa Nhim - Nhà trực vận hành sửa chữa D5B, D9A và D9B	2,124.0
13	Sửa chữa nhà trực vận hành sửa chữa Đa Nhim - Nhà trực vận hành sửa chữa C6 và C11		Sửa chữa nhà trực vận hành sửa chữa Đa Nhim - Nhà trực vận hành sửa chữa C6 và C11	2,126.0
14	Xử lý xói ngầm qua hệ thống thoát nước ngầm vai phải đập tràn Đơn Dương		Năm 2024: Chi phí thẩm tra thiết kế và dự toán: 26 triệu đồng; thanh toán phần còn lại chi phí thiết kế và lập dự toán: 88 triệu đồng	644.8
15	Sửa chữa đường vận hành từ đập tràn vào cửa nhận nước Đa Nhim		Sửa chữa mái taluy âm Km0+540 đường vào thủy khẩu Đa Nhim	887.0
16	Thi công xử lý các vết nứt của tòa nhà năng lượng Hàm Thuận			411.3
17	Chi phí khác sửa chữa thuê ngoài			684.5
	Tổng cộng			38,622.7

KẾ HOẠCH MUA SẴM BẰNG TÀI SẢN CỐ ĐỊNH BẰNG NGUỒN VỐN KHẤU HAO CƠ BẢN

STT	Các danh mục, thiết bị	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (Triệu đồng)	Thành tiền (Triệu đồng)	Lũy kế thực hiện đến năm 2024	KH năm 2025
							(2)
A	Danh mục thực hiện nhiều năm				78,911	14,006	22,938.0
1	Nâng cấp hệ thống điều khiển trạm GIS Hàm Thuận	HT	1	22,405	22,405	-	
2	Trung tâm OCC - Cải tạo, nâng cấp Hệ thống thiết bị trung tâm điều khiển OCC, hệ thống mạng bảo mật hệ thống điều khiển và thị trường điện	HT	1	13,309	13,309	-	
3	Tư vấn khảo sát, thiết kế, lập dự toán hạng mục “Cửa van sửa chữa đập tràn Đơn Dương”	Gói	1				1,136.9
4	Nâng cấp, thay thế, trang bị mới thiết bị CNTT đảm bảo hạ tầng phục vụ chuyển đổi số giai đoạn 2022-2025	HT	1	4,808	4,808	-	

5	Thi công lắp đặt hạng mục "Ống piezometer đo đường bão hòa thấm trong thân đập Hàm Thuận và Đa Mi"	gói	1	9,790	9,790	7,550.0	2,205.0
6	Nhà xưởng tại Nhà máy thủy điện Đa Mi	gói	1	5,425	5,425	204.0	3,397.0
7	Hệ thống quan trắc chuyển vị và đường bão hòa thấm trong thân đập - Công trình thủy điện Đa Nhim	Gói	1	3,215.2	3,215.2	197.2	2,564.0
8	Hệ thống điều tốc 4 tổ máy Đa Nhim:						1,877.3
9	Trang bị Máy công cụ, dụng cụ và máy thí nghiệm	Gói	1	5,156.5	5,156.5	3,093.9	1,130.0
10	Hệ thống báo cháy và chữa cháy tự động cho các MBA T9 và T10 Nhà máy Thủy điện Đa Nhim	Hệ thống	1	1,540.4	1,540.4	308.1	1,315.0
11	Hệ thống báo cháy và chữa cháy tự động Nhà máy Thủy điện Đa Nhim	Hệ thống	1	5,017.5	5,017.5	1,003.5	3,087.0
12	Hệ thống chữa cháy tự động kho vật tư Nhà máy Thủy điện Đa Nhim	Hệ thống	1	3,244.4	3,244.4	648.9	2,426.0

13	Hệ thống báo cháy và chữa cháy tự động Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận	Hệ thống	1	749.4	749.4	149.9	749.4
14	Hệ thống báo cháy và chữa cháy tự động Nhà máy Thủy điện Đa Mi	Hệ thống	1	774.4	774.4	154.9	774.4
15	Hệ thống báo cháy và chữa cháy tự động Nhà máy Thủy điện Sông Pha	Hệ thống	1	2,360.9	2,360.9	472.2	748.0
16	Thay mới và lắp bổ sung hệ thống báo cháy và chữa cháy tự động Nhà máy Điện mặt trời Đa Mi	Hệ thống	1	723.7	723.7	144.7	1,037.0
17	Hệ thống chữa cháy tự động cho MBA T1 Nhà máy Điện mặt trời Đa Mi	Hệ thống	1	391.6	391.6	78.3	491.0
B	Danh mục kế hoạch đăng ký mới năm 2025				15,802.4		16,195.7
1	Hệ thống AC-DC 2: Charger 220VDC Nhà máy Thủy điện Đa Nhim mở rộng	Bộ	1	1,513.5	1,513.5		1,513.5
2	Thước đo lún thân đập và đo nước ngầm	Gói	1	171.9	171.9		171.9
a	Thước đo lún thân đập (100m)	cái	1		-		-

b	Thước đo nước ngầm (100m)	cái	2		-		-
3	Máy chụp ảnh nhiệt	Máy	2	212.1	424.2		424.2
4	Máy bơm thủy lực dẫn động khí nén	Máy	1	950.0	950.0		950.0
5	Máy làm đá khô CO2	Máy	1	250.0	250.0		250.0
6	Dụng cụ và máy thí nghiệm - Máy đo độ rung VM 83	Gói	1	971.0	971.0		971.0
a	Bộ xả tải ắc quy	Máy	1				-
b	Máy đo độ rung VM 83	Máy	1				-
c	Máy đo điện áp - nội trở ắc quy	Máy	1				-
7	Xe tải 5 tấn	Xe	1	903.6	903.6		903.6
8	Xe tải gấn cầu 5 tấn	Xe	1	2,265.8	2,265.8		2,265.8
9	Xe ô tô 16 chỗ	Xe	1	1,021.9	1,021.9		1,021.9
10	Ca nô	Chiếc	1	691.3	691.3		691.3
11	Máy nén khí cao áp	Máy	1	1,440.0	1,440.0		1,685.0

12	Hệ thống phao cảnh báo tại các đập hồ Hàm Thuận	Gói	1	1,010.0	1,010.0		1,010.0
13	Hệ thống phao cảnh báo tại các đập hồ Đa Mi	Gói	1	1,111.0	1,111.0		1,111.0
14	Hệ thống phao cảnh báo tại các đập hồ Đơn Dương	Gói	1	2,888.0	2,888.0		2,888.0
15	Chi phí kiểm toán quyết toán, chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán						
a	Chi phí kiểm toán quyết toán các hạng mục năm 2025				119.3		71.6
b	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán các hạng mục năm 2025				70.9		42.5
c	Chi phí kiểm toán quyết toán các hạng mục năm 2024				103.1		140.3
d	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán các hạng mục năm 2024				61.2		84.1
	Tổng cộng				94,713.0		39,133.7

BÁO CÁO
Tình hình quản trị Công ty năm 2024 và Kế hoạch hoạt động năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi và các quy định pháp luật liên quan, Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty trân trọng báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2025 về tình hình quản trị Công ty năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025 như sau:

I. CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

1. Kết quả sản xuất kinh doanh

Kết thúc năm 2024, Công ty đã đạt và vượt mức các chỉ tiêu được ĐHĐCĐ giao tại Nghị quyết số 617/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2025, cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ (%)
1	Sản lượng điện sản xuất	Tr.kWh	3.045	2.745,5	90,2
2	Sản lượng điện thương phẩm	Tr.kWh	3.020	2.728,0	90,3
3	Tổng doanh thu	Tr.đ	1.898.540	2.131.242	112,2
4	Tổng chi phí	Tr.đ	1.220.832	1.027.417	84,2
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	677.708	1.103.825	162,9
6	Tổng lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	542.166	905.915	167,1

2. Tình hình thực hiện các nội dung đã được thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024

Các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty đã được triển khai thực hiện và đạt được kết quả tốt theo các mục tiêu, định hướng tại Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, cụ thể như sau:

- Về kết quả sản xuất kinh doanh: Hoàn thành tốt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh và tài chính năm 2024, trong đó lợi nhuận sau thuế đạt 905,9 tỷ đồng, tương đương 167,1% so với kế hoạch năm.

- Các nội dung được ĐHĐCĐ thông qua đã được triển khai thực hiện đầy đủ, đúng quy định, bao gồm: tiền lương, thù lao thực hiện năm 2023 và tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2024 của HĐQT và Ban kiểm soát; phân phối lợi nhuận năm 2023, lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024.

3. Các cuộc họp HĐQT và lấy ý kiến thành viên HĐQT, ban hành các quyết định thuộc thẩm quyền

a) Trong năm 2024, HĐQT đã chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 và tổ chức lấy ý cổ đông bằng văn bản về việc điều chỉnh mức cổ tức kế hoạch năm 2024.

b) HĐQT duy trì các cuộc họp thường kỳ, thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc, quy định theo quy chế làm việc của HĐQT, đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trong năm, HĐQT đã tổ chức 4 cuộc họp và 209 lượt lấy phiếu ý kiến để thông qua các nội dung do Ban Tổng giám đốc trình liên quan đến công tác điều hành, sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty. HĐQT đã ký ban hành 213 Nghị quyết/Quyết định, trong đó:

- Nghị quyết/Quyết định của HĐQT thông qua cuộc họp: 4 văn bản.
- Nghị quyết/Quyết định của HĐQT thông qua lấy ý kiến bằng văn bản: 209 văn bản.

Chi tiết nội dung các Nghị quyết, Quyết định ban hành trong năm 2024 theo Phụ lục đính kèm.

4. Tiền lương, thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và người quản lý (Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng)

a) Hội đồng quản trị Công ty không hưởng thù lao, Chủ tịch HĐQT được hưởng tiền lương chuyên trách HĐQT, các thành viên còn lại của HĐQT hưởng lương của người quản lý. Tiền lương thực hiện của HĐQT và người quản lý năm 2024 cụ thể như sau:

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Số người	Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH (%)
I	Hội đồng quản trị				
1	Tiền lương Chủ tịch HĐQT	01	984.812.700	1.051.377.000	106,8
II	Người quản lý				
1	Tiền lương Tổng giám đốc	01	947.482.600	1.011.288.000	106,7
3	Tiền lương Phó Tổng giám đốc	02	1.687.401.200	1.800.752.000	106,7

4	Tiền lương Kế toán trưởng	01	773.144.700	824.863.000	106,7
	Tổng cộng		4.392.841.200	4.688.280.000	106,7

b) Các chi phí hoạt động khác của HĐQT tuân thủ theo Quy chế hoạt động của HĐQT và quy định chi tiêu nội bộ của Công ty.

5. Các giao dịch giữa Công ty, công ty con với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch

Trong năm 2024, Công ty không phát sinh các giao dịch trên.

6. Kết quả giám sát của HĐQT đối với Tổng giám đốc Công ty

a) Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng giám đốc được thực hiện thông qua các hình thức như: tổ chức các cuộc họp do HĐQT chủ trì, tham gia các cuộc họp định kỳ do Tổng giám đốc tổ chức, thông qua các báo cáo của Tổng giám đốc.

b) Thông qua các hoạt động giám sát, HĐQT nhận thấy:

- Trong năm 2024, Tổng giám đốc Công ty đã có nhiều nỗ lực trong việc tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư, Tổng Giám đốc thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, tiến độ thực hiện các dự án đầu tư và các hoạt động khác của Công ty để Hội đồng quản trị có ý kiến chỉ đạo kịp thời.

- Với những kết quả đạt được về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, v.v. HĐQT đánh giá cao công tác điều hành của Tổng giám đốc trong năm 2024.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, HĐQT đã ban hành Chương trình làm việc năm 2025 của Hội đồng quản trị nhằm cụ thể hóa các mặt công tác trong năm 2025. Năm 2025, HĐQT sẽ tập trung vào các vấn đề sau:

1. Công tác sản xuất kinh doanh: Chỉ đạo triển khai thành công Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 trên cơ sở đảm bảo các tổ máy vận hành an toàn, ổn định và đạt hiệu quả. Phân đầu hoàn thành các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận và đảm bảo cốt tủy theo kế hoạch đề ra.

2. Công tác đầu tư: Chỉ đạo, đôn đốc và giám sát việc giải quyết các nội dung còn tồn tại của Dự án mở rộng Nhà máy thủy điện Đa Nhim;

3. Chỉ đạo xây dựng kế hoạch SXKD - Đầu tư giai đoạn 2026 - 2030:

- Cải tạo nâng cấp hệ thống thiết bị, công trình.
- Thực hiện các bước để triển khai Dự án mở rộng Nhà máy thủy điện Đa Nhim giai đoạn 2 và các dự án Điện mặt trời trên hồ Hàm Thuận và Đa Mi sau khi được cấp thẩm quyền giao làm chủ đầu tư.
- Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.
- Sắp xếp tổ chức, bộ máy và định biên lao động.
- Đề án quản trị chi phí.

4. Công tác quản trị nội bộ: Chỉ đạo rà soát, hiệu chỉnh các quy chế quản lý nội bộ phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

Để đảm bảo tất cả các hoạt động của Công ty được thuận lợi và hiệu quả, HĐQT đề nghị ĐHĐCĐ giao Hội đồng quản trị Công ty tổ chức triển khai thực hiện và quyết định các vấn đề, nội dung phát sinh ngoài kế hoạch SXKD đã được ĐHĐCĐ năm 2025 thông qua hoặc các vấn đề, nội dung cấp bách cần triển khai thực hiện trước khi ĐHĐCĐ thường niên thông qua kế hoạch SXKD của năm 2026 được tổ chức và phải báo cáo ĐHĐCĐ ở kỳ họp gần nhất, trừ các trường hợp bắt buộc phải được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua tại cuộc họp.

Kính trình Đại hội biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: VT, HCLĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Văn Quang

Phụ lục**DANH MỤC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT NĂM 2024**

(Đính kèm Báo cáo số /BC-TĐĐHĐ ngày /5/2025 của Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi)

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/QĐ-HĐQT	02/01/2024	Ban hành Quy chế phân cấp giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc	100%
2	02/NQ-HĐQT	04/01/2024	Chi trả trước cổ tức năm 2023 đợt 1 cho Tổng công ty Phát điện 1.	100%
3	03/NQ-HĐQT	10/01/2024	Họp HĐQT quý I năm 2024	100%
4	04/NQ-HĐQT	11/01/2024	Phê duyệt chi trả trước cổ tức năm 2023 (đợt 1 - lần 2)	100%
5	05/NQ-HĐQT	11/01/2024	Phê duyệt Phương án kỹ thuật và dự toán chi phí sửa chữa phục hồi stator tổ máy H1 NMTĐ Đa Mi	100%
6	06/NQ-HĐQT	22/01/2024	Thông qua dự thảo hợp đồng với Công ty cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha	100%
7	07/NQ-HĐQT	31/01/2024	Thông qua dự thảo phụ lục hợp đồng số 48/2023/HĐ-TĐĐHĐ-TELEMATIC-3C về cung cấp, lắp đặt MBA chính NMTĐ Đa Mi	100%
8	08/NQ-HĐQT	05/02/2024	Phê duyệt chương trình làm việc của HĐQT Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi năm 2024	100%
9	09/NQ-HĐQT	06/02/2024	Phê duyệt chủ trương lựa chọn đơn vị Tư vấn pháp lý liên quan đến Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim	100%
10	10/QĐ-HĐQT	07/02/2024	Phê duyệt kết quả rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ diện Công ty quản lý giai đoạn 2021-2026 và giai đoạn 2026-2031	100%
11	11/NQ-HĐQT	07/02/2024	Phê duyệt chủ trương bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký công ty và kiện toàn Tổ thư ký trực thuộc HĐQT	100%
12	12/QĐ-HĐQT	19/02/2024	Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký công ty	100%
13	13/QĐ-HĐQT	19/02/2024	Thôi nhiệm vụ Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký công ty	100%
14	14/QĐ-HĐQT	20/02/2024	Kiện toàn Tổ thư ký trực thuộc HĐQT	100%

15	15/NQ-HĐQT	21/02/2024	Thông qua chi phí bổ sung các hạng mục công trình sử dụng Quỹ phúc lợi năm 2023	100%
16	16/NQ-HĐQT	11/03/2024	Thông qua chủ trương bổ nhiệm lại cán bộ	100%
17	17/NQ-HĐQT	11/03/2024	Phê duyệt chi trả trước cổ tức năm 2023 (đợt 1- lần 4)	100%
18	18/NQ-HĐQT	13/03/2024	Thông qua E-HSMT gói thầu Tư vấn pháp lý giải quyết các tồn tại, vướng mắc của Hợp đồng số 368/DHD-CC47	100%
19	19/NQ-HĐQT	13/03/2024	Phê duyệt chủ trương kiện toàn nhân sự tại các công ty có vốn góp của DHD	100%
20	20/NQ-HĐQT	13/03/2024	Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trong Công ty	100%
21	21/NQ-HĐQT	13/03/2024	Thông qua thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của DHD	100%
22	22/NQ-HĐQT	19/03/2024	Phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2023 của người quản lý và người lao động	100%
23	23/QĐ-HĐQT	20/03/2024	Phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2023 của người quản lý và người lao động	100%
24	24/NQ-HĐQT	21/03/2024	Thông qua kiện toàn nhân sự người đại diện phần vốn của Công ty DHD tại TBW	100%
25	25/QĐ-HĐQT	21/03/2024	Kiện toàn nhân sự người đại diện phần vốn của Công ty DHD tại TBW	100%
26	26/NQ-HĐQT	21/03/2024	Thông qua nội dung biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của TBW	100%
27	27/NQ-HĐQT	26/03/2024	Thông qua nội dung điều chỉnh HĐ số 180/2023/HĐ-TĐĐHĐ-S5T ngày 08/08/2023	100%
28	28/NQ-HĐQT	28/03/2024	Phê duyệt quyết toán nhân công thực hiện các hợp đồng cung cấp dịch vụ kỹ thuật năm 2023	100%
29	29/NQ-HĐQT	28/03/2024	Quyết toán tiền nhân công SCL tự làm năm 2023	100%
30	30/NQ-HĐQT	29/03/2024	Thông qua E-HSMT gói thầu Kiểm định định kỳ và bảo dưỡng sửa chữa các thiết bị thuộc hệ thống đo đếm điện năng năm 2024	100%
31	31/NQ-HĐQT	03/04/2024	Thông qua bổ nhiệm lại cán bộ	100%
32	32/NQ-HĐQT	10/04/2024	Họp HĐQT quý II năm 2024	100%
33	33/NQ-HĐQT	10/04/2024	Phê duyệt chi trả trước cổ tức (đợt 2) cho Tổng công ty Phát điện 1	100%
34	34/NQ-HĐQT	11/04/2024	Thông qua PAKT và dự toán SCL TSCĐ năm 2024 (đợt 1)	100%
35	35/NQ-HĐQT	12/04/2024	Thông qua BCKTKT hạng mục "Trang bị máy công cụ, dụng cụ và máy thí nghiệm"	100%

36	36/NQ-HĐQT	15/04/2024	Thông qua nội dung chính dự thảo hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	100%
37	37/NQ-HĐQT	15/04/2024	Thành lập ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024	100%
38	38/NQ-HĐQT	16/04/2024	Thông qua lựa chọn ngân hàng gửi tiết kiệm	100%
39	39/NQ-HĐQT	19/04/2024	Thông qua kết quả đánh giá E- HSĐX kỹ thuật gói thầu tư vấn pháp lý giải quyết tồn tại, vướng mắc của Hợp đồng số 368/DHD-CC47	100%
40	40/NQ-HĐQT	24/04/2024	Thông qua tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 Công ty CP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
41	41/NQ-HĐQT	25/04/2024	Thông qua Báo cáo kinh tế - kỹ thuật hạng mục "Nhà để xe khu vực văn phòng Bảo Lộc	100%
42	42/NQ-HĐQT	02/05/2024	Thông qua Báo cáo kinh tế - kỹ thuật hạng mục "Hệ thống điều hòa cho nhà máy Đa Nhim mở rộng"	100%
43	43/NQ-HĐQT	02/05/2024	Thông qua nội dung biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Thủy điện A Vương	100%
44	44/QĐ-HĐQT	02/05/2024	Kiện toàn nhân sự người đại diện phần vốn của Công ty DHD tại AVC	100%
45	45/QĐ-HĐQT	02/05/2024	Kiện toàn nhân sự người đại diện phần vốn của Công ty DHD tại SBH	100%
46	46/NQ-HĐQT	04/05/2024	Thông qua Báo cáo kinh tế - kỹ thuật hạng mục "Bơm chữa cháy loại khiêng tay cho NMTĐ Sông Pha"	100%
47	47/NQ-HĐQT	04/05/2024	Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh quý II năm 2024 hiệu chỉnh	100%
48	48/QĐ-HĐQT	04/05/2024	Ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
49	49/QĐ-HĐQT	04/05/2024	Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
50	50/NQ-HĐQT	04/05/2024	Thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu và Dự thảo hợp đồng gói thầu số 24PTV-SXKD-2024" Kiểm định định kỳ và bảo dưỡng sửa chữa các thiết bị thuộc hệ thống đo đếm điện năng năm 2024"	100%
51	51/NQ-HĐQT	04/05/2024	Thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu và Dự thảo hợp đồng gói thầu " Tư vấn pháp lý giải quyết các tồn tại, vướng mắc của Hợp đồng số 368/DHD-CC47"	100%

52	52/NQ-HĐQT	07/05/2024	Thông qua nội dung biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha"	100%
53	53/NQ-HĐQT	08/05/2024	Thông qua dự toán gói thầu " Trang bị máy công cụ, dụng cụ và máy thí nghiệm"	100%
54	54/NQ-HĐQT	09/05/2024	Phê duyệt KHLCNT SCL TSCĐ năm 2024 (đợt 1) của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
55	55/NQ-HĐQT	15/05/2024	Phê duyệt chủ trương thực hiện tư vấn lập phương án quản lý rừng bền vững theo quy định của pháp luật	100%
56	56/NQ-HĐQT	17/05/2024	Lựa chọn đơn vị Tư vấn lập hồ sơ thiết kế Hệ thống chữa cháy tự động cho các NMTĐ Hàm Thuận, Đa Mi và NMTĐ mặt trời Đa Mi	100%
57	57/NQ-HĐQT	17/05/2024	Phê duyệt KHLCNT hạng mục: Nhà để xe khu văn phòng Bảo Lộc	100%
58	58/NQ-HĐQT	17/05/2024	Thông qua E-HSMT gói thầu 30TV-SXKD-2024 " Quan trắc xói lở, bồi lắng lòng hồ Đơn Dương, Hàm Thuận, Đa Mi" thuộc danh mục SXKD 2024	100%
59	59/NQ-HĐQT	17/05/2024	Phê duyệt KHLCNT hạng mục: Hệ thống điều hòa cho nhà máy Đa Nhim mở rộng	100%
60	60/NQ-HĐQT	17/05/2024	Phê duyệt chủ trương mua sắm vật tư thiết bị thay thế thiết bị ngăn lộ 272 NMTĐ Đa Nhim	100%
61	61/NQ-HĐQT	20/05/2024	Thông qua áp dụng Quy chế Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam	100%
62	62/NQ-HĐQT	20/05/2024	Thông qua Báo cáo kinh tế kỹ thuật hạng mục " Máy biến điện áp 13,2kV đầu cực máy phát Đa Nhim"	100%
63	63/QĐ-HĐQT	21/05/2024	Công bố áp dụng Quy chế Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam	100%
64	64/NQ-HĐQT	21/05/2024	Thông qua các nội dung biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	100%
65	65/NQ-HĐQT	22/05/2024	Phê duyệt trích lập và chi trả quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty năm 2023	100%
66	66/NQ-HĐQT	23/05/2024	Phê duyệt KHLCNT hạng mục" Trang bị máy công cụ, dụng cụ và máy thí nghiệm	100%
67	67/NQ-HĐQT	24/05/2024	Phê duyệt trích lập và kế hoạch sử dụng Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024	100%
68	68/NQ-HĐQT	31/05/2024	Thông qua Phương án kỹ thuật và Dự toán chi phí danh mục Tổ máy H1 Đa Mi, hạng mục "Hệ thống điều tốc và hệ thống kích từ",	100%

			thuộc kế hoạch sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2024	
69	69/NQ-HĐQT	04/06/2024	Phê duyệt chủ trương thực hiện Gói thầu: “Cung cấp dịch vụ bảo trì phần mềm dùng chung ngành điện năm 2024”	100%
70	70/NQ-HĐQT	05/06/2024	Thông qua phương án kỹ thuật và dự toán sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2024 (Đợt 2)	100%
71	71/NQ-HĐQT	05/06/2024	Chi trả cổ tức năm 2023 đợt cuối bằng tiền	100%
72	72/NQ-HĐQT	05/06/2024	Phê duyệt chủ trương thực hiện Gói thầu: “Khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV Công ty năm 2024”	100%
73	73/NQ-HĐQT	06/06/2024	Chi trả cổ tức năm 2023 đợt cuối bằng tiền	100%
74	74/NQ-HĐQT	07/06/2024	Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu “Kiểm toán, quyết toán các hạng mục đầu tư phát triển năm 2023”	100%
75	75/NQ-HĐQT	07/06/2024	Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu “Cung cấp bơm chữa cháy loại khiêng tay cho Nhà máy thủy điện Sông Pha”	100%
76	76/NQ-HĐQT	12/06/2024	Thông qua kết quả đánh giá E-Hồ sơ đề xuất kỹ thuật Gói thầu số 29TV-SXKD- 2024 “Tư vấn lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường đối với cơ sở sản xuất (các Nhà máy Hàm Thuận, Đa Mi, Điện mặt trời Đa Mi, Đa Nhim, Sông Pha, Đa Nhim mở rộng)” thuộc danh mục sản xuất kinh doanh năm 2024	100%
77	77/NQ-HĐQT	18/06/2024	Thông qua Danh mục Quy chế quản lý nội bộ do Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ban hành hết hiệu lực thi hành năm 2024 (đợt 01)	100%
78	78/NQ-HĐQT	20/06/2024	Phê duyệt chi trả cổ tức năm 2023 (đợt cuối - lần 1) cho Tổng công ty Phát điện 1	100%
79	79/NQ-HĐQT	25/06/2024	Thông qua Báo cáo kinh tế - kỹ thuật hạng mục “Bảo cháy, chữa cháy khu nhà trực vận hành sửa chữa Bảo Lộc - Khu thể thao”	100%
80	80/NQ-HĐQT	28/06/2024	Thông qua E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu “Cung cấp, lắp đặt thiết bị ngăn lộ 272 Nhà máy Thủy điện Đa Nhim”	100%
81	81/NQ-HĐQT	02/07/2024	Thông qua chủ trương bổ nhiệm lại cán bộ	100%
82	82/NQ-HĐQT	03/07/2024	Thông qua Báo cáo kinh tế - kỹ thuật hạng mục “Mốc quan trắc Công trình Thủy điện Hàm Thuận”, thuộc danh mục đầu tư năm 2024	100%

83	83/NQ-HĐQT	05/07/2024	Về việc thông qua Dự thảo hợp đồng Tư vấn lập phương án quản lý rừng bền vững theo quy định của pháp luật	100%
84	84/NQ-HĐQT	08/07/2024	Về việc ban hành Kế hoạch sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý nội bộ, tài liệu nội bộ năm 2024 (cập nhật)	100%
85	85/NQ-HĐQT	08/07/2024	Về việc phê duyệt chi trả cổ tức năm 2023 (đợt cuối - lần 2) cho Tổng công ty Phát điện 1	100%
86	86/NQ-HĐQT	09/07/2024	Thông qua Dự thảo Hợp đồng kiểm toán năm 2024	100%
87	87/NQ-HĐQT	10/07/2024	Về việc phê duyệt giá trị tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng	100%
88	88/NQ-HĐQT	11/07/2024	Về việc thông qua Dự thảo hợp đồng với Công ty cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha	100%
89	89/QĐ-HĐQT	11/07/2024	Về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số và Ứng dụng công nghệ của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
90	90/NQ-HĐQT	16/07/2024	Về việc thông qua Báo cáo kinh tế - kỹ thuật hạng mục “Mốc quan trắc Công trình Thủy điện Đa Mi”	100%
91	91/NQ-HĐQT	17/07/2024	Về việc thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu và Dự thảo hợp đồng gói thầu số 29TV-SXKD- 2024 “Tư vấn lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường đối với cơ sở sản xuất (các Nhà máy Hàm Thuận, Đa Mi, Điện mặt trời Đa Mi, Đa Nhim, Sông Pha, Đa Nhim mở rộng)”	100%
92	92/NQ-HĐQT	18/07/2024	Hợp Hội đồng quản trị - Phiên họp quý III năm 2024	100%
93	93/NQ-HĐQT	22/07/2024	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2024 (đợt 2) của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
94	94/NQ-HĐQT	26/07/2024	Về việc thông qua Phương án kỹ thuật cập nhật và giá gói thầu cập nhật; phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2024 (đợt 1) về nội dung thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu của Gói thầu số 02XL-SCL-2024 “Đường vận hành đi Nhà máy Thủy điện Đa Mi”	100%
95	95/NQ-HĐQT	27/07/2024	Về việc thông qua Báo cáo kinh tế - kỹ thuật hạng mục “Máy biến áp 13T Nhà máy Thủy điện Đa Nhim”	100%

96	96/NQ-HĐQT	31/07/2024	Về việc thông qua E-Hồ sơ mời thầu gói thầu “Trang bị Máy công cụ, dụng cụ và máy thí nghiệm”	100%
97	97/NQ-HĐQT	31/07/2024	Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy định quản lý vốn và Người đại diện của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi tại công ty con, công ty liên kết	100%
98	98/NQ-HĐQT	31/07/2024	Về việc thông qua danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, gói thầu số 30TV-SXKD- 2024 “Quan trắc xói lở, bồi lắng lòng hồ Đơn Dương, Hàm Thuận, Đa Mi” thuộc kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024	100%
99	99/QĐ-HĐQT	02/08/2024	Ban hành Quy định quản lý vốn và Người đại diện của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi tại công ty con, công ty liên kết	100%
100	100/NQ-HĐQT	02/08/2024	Về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng nguồn vốn SXKD chi hỗ trợ các địa phương năm 2024	100%
101	101/NQ-HĐQT	05/08/2024	Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu hạng mục “Báo cháy, chữa cháy khu nhà trực vận hành sửa chữa Bảo Lộc - Khu thể thao”	100%
102	102/NQ-HĐQT	05/08/2024	Thông qua Báo cáo kinh tế - kỹ thuật hạng mục “Bơm chữa cháy động cơ điện và chống sét cho khu Nhà trực vận hành Bảo Lộc”	100%
103	103/NQ-HĐQT	05/08/2024	Về việc thông qua nâng bậc lương đối với chức danh Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách	100%
104	104/QĐ-HĐQT	06/08/2024	Về việc nâng bậc lương đối với Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách	100%
105	105/NQ-HĐQT	07/08/2024	Về việc thông qua E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu số 02XL-SCL-2024 “Đường vận hành đi Nhà máy Thủy điện Đa Mi” thuộc danh mục sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2024	100%
106	106/NQ-HĐQT	07/08/2024	Về việc phê duyệt giá trị tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng tháng 8 năm 2024	100%
107	107/NQ-HĐQT	12/08/2024	Thông qua E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu số 45PTV-SXKD-2024 “Quan trắc chuyển vị chu kỳ năm 2024 Công trình thủy điện Đa Nhim, Sông Pha và tuyến đường ống Đa Nhim mở rộng”	100%
108	108/NQ-HĐQT	19/08/2024	Về việc phê duyệt Danh mục sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2025	100%
109	109/NQ-HĐQT	20/08/2024	Thông qua phương án bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ	100%

110	110/NQ-HĐQT	22/08/2024	Về việc thông qua nội dung sửa đổi E-Hồ sơ mời thầu gói thầu “Trang bị Máy công cụ, dụng cụ và máy thí nghiệm”	100%
111	111/NQ-HĐQT	22/08/2024	Thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu và dự thảo hợp đồng Gói thầu “Cung cấp, lắp đặt thiết bị ngăn lộ 272 Nhà máy Thủy điện Đa Nhim”	100%
112	112/NQ-HĐQT	22/08/2024	Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu hạng mục “Máy biến điện áp 13,2kV đầu cực các máy phát Đa Nhim”	100%
113	113/NQ-HĐQT	23/08/2024	Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu hạng mục “Bom chữa cháy động cơ điện và chống sét cho khu Nhà trực vận hành Bảo Lộc”	100%
114	114/NQ-HĐQT	26/08/2024	Về việc thông qua E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu số 31-TV-SXKD-2024 “Kiểm định an toàn đập, hồ chứa Công trình thủy điện Đa Nhim, Hàm Thuận và Đa Mi năm 2024” thuộc danh mục sản xuất kinh doanh năm 2024	100%
115	115/NQ-HĐQT	27/08/2024	Về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 13TV-SCL-2024 “Tư vấn Khảo sát, lập Phương án kỹ thuật và dự toán sửa chữa Hệ thống Điều tốc các Tổ máy H1, H2, H3, H4 Đa Nhim”	100%
116	116/NQ-HĐQT	28/08/2024	Về việc phê duyệt giá trị tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tín dụng tháng 8 năm 2024	100%
117	117/NQ-HĐQT	28/08/2024	Về việc thông qua áp dụng mẫu E-Hồ sơ mời thầu gói thầu mua sắm hàng hóa trong Tổng công ty Phát điện 1 tại Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
118	118/NQ-HĐQT	28/08/2024	Về việc thông qua áp dụng Hướng dẫn về công tác lập, trình duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu trong Tổng công ty Phát điện 1 tại Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
119	119/NQ-HĐQT	28/08/2024	Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu hạng mục “Máy biến áp 13T Nhà máy Thủy điện Đa Nhim”	100%
120	120/NQ-HĐQT	28/08/2024	Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (đợt 1) hạng mục “Ống piezometer đo đường bão hòa thấm trong thân đập Hàm Thuận và Đa Mi” thuộc danh mục đầu tư năm 2024	100%

121	121/QĐ-HĐQT	29/08/2024	Về việc công bố áp dụng Hướng dẫn về công tác lập, trình duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu trong Tổng công ty Phát điện 1 tại Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
122	122/QĐ-HĐQT	29/08/2024	Về việc công bố áp dụng mẫu E-Hồ sơ mời thầu gói thầu mua sắm hàng hóa trong Tổng công ty Phát điện 1 tại Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
123	123/NQ-HĐQT	30/08/2024	Về việc thông qua E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu số 47TV-SXKD- 2024 “Tur ván xây dựng, triển khai đảm bảo an toàn hệ thống thông tin cấp độ 4 cho các hệ thống điều khiển của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi”	100%
124	124/NQ-HĐQT	05/09/2024	Về việc thông qua dự thảo Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 02 của Hợp đồng số 301/2023/HĐ-TĐĐHĐ-S5T ngày 06 tháng 11 năm 2023 Gói thầu “Cung cấp vật tư sửa chữa thiết bị điều tốc, điều khiển van chính tổ máy H1, H2, H3 Sông Pha”	100%
125	125/NQ-HĐQT	09/09/2024	Về việc thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu và dự thảo hợp đồng Gói thầu số 30TV-SXKD-2024 “Quan trắc xói lở, bồi lắng lòng hồ Đơn Dương, Hàm Thuận, Đa Mi” thuộc danh mục sản xuất kinh doanh năm 2024	100%
126	126/NQ-HĐQT	09/09/2024	Về việc thông qua ban hành Quy định quản lý và sử dụng dòng tiền	100%
127	127/QĐ-HĐQT	10/09/2024	Về việc ban hành Quy định quản lý và sử dụng dòng tiền	100%
128	128/NQ-HĐQT	11/09/2024	Về việc kế hoạch điều động cán bộ năm 2024	100%
129	129/NQ-HĐQT	11/09/2024	Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các hạng mục Mốc quan trắc Công trình Thủy điện Hàm Thuận, Mốc quan trắc Công trình Thủy điện Đa Mi, Nhà xưởng tại Nhà máy Thủy điện Đa Mi	100%
130	130/NQ-HĐQT	17/09/2024	Về việc thông qua phương án điều động, bổ nhiệm cán bộ	100%
131	131/NQ-HĐQT	17/09/2024	Về việc thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu và dự thảo hợp đồng Gói thầu số 45PTV-SXKD-2024 “Quan trắc chuyển vị chu kỳ năm 2024 công trình thủy điện Đa nhim, Sông Pha và tuyến đường ống Đa Nhim mở rộng”	100%

132	132/NQ-HĐQT	19/09/2024	Về việc thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế nâng lương của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
133	133/QĐ-HĐQT	20/09/2024	Về việc ban hành Quy chế nâng lương của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
134	134/NQ-HĐQT	23/09/2024	Về việc thông qua Báo cáo kinh tế - kỹ thuật hạng mục “Cầu thang thoát hiểm hội trường văn phòng làm việc Bảo Lộc”	100%
135	135/NQ-HĐQT	24/09/2024	Về việc thông qua dự thảo Phụ lục số 01 của Hợp đồng số 124/2024/HĐ-TĐĐHĐ-ATIM thực hiện gói thầu tư vấn pháp lý giải quyết các tồn tại, vướng mắc của Hợp đồng số 368/DHD- CC47 Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim	100%
136	136/NQ-HĐQT	27/09/2024	Về việc thông qua Báo cáo kinh tế - kỹ thuật hạng mục “Cầu thang thoát hiểm nhà xưởng Hàm Thuận	100%
137	137/NQ-HĐQT	27/09/2024	Về việc thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu và dự thảo hợp đồng Gói thầu số 02XL-SCL-2024 “Đường vận hành đi Nhà máy Thủy điện Đa Mi”	100%
138	138/NQ-HĐQT	27/09/2024	Về việc thông qua triển khai thủ tục yêu cầu ngân hàng thanh toán một phần của bảo đảm thực hiện Hợp đồng số 368/DHD-CC47	100%
139	139/NQ-HĐQT	30/09/2024	Về việc thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế sử dụng quỹ phúc lợi trong Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
140	140/NQ-HĐQT	30/09/2024	Về việc phê duyệt giá trị tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tín dụng tháng 9 năm 2024	100%
141	141/NQ-HĐQT	02/10/2024	Về việc thông qua E-Hồ sơ mời thầu và giá gói thầu cập nhật, Gói thầu số 09MSHH-SCL-2024: Cung cấp, lắp đặt vật tư, thiết bị cho hệ thống kích từ tổ máy H1 và H2 Đa Mi	100%
142	142/NQ-HĐQT	03/10/2024	Về việc thông qua E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu số 10MSHH-SCL-2024 “Cung cấp, lắp đặt vật tư, thiết bị cho hệ thống điều tốc tổ máy H1 Đa Mi”	100%
143	143/NQ-HĐQT	03/10/2024	Về việc thông qua khởi kiện Công ty cổ phần Xây dựng 47 vi phạm nghĩa vụ về thời gian hoàn thành công trình của Hợp đồng số 368/DHD-CC47 - Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim	100%
144	144/NQ-HĐQT	08/10/2024	Về việc thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu và dự thảo hợp đồng Gói thầu “Trang bị Máy công cụ, dụng cụ và máy thí nghiệm”	100%

145	145/QĐ-HĐQT	08/10/2024	Về việc ban hành Quy chế sử dụng Quỹ phúc lợi của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
146	146/NQ-HĐQT	10/10/2024	Về việc thông qua danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật Gói thầu số 47TV-SXKD-2024: Tư vấn xây dựng, triển khai đảm bảo an toàn hệ thống thông tin cấp độ 4 cho các hệ thống điều khiển của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
147	147/NQ-HĐQT	15/10/2024	Về việc phê duyệt giá trị tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tín dụng tháng 10 năm 2024	100%
148	148/NQ-HĐQT	16/10/2024	Về việc thông qua Dự thảo hợp đồng “Kiểm định định kỳ thiết bị trạm 110kV Nhà máy Thủy điện Hạ Sông Pha 1 năm 2024” với Công ty cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha	100%
149	149/NQ-HĐQT	18/10/2024	Về việc phê duyệt Danh mục các gói thầu sử dụng vốn SXKD năm 2025 triển khai thực hiện lựa chọn nhà thầu trong quý IV năm 2024	100%
150	150/NQ-HĐQT	21/10/2024	Họp Hội đồng quản trị - Phiên họp quý IV năm 2024	100%
151	151/NQ-HĐQT	24/10/2024	Về việc thông qua dự thảo Phụ lục số 01 của Hợp đồng số 340/2024/HĐ- TĐĐHĐ-23JSC Gói thầu số 30TV-SXKD-2024 “Quan trắc xói lở, bồi lắng lòng hồ Đơn Dương, Hàm Thuận, Đa Mi”	100%
152	152/NQ-HĐQT	24/10/2024	Về việc thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu và dự thảo hợp đồng Gói thầu số 47TV-SXKD-2024 “Tư vấn xây dựng, triển khai đảm bảo an toàn hệ thống thông tin cấp độ 4 cho các hệ thống điều khiển của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi”	100%
153	153/NQ-HĐQT	25/10/2024	Về việc ban hành Quy định phân phối lương sản xuất điện, tiền an toàn điện	100%
154	154/NQ-HĐQT	25/10/2024	Về việc thông qua áp dụng giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng của Gói thầu số 10XL-SXKD-2024 “Xử lý các vết nứt của tòa nhà năng lượng Hàm Thuận” thuộc danh mục sản xuất kinh doanh năm 2024	100%
155	155/NQ-HĐQT	25/10/2024	Về việc thông qua danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, Gói thầu số 31TV-SXKD-2024 “Kiểm định an toàn đập, hồ chứa Công trình thủy điện Đa Nhim, Hàm Thuận và Đa Mi năm 2024	100%

156	156/QĐ-HĐQT	28/10/2024	Về việc ban hành Quy định phân phối lương sản xuất điện, tiền an toàn điện	100%
157	157/NQ-HĐQT	30/10/2024	Về việc thông qua bổ sung ngành, nghề kinh doanh và sửa đổi chi tiết ngành nghề kinh doanh của Công ty cổ phần Phong điện Thuận Bình	100%
158	158/NQ-HĐQT	04/11/2024	Về việc thông qua sửa đổi, bổ sung Quy định phụ cấp hoạt động sản xuất kinh doanh khác trong Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
159	159/NQ-HĐQT	06/11/2024	Về việc thông qua Phương án kỹ thuật và Dự toán danh mục sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2025 - Danh mục Tổ máy H3 Đa Nhim, Hạng mục Đại tu tổ máy	100%
160	160/NQ-HĐQT	11/11/2024	Thông qua phương án bổ nhiệm lại cán bộ (ông Đoàn Thanh Tạo)	100%
161	161/NQ-HĐQT	15/11/2024	Về việc phê duyệt chủ trương lựa chọn Tư vấn pháp lý bảo vệ quyền lợi ích của Chủ đầu tư giải quyết tranh chấp Hợp đồng số 368/DHD-CC47 tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam	100%
162	162/NQ-HĐQT	15/11/2024	Về việc thông qua Báo cáo kinh tế - kỹ thuật hạng mục “Hệ thống báo cháy và chữa cháy tự động Nhà máy Thủy điện Sông Pha”	100%
163	163/NQ-HĐQT	18/11/2024	Về việc thông qua Báo cáo kinh tế - kỹ thuật hạng mục “Cung cấp lắp đặt hệ thống báo cháy, chữa cháy tự động Nhà máy Thủy điện Đa Nhim”	100%
164	164/NQ-HĐQT	18/11/2024	Về việc thông qua Báo cáo kinh tế - kỹ thuật hạng mục “Hệ thống báo cháy và chữa cháy tự động cho các MBA T9 và T10 Nhà máy Thủy điện Đa Nhim”	100%
165	165/NQ-HĐQT	18/11/2024	Về việc thông qua Phương án kỹ thuật và Dự toán danh mục sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2025 - Danh mục Tổ máy H4 Sông Pha, Hạng mục Đại tu tổ máy	100%
166	166/NQ-HĐQT	18/11/2024	Về việc thông qua Báo cáo kinh tế - kỹ thuật hạng mục “Hệ thống chữa cháy tự động Kho vật tư Nhà máy Thủy điện Đa Nhim”	100%
167	167/NQ-HĐQT	18/11/2024	Về việc thông qua Phương án kỹ thuật và Dự toán danh mục sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2025 - Danh mục Tổ máy H2 Sông Pha, Hạng mục Đại tu tổ máy	100%
168	168/NQ-HĐQT	21/11/2024	Về việc thông qua E-Hồ sơ mời thầu “Cung cấp dịch vụ bảo vệ an ninh trật tự và an toàn năm 2025 - 2026”	100%

169	169/NQ-HĐQT	22/11/2024	Về việc phê duyệt giá trị tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tín dụng tháng 11 năm 2024	100%
170	170/NQ-HĐQT	22/11/2024	Về việc phê duyệt giá trị tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tín dụng tháng 11 năm 2024 (Hiệu chỉnh)	100%
171	171/NQ-HĐQT	25/11/2024	Về việc thông qua Dự thảo hợp đồng gói thầu Tư vấn pháp lý bảo vệ quyền lợi ích của Chủ đầu tư giải quyết tranh chấp Hợp đồng số 368/DHD-CC47 tại VIAC	100%
172	172/NQ-HĐQT	26/11/2024	Về việc thông qua áp dụng Quy chế về công tác đầu thầu sử dụng chi phí sản xuất kinh doanh trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam tại Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
173	173/NQ-HĐQT	27/11/2024	Về việc thông qua nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2024 của Công ty cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	100%
174	174/NQ-HĐQT	27/11/2024	Về việc thông qua áp dụng Bộ định mức sửa chữa lớn thiết bị không theo khối nhà máy Thủy điện trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam tại Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
175	175/NQ-HĐQT	27/11/2024	Về việc thông qua E-Hồ sơ mời thầu “Cung cấp dịch vụ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc năm 2025”	100%
176	176/NQ-HĐQT	27/11/2024	Về việc thông qua E-Hồ sơ mời thầu “Cung cấp dịch vụ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc Nhà máy Điện mặt trời Đa Mi năm 2025”	100%
177	177/NQ-HĐQT	27/11/2024	Về việc tạm ứng cổ tức năm 2024 bằng tiền	100%
178	661/QĐ-HĐQT	27/11/2024	Về việc công bố áp dụng Quy chế về công tác đầu thầu sử dụng chi phí sản xuất kinh doanh trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam tại Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
179	178/NQ-HĐQT	28/11/2024	Về việc thông qua Dự thảo hợp đồng sửa đổi bổ sung số 11 Hợp đồng mua bán điện Nhà máy thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi - Sông Pha	100%
180	179/NQ-HĐQT	29/11/2024	Về việc thông qua các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng năm 2024	100%
181	180/NQ-HĐQT	29/11/2024	Về việc thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha	100%
182	181/NQ-HĐQT	29/11/2024	Về việc phê duyệt giá trị tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tín dụng tháng 11 năm 2024	100%

183	182/NQ-HĐQT	29/11/2024	Về việc thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu và dự thảo hợp đồng Gói thầu số 31TV-SXKD-2024: Kiểm định an toàn đập, hồ chứa Công trình thủy điện Đa Nhim, Hàm Thuận và Đa Mi năm 2024	100%
184	183/NQ-HĐQT	03/12/2024	Về việc thông qua E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu “Kiểm định định kỳ và bảo dưỡng sửa chữa các thiết bị thuộc hệ thống đo đếm điện năng năm 2025”	100%
185	184/NQ-HĐQT	04/12/2024	Về việc thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu Tư vấn pháp lý bảo vệ quyền lợi ích của Chủ đầu tư giải quyết tranh chấp Hợp đồng số 368/DHD- CC47 tại VIAC	100%
186	185/NQ-HĐQT	04/12/2024	Về việc thông qua tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2024	100%
187	186/NQ-HĐQT	05/12/2024	Về việc phê duyệt giá trị tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tín dụng tháng 12 năm 2024	100%
188	187/NQ-HĐQT	06/12/2024	Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các Gói thầu Phòng cháy chữa cháy khu vực Đa Nhim - Sông Pha	100%
189	188/NQ-HĐQT	10/12/2024	Về việc thông qua Hướng dẫn công tác cán bộ trong Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
190	189/QĐ-HĐQT	12/12/2024	Về việc ban hành Hướng dẫn về công tác cán bộ trong Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
191	190/NQ-HĐQT	12/12/2024	Về việc thông qua dự toán Gói thầu số 02-HH-KHCB-2024: Cung cấp và lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy khu vực Đa Nhim - Sông Pha	100%
192	191/NQ-HĐQT	16/12/2024	Về việc thông qua tài liệu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2024	100%
193	192/NQ-HĐQT	17/12/2024	Về việc thông qua dự thảo Phụ lục số 01 của Hợp đồng số 110/2024/HĐ TĐĐHĐ-AT-LA để thực hiện gói thầu Trang bị Máy công cụ, dụng cụ và máy thí nghiệm	100%
194	193/NQ-HĐQT	19/12/2024	Về việc thông qua Phương án kỹ thuật và Dự toán danh mục sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2025 - Danh mục Tổ máy H1 Đa Mi, Hạng mục Hệ thống báo cháy và chữa cháy máy phát H1	100%
195	194/NQ-HĐQT	19/12/2024	Về việc thông qua Phương án kỹ thuật và Dự toán danh mục sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2025 - Danh mục Tổ máy H2 Đa Mi, Hạng mục Hệ thống báo cháy và chữa cháy máy phát H2	100%

196	195/NQ-HĐQT	20/12/2024	Về việc thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu và dự thảo hợp đồng Gói thầu số 09MSHH-SCL-2024: Cung cấp, lắp đặt vật tư, thiết bị cho hệ thống kích từ tổ máy H1 và H2 Đa Mi	100%
197	196/NQ-HĐQT	20/12/2024	Về việc thông qua Phương án kỹ thuật và Dự toán danh mục sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2025 - Danh mục: Trạm phân phối điện Nhà máy Thủy điện Đa Mi, Hạng mục: Hệ thống rơ le bảo vệ phát tuyến 272	100%
198	197/NQ-HĐQT	23/12/2024	thông qua chủ trương kiện toàn các chức danh cán bộ quản lý phòng, phân xưởng trong Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
199	198/NQ-HĐQT	25/12/2024	Thông qua dự thảo Phụ lục hợp đồng Gói thầu số 29TV-SXKD-2024 “Tư vấn lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường đối với cơ sở sản xuất (các Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận, Đa Mi, Điện mặt trời Đa Mi; Nhà máy Thủy điện Đa Nhim, Sông Pha và Đa Nhim mở rộng)”	100%
200	199/NQ-HĐQT	25/12/2024	Thông qua dự thảo Phụ lục số 01 của Hợp đồng số 115/2024/HĐ-TĐĐHĐ-TNĐMN về việc Kiểm định định kỳ và bảo dưỡng sửa chữa các thiết bị thuộc hệ thống đo đếm điện năng năm 2024	100%
201	200/QĐ-HĐQT	25/12/2024	Về việc thành lập Tổ thẩm định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị	100%
202	201/NQ-HĐQT	25/12/2024	Về việc thông qua E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu số 02-HH-KHCB-2024: Cung cấp và lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy khu vực Đa Nhim - Sông Pha	100%
203	202/NQ-HĐQT	26/12/2024	Về việc phê duyệt giá trị tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tín dụng tháng 12 năm 2024 (lần 2)	100%
204	203/NQ-HĐQT	27/12/2024	Về việc phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng Quỹ phúc lợi năm 2024	100%
205	204/QĐ-HĐQT	27/12/2024	Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự hoàn thành Hạng mục mua sắm Tài sản cố định Máy rửa chén công nghiệp	100%
206	205/QĐ-HĐQT	27/12/2024	Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự hoàn thành Hạng mục mua sắm tài sản cố định Hệ thống cảnh báo lũ hạ du hồ Đơn Dương	100%
207	206/QĐ-HĐQT	30/12/2024	Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự hoàn thành Hạng mục mua sắm Tài sản cố	100%

			định Hệ thống cảnh báo lũ hạ du hồ Hàm Thuận	
208	207/NQ-HĐQT	30/12/2024	Về việc thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu và Dự thảo hợp đồng Gói thầu Cung cấp dịch vụ bảo vệ an ninh trật tự và an toàn năm 2025 - 2026	100%
209	208/NQ-HĐQT	30/12/2024	Về việc thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu và dự thảo hợp đồng Gói thầu Cung cấp dịch vụ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc năm 2025	100%
210	209/NQ-HĐQT	30/12/2024	Về việc thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu và Dự thảo hợp đồng Gói thầu Cung cấp dịch vụ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc Nhà máy Điện mặt trời Đa Mi năm 2025	100%
211	210/QĐ-HĐQT	31/12/2024	Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự hoàn thành Hạng mục mua sắm tài sản cố định Hệ thống thiết bị hội nghị truyền hình các phòng họp tại Công ty	100%
212	211/QĐ-HĐQT	31/12/2024	Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự hoàn thành Hạng mục mua sắm Tài sản cố định Xe ô tô chữa cháy	100%
213	212/NQ-HĐQT	31/12/2024	Về việc tạm ứng cổ tức năm 2024 bằng tiền đợt 2	100%

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO

Về việc kết quả hoạt động năm 2024 của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ngày 26 tháng 4 năm 2024;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ban hành lần 03 ngày 03 tháng 5 năm 2024;

Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về tình hình hoạt động, kiểm tra, giám sát năm 2024 và phương hướng hoạt động năm 2025 như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY VÀ BAN KIỂM SOÁT

1. Giới thiệu về Công ty

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (Công ty) là đơn vị quản lý vận hành các nhà máy điện gồm nhà máy thủy điện Đa Nhim, Đa Nhim mở rộng, Sông pha, Hàm Thuận và Đa Mi với tổng công suất lắp đặt 722,5MW và Nhà máy điện mặt trời Đa Mi với công suất lắp đặt 47,5MWp. Một số thông tin chính của Công ty:

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI.

- Tên tiếng Anh: DA NHIM - HAM THUAN - DA MI HYDRO POWER JOINT STOCK COMPANY.

- Tên viết tắt: EVNHPCDHD.

- Mã chứng khoán: DNH, giao dịch trên sàn giao dịch Upcom.

- Vốn điều lệ: 4.224.000.000.000 đồng.

- Số lượng phát hành: 422.400.000 cổ phiếu.

- Cổ đông lớn: Tổng công ty Phát điện 1 chiếm 99,93%.

- Tổng số CBCNV của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 237 người.

2. Ban kiểm soát

Thành phần Ban kiểm soát năm 2024 gồm có:

- Bà Đinh Hải Ninh

Trưởng Ban

- Ông Đặng Văn Minh Thành viên
- Ông Phạm Viết Kỳ Thành viên

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Thực hiện công tác kiểm soát

- Trong năm 2024, Ban kiểm soát (BKS) đã thực hiện 03 đợt kiểm soát tập trung định kỳ và thực hiện kiểm soát thường xuyên thông qua hệ thống D-Office để rà soát các hoạt động của Công ty, đạt 100% kế hoạch với tinh thần làm việc trung thực, cẩn trọng, khách quan, vì lợi ích của Công ty và các cổ đông, tuân thủ đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty, cụ thể như sau:

Đợt kiểm soát	Thời gian	Nội dung
Đợt 1	Từ ngày 06/8/2024 đến ngày 09/8/2024	<ul style="list-style-type: none"> - Tình hình triển khai thực hiện kế hoạch SXKD theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên trong 06 tháng đầu năm 2024. - Thẩm tra Báo cáo tài chính (BCTC) bán niên năm 2024. - Xem xét tình hình tài chính, công tác kế toán 06 tháng đầu năm 2024. - Kiểm tra công tác đấu thầu, thực hiện hợp đồng trong 06 tháng đầu năm 2024. - Các nội dung khác về các hoạt động Công ty.
Đợt 2	Từ ngày 16/12/2024 đến ngày 20/12/2024	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm soát tình hình thực hiện kế hoạch, Nghị quyết ĐHĐCĐ. - Kiểm tra công tác đấu thầu, thực hiện trong năm 2024. - Kiểm soát tình hình thực hiện công tác sửa chữa bảo dưỡng năm 2024 - Xem xét tình hình tài chính, công tác kế toán 04 tháng cuối năm 2024. - Các nội dung khác về các hoạt động Công ty.
Đợt 3	Từ ngày 17/3/2025 đến ngày 21/3/2025	<ul style="list-style-type: none"> - Thẩm tra quyết toán tiền lương thực hiện năm 2024 của Công ty - Thẩm tra BCTC và thẩm định thẩm định đánh giá hiệu quả hoạt động, xếp loại doanh nghiệp năm 2024. - Xem xét kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng và đầu tư phát triển của Công ty năm 2024. - Xem xét đánh giá hoạt động của Hội đồng

Đợt kiểm soát	Thời gian	Nội dung
		<p>quản trị (HĐQT), Ban Tổng giám đốc về chỉ đạo, quản lý điều hành hoạt động của Công ty năm 2024.</p> <p>- Chuẩn bị các báo cáo, tờ trình của Ban kiểm soát trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.</p>

- Kết thúc các đợt kiểm soát, Ban kiểm soát thống nhất các nội dung, kết quả làm việc trong đó có đánh giá tình hình và kết quả thực hiện, nêu các vấn đề tồn tại và một số khuyến nghị với Công ty.

2. Các cuộc họp của Ban kiểm soát

Trong năm 2024, Ban kiểm soát đã tiến hành họp 04 lần để thống nhất các kết quả các đợt kiểm soát, thẩm tra báo cáo quyết toán quỹ tiền lương năm 2024, thẩm tra BCTC (6 tháng và cả năm), thẩm tra kết quả xếp loại doanh nghiệp của Công ty và các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Kết quả các cuộc họp của Ban kiểm soát như sau:

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ tán thành
1	Bà Đinh Hải Ninh	4/4	100%	100%
2	Ông Đặng Văn Minh	4/4	100%	100%
3	Ông Phạm Viết Kỳ	4/4	100%	100%

3. Đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát hoàn thành tốt nhiệm vụ trong năm 2024. Thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

III. KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư

1.1. Hoạt động sản xuất điện

a) Sản lượng điện

Tổng sản lượng điện sản xuất và tổng sản lượng điện thương phẩm thực hiện thấp hơn kế hoạch do tình hình thủy văn không thuận lợi, lưu lượng nước về các hồ Đơn Dương và hồ Hàm Thuận thấp hơn dự kiến.

Đơn vị: Triệu kWh

STT	Chỉ tiêu	KH 2024	TH 2024	Tỉ lệ (TH/KH)
1	Sản lượng điện sản xuất	3.045	2.745,5	90%
a)	Thủy điện	2.979,72	2.679,2	90%

STT	Chỉ tiêu	KH 2024	TH 2024	Tỉ lệ (TH/KH)
b)	Điện mặt trời	64,87	66,3	102%
2	Sản lượng điện thương phẩm	3.020	2.728,08	90%
a)	Thủy điện	2.955	2.662,42	90%
b)	Điện mặt trời	64	65,66	102%

b) Các chỉ tiêu kinh tế-kỹ thuật

Công ty thực hiện tốt các chỉ tiêu Kinh tế-Kỹ thuật theo kế hoạch được giao. Trong năm không xảy ra tai nạn lao động, cháy nổ, đảm bảo an toàn trong sản xuất kinh doanh.

1.2. Công tác bảo dưỡng sửa chữa tài sản cố định

Kết quả thực hiện năm 2024 cơ bản hoàn thành kế hoạch. Giá trị thực hiện SCL là 24.125 triệu đồng, đạt 62,5% giá trị kế hoạch do: (i) tiết giảm chi phí thông qua đấu thầu; (ii) chưa tạm ứng cho gói thầu hệ thống điều tốc tổ máy H1 Đa Mi; (iii) Hệ thống rò rỉ bảo vệ tổ máy H1 Đa Mi đã hoàn thành cung cấp vật tư thiết bị trong năm nhưng hoàn thành lắp đặt, đưa vào sử dụng ngày 14/01/2025.

1.3. Hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2024: Các chỉ tiêu doanh thu, chi phí, lợi nhuận đều đạt kế hoạch, chi tiết như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	KH 2024	TH 2024	So sánh (UTH/KH)
1	Tổng doanh thu	Tr. đồng	1.898.540	2.131.242	112%
a)	Doanh thu hoạt động SXKD (bao gồm lãi tiền gửi)	Tr. đồng	1.855.387	2.059.171	111%
b)	Doanh thu hoạt động tài chính	Tr. đồng	39.778	66.680	168%
c)	Doanh thu khác	Tr. đồng	3.375	5.391	160%
2	Tổng chi phí	Tr. đồng	1.220.832	1.027.417	84%
a)	Chi phí hoạt động sản xuất điện (bao gồm các khoản làm tăng giảm giá điện)	Tr. đồng	1.217.794	1.023.530	84%
b)	Chi phí hoạt động tài chính	Tr. đồng	-	-	
c)	Chi phí khác	Tr. đồng	3.038	3.887	128%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	677.708	1.103.825	163%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	542.166	905.915	167%

- Ban kiểm soát thống nhất với kết quả các hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty.

1.4. Công tác đầu tư

a) Công tác đầu tư xây dựng

Đối với dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim, dự án đã hoàn thành và đưa vào vận hành 80MW ngày 12/8/2021. Đến nay tình hình thực hiện như sau:

- Chưa thanh toán cho Tư vấn giám sát đối với khối lượng đã thực hiện từ tháng 8/2019 đến tháng 10/2021 do đang thực hiện các nội dung tại Văn bản số 445/ĐL-TĐ ngày 08/3/2022 của Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo.

- Ngày 04/10/2024, Công ty đã nộp đơn khởi kiện Công ty cổ phần Xây dựng 47 tại VIAC vì phạm nghĩa vụ về thời gian hoàn thành công trình của Hợp đồng số 368/DHD-CC47.

- Ngày 06/12/2024 Công ty đã ký Hợp đồng với Công ty Luật TNHH BD và Cộng sự để tư vấn pháp lý bảo vệ quyền lợi ích của Chủ đầu tư giải quyết tranh chấp Hợp đồng số 368/DHD-CC47 tại VIAC.

b) Công tác đầu tư phát triển, mua sắm tài sản cố định

Kết quả thực hiện trong năm 2024 là 13.852 triệu đồng, đạt 38% kế hoạch. Giá trị thực hiện khá thấp so với kế hoạch chủ yếu do một số danh mục chưa hoàn thành trong năm và tiếp tục thực hiện trong năm 2025.

2. Kết quả thực hiện phân phối lợi nhuận

Trong năm 2024 Công ty đã triển khai chi trả cổ tức và phân phối các quỹ theo đúng Nghị quyết số 617/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2024 của ĐHĐCĐ thường niên.

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	KH 2024 (ĐHĐCĐ 2024)	TH 2024
	PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	1.280.643	1.280.643
1	Phân phối các quỹ	52.686	52.686
a	Quỹ thưởng BQL điều hành Công ty	745	745
b	Quỹ khen thưởng phúc lợi	25.971	25.971
c	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Điểm a, b khoản 1 Điều 18 Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH	25.971	25.971
2	Chi trả cổ tức	1.203.840	1.203.840
a	Tỷ lệ cổ tức	28,50%	28,50%
b	Cổ tức	1.203.840	1.203.840

3. Kết quả thực hiện lựa chọn kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024

Công ty đã lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán cho Báo cáo tài chính năm 2024 đúng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.

4. Thực hiện tiền lương, thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát

- Trên cơ sở kế hoạch tiền lương, thù lao của Chủ tịch HĐQT và Ban kiểm soát được ĐHĐCĐ năm 2024 thông qua và căn cứ kết quả SXKD năm 2024, Công ty đã thực hiện quyết toán tiền lương, thù lao năm 2024 như sau:

Đơn vị: Đồng

STT	Tiền lương, thù lao	KH 2024	TH 2024	Tỷ lệ (TH/KH)
1	Chủ tịch HĐQT	984.812.700	1.051.377.000	106,76%
2	Tiền lương, thù lao các thành viên Ban kiểm soát	1.076.518.600	1.147.560.000	106,60%

- Tiền lương, thù lao thực hiện cao hơn kế hoạch do lợi nhuận và hiệu quả SXKD năm 2024 đạt kết quả cao so với kế hoạch.

- Nhận xét về thực hiện tiền lương, thù lao: Phù hợp với các quy chế, quy định.

IV. GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

1. Giao dịch giữa Công ty và công ty con

- Trong năm Công ty và công ty con - Công ty cổ phần thủy điện Hạ Sông pha ký kết 05 Hợp đồng có tổng giá trị là 1.733 triệu đồng, bao gồm các Hợp đồng cung cấp nhân sự vận hành, bảo dưỡng sửa chữa cho công ty con và hợp đồng cho công ty con thuê văn phòng làm việc.

- Đối với các hợp đồng nêu trên, HĐQT đã thống nhất thông qua bằng các Nghị quyết trước khi ký kết hợp đồng, phù hợp theo với Điều lệ Công ty và luật doanh nghiệp.

2. Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan

Không có

V. VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Công ty đã thực hiện công bố thông tin đầy đủ, kịp thời theo quy định pháp luật.

VI. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Hội đồng quản trị

a) Về thực hiện quyền và nghĩa vụ

HĐQT luôn bám sát và chỉ đạo các hoạt động Công ty theo các Nghị quyết ĐHĐCĐ; thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định; chấp hành tốt các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định và quy chế quản lý liên quan, v.v... đảm bảo tính hiệu quả trong công tác quản lý điều hành hoạt động Công ty.

b) Kết quả hoạt động trong năm 2024

- HĐQT đã tổ chức thành công các lần ĐHĐCĐ gồm: (i) ĐHĐCĐ thường niên và

ban hành Nghị quyết số 617/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2024; (ii) lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua Nghị quyết số 2215/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/12/2024, thống nhất điều chỉnh mức cổ tức kế hoạch năm 2024 từ 12% lên 14%. Trình tự, thủ tục thực hiện tổ chức ĐHĐCĐ thường niên và lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phù hợp quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

- HĐQT đã tổ chức 04 cuộc họp định kỳ và ban hành 213 Nghị Quyết và Quyết định theo thẩm quyền để chỉ đạo, điều hành các hoạt động công ty và thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, phương hướng ĐHCĐ giao. Trình tự, thủ tục và nội dung cuộc họp, ban hành Nghị Quyết tuân thủ quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

2. Ban Tổng giám đốc Công ty

a) Về thực hiện quyền và nghĩa vụ

Ban Tổng giám đốc đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định để quản lý, điều hành các hoạt động Công ty; thực hiện nghiêm túc các Nghị Quyết của HĐQT và Nghị quyết của ĐHCĐ; chấp hành tốt các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định và quy chế quản lý liên quan, v.v...

b) Về kết quả thực hiện năm 2024

- Đối với kết quả SXKD: Các chỉ tiêu doanh thu, chi phí và lợi nhuận đều đạt kết quả tốt so với kế hoạch được giao, lợi nhuận sau TTNDN đạt 167% kế hoạch.

- Đối với công tác quản lý, điều hành: Qua các cuộc thanh tra, kiểm tra của các cơ quan thẩm quyền trong năm 2024, Công ty không có phát hiện vi phạm, không có kiến nghị xử lý vi phạm, v.v..

VII. KẾT QUẢ SỰ PHỐI HỢP GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong quá trình hoạt động, Ban kiểm soát đã có sự phối hợp chặt chẽ với HĐQT và Ban Tổng giám đốc Công ty, cụ thể như sau:

- Ban kiểm soát đã được mời tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp của HĐQT Công ty.

- Ban kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp giao ban tháng và các cuộc họp quan trọng khác của Ban điều hành Công ty; được tham gia ý kiến về tất cả các vấn đề liên quan đến công tác điều hành các hoạt động SXKD của Công ty.

- Ban kiểm soát nhận được các tài liệu, thông tin theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty (về quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát): Các Phiếu lấy ý kiến, tờ trình HĐQT, các Biên bản họp, nghị quyết, quyết định của HĐQT, các báo cáo/thông tin liên quan đến hoạt động của Công ty đều được cung cấp cho Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với HĐQT.

VIII. KẾT QUẢ THẨM TRA BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Đánh giá chung

BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2024 của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Một số chỉ tiêu tài chính và hiệu quả sử dụng vốn

STT	Chỉ tiêu	CÔNG TY MẸ		HỢP NHẤT	
		Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm
1	Cơ cấu tài sản, nguồn vốn				
a	Vốn CSH/Tổng nguồn vốn	67%	72%	66%	70%
b	Nợ phải trả/Vốn CSH (lần)	0,5	0,4	0,5	0,4
c	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	33%	28%	34%	30%
d	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	27%	34%	26%	33%
e	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	73%	66%	74%	67%
2	Khả năng thanh toán				
a	Hệ số khả năng thanh toán nhanh (lần)	0,5	1,7	0,5	1,6
b	Hệ số khả năng thanh toán tổng quát (lần)	3,0	3,6	2,9	3,4
c	Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn (lần)	1,6	2,7	1,6	2,6
3	Hiệu quả sử dụng vốn	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024
a	Doanh thu trên tổng vốn	35%	30%	32%	29%
b	Lợi nhuận sau thuế trên bình quân tổng tài sản (ROA)	18%	12%	14%	12%
c	Lợi nhuận sau thuế trên bình quân vốn CSH (ROE)	23%	18%	19%	17%

3. Kết quả thẩm tra

- BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2024 đã được lập theo quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp và chuẩn mực kế toán Việt Nam. Số liệu của các BCTC phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty.

- Trên cơ sở các chỉ tiêu tài chính của BCTC riêng và BCTC hợp nhất, Ban kiểm soát nhận thấy tình hình tài chính của Công ty lành mạnh, đảm bảo khả năng trả nợ, bảo toàn và phát triển nguồn vốn.

- Ban kiểm soát thống nhất với BCTC năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

IX. MỘT SỐ KHÓ KHĂN, TỒN TẠI

1. Các công trình đã vận hành hơn 20 năm đã có xuất hiện những hiện tượng bất thường, phần lớn các thiết bị đã vận hành trong thời gian dài và già cỗi, nguy cơ xảy ra hư hỏng cao ảnh hưởng đến công tác vận hành.

2. Trong vận hành, Nhà máy thủy điện Đa Nhim chịu ảnh hưởng của lưới điện truyền tải khu vực nên thường xuyên phải giảm tải và ngừng để dự phòng vào khung giờ từ 08 giờ sáng đến 15 giờ chiều hằng ngày. Việc này đã trực tiếp làm giảm sản lượng điện phát của NMTĐ Đa Nhim, đồng thời làm tăng lượng nước xả qua tràn trong mùa lũ.

3. Công tác mua sắm TSCĐ thực hiện trong năm còn thấp, đạt 38% kế hoạch do một số danh mục chưa hoàn thành và chuyển tiếp sang năm 2025 tiếp tục thực hiện.

4. Công tác đầu tư xây dựng Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim

- Việc điều chỉnh dự án đầu tư do dự án bị kéo dài tiến độ hoàn thành chưa được các cấp thẩm quyền phê duyệt nên chưa điều chỉnh được Hợp đồng tư vấn giám sát để thanh toán cho nhà thầu các chi phí phát sinh vượt giá trị Hợp đồng.

- Việc xác định nguyên nhân và trách nhiệm của các bên liên quan đến việc chậm tiến độ đường hầm dẫn nước kéo dài, chưa được các bên thống nhất.

- Công ty đã khởi kiện Công ty cổ phần Xây dựng 47 tại VIAC vi phạm nghĩa vụ về thời gian hoàn thành công trình của Hợp đồng số 368/DHD-CC47. Ngày 06/12/2024 Công ty đã ký Hợp đồng với Công ty Luật TNHH BD và Cộng sự để tư vấn pháp lý bảo vệ quyền lợi ích của Chủ đầu tư giải quyết tranh chấp Hợp đồng số 368/DHD-CC47 tại VIAC

X. KIẾN NGHỊ

1. Về công tác sản xuất

- Xem xét thực hiện bảo dưỡng sửa chữa, nâng cấp, thay thế thiết bị, công trình có hiện tượng bất thường và nguy cơ xảy ra sự cố để đảm bảo hệ thống thiết bị, tổ máy và công trình vận hành an toàn, ổn định và có độ tin cậy cao.

- Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá trình trạng thiết bị, công trình có mức độ rủi ro cao để có kế hoạch tổ chức mua sắm, bảo dưỡng sửa chữa kịp thời và xây dựng phương án phòng ngừa nhằm giảm thiểu các rủi ro xảy ra sự cố gây ảnh hưởng lớn đến công tác sản xuất.

2. Về công tác mua sắm tài sản cố định: Công ty cần xem xét, đánh giá đầy đủ các giải pháp thực hiện; đề xuất danh mục và lập kế hoạch mua sắm phù hợp để đảm bảo việc hoàn thành kế hoạch.

3. Về dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim: Tiếp tục phối hợp với các cấp thẩm quyền, các bên liên quan xử lý các tồn tại của dự án theo quy định. Cùng cố hồ sơ pháp lý liên quan đến Hợp đồng 368/DHD-CC47 để giải quyết các tồn tại trong tranh

chấp hợp đồng tại VIAC.

XI. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và kế hoạch Công ty năm 2025, Ban kiểm soát đề ra phương hướng hoạt động như sau:

1. Tiếp tục triển khai các công tác kiểm soát định kỳ và đột xuất (nếu có), theo chương trình, kế hoạch đề ra và thay mặt cổ đông thường xuyên kiểm soát các hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

2. Giám sát việc chấp hành Quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, tình hình thực hiện các Quy chế, Quy định, Nghị quyết, Quyết định, v.v.. trong các hoạt động của Công ty.

3. Giám sát việc tổ chức thực hiện kế hoạch năm 2025; giám sát và đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh, tài chính, việc bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.

4. Thẩm tra báo cáo tài chính, kết quả kinh doanh; giám sát, đánh giá hoạt động của HĐQT và Ban điều hành.

5. Giám sát việc công bố thông tin, đảm bảo đầy đủ, kịp thời cho cổ đông và các bên có liên quan.

6. Kiểm tra, kiểm soát đột xuất theo chuyên đề khi có ý kiến yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông.

Trên đây là báo cáo kết quả kiểm soát năm 2024 và phương hướng hoạt động năm 2025 của Ban kiểm soát, kính trình Đại hội đồng cổ đông.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- EVNGENCO1 (đề b/c);
- Ban KTGS EVNGENCO1;
- HĐQT, Ban TGD Công ty;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Đinh Hải Ninh

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn kiểm toán Báo cáo tài chính 2025 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ngày 26 tháng 4 năm 2024;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ban hành lần 03 ngày 03 tháng 5 năm 2024;

Căn cứ hợp đồng khung đã được ký kết giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam về Hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia, Tổng công ty Điện lực Thành phố Hà Nội, Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh, Tổng công ty Phát điện 1 (bao gồm kiểm toán cho công ty con là Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi) và Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức cho các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 31 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ năng lực của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam:

1. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán đáp ứng đầy đủ tiêu chí thực hiện dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi, cụ thể như sau:

- Tên doanh nghiệp là Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, có Mã số doanh nghiệp là 03 008 11 802 và được cấp giấy phép hoạt động tại Việt Nam từ năm 1992.

- Là Công ty kiểm toán có uy tín, đội ngũ nhân sự có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm toán và tư vấn tài chính kế toán Báo cáo tài chính, thuộc nhóm Big4.

- Là một trong 31 tổ chức kiểm toán được Bộ Tài chính chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2025 tại Quyết định số 2730/QĐ-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ Tài chính.

- Là đơn vị kiểm toán uy tín được Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng công ty Phát điện 1 lựa chọn kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 và năm 2025.

2. Từ các cơ sở nêu trên, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt các nội dung sau:

- Phê duyệt danh sách đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi là Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam; phí cung cấp dịch vụ là **488.104.226** đồng (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng), mức phí này căn cứ theo Văn bản số 156/EVNGENCO1-TCKT ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Tổng công ty Phát điện 1.

- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi thực hiện các thủ tục ký hợp đồng kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 với Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- EVNGENCO1 (để b/c);
- Ban KTGS EVNGENCO1;
- HĐQT, Ban TGD Công ty;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Đinh Hải Ninh

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2024;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Hội đồng quản trị Công ty báo cáo các chỉ số cơ bản của báo cáo tài chính năm 2024 như sau:

I. BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

1. Các chỉ tiêu cơ bản của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024

STT	Chỉ tiêu	Số đầu năm (triệu đồng)	Số cuối năm (triệu đồng)
1	Tài sản ngắn hạn	2.056.438	2.440.051
2	Tài sản dài hạn	5.625.274	4.724.748
	Tổng cộng tài sản	7.681.712	7.164.799
3	Nợ phải trả	2.521.930	2.017.708
4	Nguồn vốn chủ sở hữu	5.159.782	5.147.091
	Tổng cộng nguồn vốn	7.681.712	7.164.799

2. Các chỉ tiêu cơ bản của Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2024

- Tổng doanh thu: 2.162.298 triệu đồng.
- Tổng chi phí: 1.058.473 triệu đồng.
- Lợi nhuận trước thuế TNDN: 1.103.825 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN: 905.915 triệu đồng.

II. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. Các chỉ tiêu cơ bản của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024

STT	Chỉ tiêu	Số đầu năm (triệu đồng)	Số cuối năm (triệu đồng)
1	Tài sản ngắn hạn	2.077.659	2.457.646
2	Tài sản dài hạn	5.941.471	5.020.115
	Tổng cộng tài sản	8.019.130	7.477.761
3	Nợ phải trả	2.735.991	2.212.493
4	Nguồn vốn chủ sở hữu	5.225.106	5.208.742
5	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	58.033	56.526
	Tổng cộng nguồn vốn	8.019.130	7.477.761

2. Các chỉ tiêu cơ bản của Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2024

- Tổng doanh thu: 2.223.331 triệu đồng.
- Tổng chi phí: 1.118.477 triệu đồng.
- Lợi nhuận trước thuế TNDN: 1.104.854 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN: 906.274 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát: 3.514 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mẹ: 902.759 triệu đồng.

Chi tiết trình bày tại Báo cáo tài chính đính kèm.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- BKS;
- HCLD;
- Lưu: VT, TCKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Văn Quang

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim –
Hàm Thuận – Đa Mi**

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 38

81
ÔN
NH
T
ỆT
P.1

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ("Công ty") là một công ty cổ phần, được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước (Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi) theo Quyết định số 327/QĐ-EVN ngày 24 tháng 5 năm 2010 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 7 tháng 10 năm 2011. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp cho công ty cổ phần lần đầu số 5800452036 vào ngày 7 tháng 10 năm 2011 và các lần điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 10 ngày 7 tháng 7 năm 2022.

Theo Quyết định số 427/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) với mã cổ phiếu là DNH.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng và các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tại 80A Trần Phú, phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Quang	Chủ tịch
Ông Đặng Văn Cường	Thành viên
Ông Đỗ Minh Lộc	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đinh Hải Ninh	Trưởng ban
Ông Đặng Văn Minh	Thành viên
Ông Phạm Viết Kỳ	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Văn Cường	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Minh Lộc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Chiến	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Đặng Văn Cường, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA CÔNG TY

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (“báo cáo tài chính hợp nhất”) đề ngày 31 tháng 3 năm 2025.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.



Đặng Văn Cường
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 12830117/66923461

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 5 đến trang 38, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 28, Công ty có một dự án điện mặt trời đang được Tập đoàn Điện lực Việt Nam rà soát lại các điều kiện hưởng giá bán điện theo cơ chế giá khuyến khích. Theo đó, giá bán điện mà Công ty đang được áp dụng tại dự án này có thể bị ảnh hưởng. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, Công ty chưa nhận được bất kỳ kết luận chính thức nào của các cấp có thẩm quyền liên quan tới vấn đề nêu trên.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính riêng đó vào ngày 29 tháng 3 năm 2024.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Mạnh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2401-2023-004-1

Nguyễn Quý Mạnh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4482-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.440.051.444.187	2.056.438.284.866
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	600.676.489.720	526.550.425.763
111	1. Tiền		9.427.172.790	7.070.494.263
112	2. Các khoản tương đương tiền		591.249.316.930	519.479.931.500
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	930.000.000.000	70.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		930.000.000.000	70.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		895.791.848.872	1.417.796.391.071
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	860.146.668.929	1.171.117.289.100
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		4.736.864.756	4.098.203.602
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	27	-	200.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	33.245.938.220	44.601.112.064
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(2.337.623.033)	(2.020.213.695)
140	IV. Hàng tồn kho	9	13.432.866.637	36.457.331.654
141	1. Hàng tồn kho		13.432.866.637	36.457.331.654
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		150.238.958	5.634.136.378
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	150.238.958	384.308.415
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	5.249.827.963

0081
CÔNG
CH NHIỆ
NST &
VIỆT
-TP.H

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		4.724.747.787.138	5.625.273.805.528
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	599.932.824.894
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	27	-	599.932.824.894
220	II. Tài sản cố định		4.295.398.644.745	4.554.501.241.725
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	4.295.137.471.583	4.553.837.434.187
222	Nguyên giá		14.939.601.502.705	14.833.696.766.778
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(10.644.464.031.122)	(10.279.859.332.591)
227	2. Tài sản cố định vô hình		261.173.162	663.807.538
228	Nguyên giá		2.335.628.057	2.335.628.057
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.074.454.895)	(1.671.820.519)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		12.032.167.083	100.596.498.555
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	12.032.167.083	100.596.498.555
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	12	319.439.200.000	279.439.200.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		112.000.000.000	112.000.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		100.079.200.000	100.079.200.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		37.360.000.000	37.360.000.000
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		70.000.000.000	30.000.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		97.877.775.310	90.804.040.354
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	25.975.684.523	35.805.666.790
263	2. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	9	71.902.090.787	54.998.373.564
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		7.164.799.231.325	7.681.712.090.394

802.
TỶ
HỮU
YOL
JAN
ĐC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Phân loại lại)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.017.708.372.452	2.521.929.694.612
310	I. Nợ ngắn hạn		914.452.676.236	1.293.647.930.357
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	72.672.662.118	146.095.934.134
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		574.703.982	240.636.582
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	173.306.838.456	132.296.698.151
314	4. Phải trả người lao động		25.485.080.701	36.902.367.150
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	10.648.742.743	11.718.984.836
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	508.465.171.333	845.540.888.494
320	7. Vay ngắn hạn	18	100.480.322.540	101.389.844.451
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	22.819.154.363	19.462.576.559
330	II. Nợ dài hạn		1.103.255.696.216	1.228.281.764.255
338	1. Vay dài hạn	18	1.103.255.696.216	1.228.281.764.255
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		5.147.090.858.873	5.159.782.395.782
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	5.147.090.858.873	5.159.782.395.782
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		4 224 000 000 000	4 224.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		4.224.000.000.000	4.224.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		499.939.667.271	499.939.667.271
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		423.151.191.602	435.842.728.511
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		24.116.423.386	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		399.034.768.216	435.842.728.511
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		7.164.799.231.325	7.681.712.090.394

Lâm Đồng, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Lê Đặng Hoàng Phương
Người lập

Lê Xuân Phong
Phó Trưởng phòng Tài chính
và Kế toán

Đặng Văn Cường
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi

B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu phát điện và cung cấp dịch vụ	21.1	2.008.218.681.839	2.287.628.612.685
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần phát điện và cung cấp dịch vụ	21.1	2.008.218.681.839	2.287.628.612.685
11	4. Giá vốn phát điện và dịch vụ cung cấp	22	(953.485.620.000)	(965.161.398.345)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.054.733.061.839	1.322.467.214.340
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	152.454.626.815	171.221.007.968
22	7. Chi phí tài chính	23	(30.373.561.915)	(39.826.062.681)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(30.097.788.674)	(38.081.939.501)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(74.275.546.833)	(85.135.615.275)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.102.538.579.906	1.368.726.544.352
31	10. Thu nhập khác		1.625.182.877	75.303.511
32	11. Chi phí khác		(338.514.701)	(59.883.200)
40	12. Lãi khác		1.286.668.176	15.420.311
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.103.825.248.082	1.368.741.964.663
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26	(197.910.479.866)	(258.810.539.605)
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		905.914.768.216	1.109.931.425.058

Lâm Đồng, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Lê Đặng Hoàng Phương
Người lập

Lê Xuân Phong
Phó Trưởng phòng Tài chính
và Kế toán

Dương Văn Cường
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận trước thuế		1.103.825.248.082	1.368.741.964.663
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		365.007.332.907	355.347.485.383
03	Các khoản dự phòng		317.409.338	93.295.585
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(25.993.614.572)	(24.661.703.217)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(121.398.251.321)	(144.035.737.250)
06	Chi phí lãi vay		30.097.788.674	38.081.939.501
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.351.855.913.108	1.593.567.244.665
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		317.038.074.576	(651.707.127.814)
10	Giảm hàng tồn kho		6.120.747.794	3.019.380.525
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		1.644.079.452	(68.714.138.155)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		10.064.051.724	(10.196.629.219)
14	Tiền lãi vay đã trả		(31.168.030.767)	(40.247.656.620)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(170.428.539.606)	(241.387.755.973)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(49.329.727.321)	(47.692.063.774)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.435.796.568.960	536.641.253.635
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(89.118.492.088)	(26.445.939.750)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(970.000.000.000)	(100.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		869.932.824.894	402.980.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		131.297.137.569	146.668.366.086
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(57.888.529.625)	423.202.426.336


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
34	Tiền trả nợ gốc vay		(99.947.483.835)	(189.295.679.292)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.203.840.000.000)	(1.436.160.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(1.303.787.483.835)	(1.625.455.679.292)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		74.120.555.500	(665.611.999.321)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		526.550.425.763	1.192.156.781.826
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		5.508.457	5.643.258
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	600.676.489.720	526.550.425.763

Lâm Đồng, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025


Lê Đặng Hoàng Phương
Người lập biểu


Lê Xuân Phong
Phó Trưởng phòng Tài chính và Kế toán



Đặng Văn Cường
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (“Công ty”) là một công ty cổ phần, được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước (Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi) theo Quyết định số 327/QĐ-EVN ngày 24 tháng 5 năm 2010 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 7 tháng 10 năm 2011. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp cho công ty cổ phần lần đầu số 5800452036 vào ngày 7 tháng 10 năm 2011 và các lần điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 10 ngày 7 tháng 7 năm 2022.

Theo Quyết định số 427/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) với mã cổ phiếu là DNH.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng và các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại 80A Trần Phú, phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 240 người (Ngày 31 tháng 12 năm 2023: 246 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 1 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 1 công ty con), thông tin chi tiết như sau:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính trong năm</i>
1	Công ty Cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha	70%	70%	Thôn Lâm Hòa, xã Lâm Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam	Sản xuất, kinh doanh điện năng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty cũng có 1 công ty liên kết như được trình bày tại Thuyết minh số 12.2.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 12.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (“báo cáo tài chính hợp nhất”) đề ngày 31 tháng 3 năm 2025.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (VND).

802-C
TỶ
HỮU
YOUN
VAM
iô ch

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho là nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ với giá trị được xác định chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc thiết bị	8 - 15 năm
Phương tiện vận tải	5 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 10 năm
Tài sản cố định khác	3 năm

3.7 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm có ảnh hưởng đáng kể được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn phát sinh trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng hoặc phân bổ tối đa không quá 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.14 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên đối chiếu và xác nhận sản lượng đầu ra hàng tháng giữa bên mua và bên bán, với giá được quy định trong hợp đồng mua bán điện.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	551.815.214	152.044.073
Tiền gửi ngân hàng	8.875.357.576	6.918.450.190
Các khoản tương đương tiền (*)	591.249.316.930	519.479.931.500
TỔNG CỘNG	600.676.489.720	526.550.425.763

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 1 tuần đến 1 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 0,2%/năm đến 2,1%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2023: kỳ hạn từ 1 tuần đến 2 tháng với lãi suất từ 0,2%/năm đến 3,7%/năm). Khoản tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Bảo Lộc với số tiền 70.000.000.000 VND đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn của Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 18.1.

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 2,9%/năm đến 4,9%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 4,7%/năm). Khoản tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Bảo Lộc với số tiền 200.000.000.000 VND đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo được cho khoản vay dài hạn của Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 18.1.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 27)	857.336.249.992	1.167.567.968.808
Phải thu từ các bên khác	2.810.418.937	3.549.320.292
TỔNG CỘNG	860.146.668.929	1.171.117.289.100
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.337.623.033)	(2.020.213.695)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi tiền gửi, cho vay	21.270.113.322	37.916.738.857
Cổ tức được chia	11.929.534.500	5.403.149.555
Phải thu khác	46.290.398	1.281.223.652
TỔNG CỘNG	33.245.938.220	44.601.112.064
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu đối với các bên khác</i>	<i>21.316.403.720</i>	<i>747.305.754</i>
<i>Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	<i>11.929.534.500</i>	<i>43.853.806.310</i>

8. NỢ XẤU

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện Hời Xuân VNECO	1.543.893.615	240.636.582	1.543.893.615	240.636.582
Công ty Cổ phần Đầu tư HDP Tân Lộc	662.843.322	262.843.322	662.843.322	271.421.660
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Damb'ri	465.050.000	-	465.050.000	139.515.000
Công ty TNHH Thủy điện Sông Liên	338.632.000	169.316.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO	-	-	440.943.600	440.943.600
TỔNG CỘNG	3.010.418.937	672.795.904	3.112.730.537	1.092.516.842

9. HÀNG TỒN KHO

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ngắn hạn				
Vật tư và công cụ, dụng cụ	12.933.999.175	-	36.114.668.364	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	498.867.462	-	342.663.290	-
TỔNG CỘNG	13.432.866.637	-	36.457.331.654	-
Dài hạn				
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	71.902.090.787	-	54.998.373.564	-
TỔNG CỘNG	71.902.090.787	-	54.998.373.564	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Đơn vị tính: VND					
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	9.025.131.092.687	5.672.901.932.517	78.148.724.111	57.297.636.956	217.380.507	14.833.696.766.778
- Đầu tư XDCB hoàn thành	1.462.256.776	101.705.785.548	2.549.574.074	187.119.529	-	105.904.735.927
Số cuối năm	9.026.593.349.463	5.774.607.718.065	80.698.298.185	57.484.756.485	217.380.507	14.939.601.502.705
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã khấu hao hết</i>	1.396.933.426.336	2.373.856.749.292	48.530.758.555	50.230.050.464	217.380.507	3.869.768.365.154
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	5.445.476.910.130	4.721.165.866.115	61.089.871.558	51.909.304.281	217.380.507	10.279.859.332.591
- Khấu hao trong năm	196.751.521.498	162.120.725.246	3.761.853.336	1.970.598.451	-	364.604.698.531
Số cuối năm	5.642.228.431.628	4.883.286.591.361	64.851.724.894	53.879.902.732	217.380.507	10.644.464.031.122
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	3.579.654.182.557	951.736.066.402	17.058.852.553	5.388.332.675	-	4.553.837.434.187
Số cuối năm	3.384.364.917.835	891.321.126.704	15.846.573.291	3.604.853.753	-	4.295.137.471.583

Một số tài sản cố định hữu hình đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 18.1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Mua sắm tài sản cố định	8.812.074.273	99.943.996.273
Sửa chữa lớn tài sản cố định	2.818.281.437	250.690.909
Các công trình khác	401.811.373	401.811.373
TỔNG CỘNG	12.032.167.083	100.596.498.555

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 12.1)	112.000.000.000	-	112.000.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 12.2)	100.079.200.000	-	100.079.200.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác (Thuyết minh số 12.3)	37.360.000.000	-	37.360.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 12.4)	70.000.000.000	-	30.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	319.439.200.000	-	279.439.200.000	-

12.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết thông tin về công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 được trình bày tại Thuyết minh số 1. Cổ phiếu của công ty này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán nên Ban Tổng Giám đốc Công ty chưa thể trình bày giá trị hợp lý của khoản đầu tư này.

12.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có một công ty liên kết, như sau:

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình ("Công ty Thuận Bình")	Thôn Lạc Trị, xã Phú Lạc, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh điện năng	20%	20%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.3 Đầu tư vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	24.560.000.000	133.115.200.000	24.560.000.000	149.328.095.100
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	12.800.000.000	63.744.000.000	12.800.000.000	73.984.000.000
TỔNG CỘNG	37.360.000.000	196.859.200.000	37.360.000.000	223.312.095.100

Đơn vị tính: VND
Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được xác định theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch của cổ phiếu của các công ty này tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán trên sàn UPCOM.

12.4 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất 5%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 4,9%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm	150.238.958	384.308.415
TỔNG CỘNG	150.238.958	384.308.415
Dài hạn		
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	15.013.690.560	24.301.326.792
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.495.926.750	5.809.040.801
Chi phí trả trước khác	7.466.067.213	5.695.299.197
TỔNG CỘNG	25.975.684.523	35.805.666.790

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Xây dựng 47	15.792.020.817	15.792.020.817	15.904.458.596	15.904.458.596
Nippon Koei Ltd	10.792.730.043	10.792.730.043	11.472.821.122	11.472.821.122
Công ty TNHH Nippon Koei Việt Nam International	9.847.518.480	9.847.518.480	9.847.518.480	9.847.518.480
Công ty Cổ phần Máy tính Truyền thông Điều khiển 3C	-	-	72.744.633.600	72.744.633.600
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	7.000.752.320	7.000.752.320	5.806.816.078	5.806.816.078
Các đối tượng khác	29.239.640.458	29.239.640.458	30.319.686.258	30.319.686.258
TỔNG CỘNG	72.672.662.118	72.672.662.118	146.095.934.134	146.095.934.134

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đơn vị tính: VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp/cần trừ trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	-	160.658.454.545	(152.287.766.023)	8.370.688.522
Thuế thu nhập doanh nghiệp	83.710.539.605	197.910.479.866	(170.428.539.606)	111.192.479.865
Thuế thu nhập cá nhân	1.003.348.100	17.714.153.456	(15.349.597.256)	3.367.904.300
Thuế tài nguyên	20.153.817.202	270.473.763.512	(267.834.656.457)	22.792.924.257
Thuế khác	27.428.993.244	95.847.367.896	(95.693.519.628)	27.582.841.512
TỔNG CỘNG	132.296.698.151	742.604.219.275	(701.594.078.970)	173.306.838.456

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi vay phải trả	10.648.742.743	11.718.984.836
TỔNG CỘNG	10.648.742.743	11.718.984.836

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	506.880.000.000	844.800.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	1.585.171.333	740.888.494
TỔNG CỘNG	508.465.171.333	845.540.888.494
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>	<i>1.044.229.729</i>	<i>854.724.977</i>
<i>Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	<i>507.420.941.604</i>	<i>844.686.163.517</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY

Đơn vị tính: VND							
	Số đầu năm		Phát sinh trong năm			Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Chênh lệch tỷ giá	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn							
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 18.1)	101.389.844.451	101.389.844.451	100.003.903.069	(99.947.483.835)	(965.941.145)	100.480.322.540	100.480.322.540
TỔNG CỘNG	101.389.844.451	101.389.844.451	100.003.903.069	(99.947.483.835)	(965.941.145)	100.480.322.540	100.480.322.540
Vay dài hạn							
Vay dài hạn (Thuyết minh số 18.1)	1.228.281.764.255	1.228.281.764.255	-	(100.003.903.069)	(25.022.164.970)	1.103.255.696.216	1.103.255.696.216
	1.228.281.764.255	1.228.281.764.255	-	(100.003.903.069)	(25.022.164.970)	1.103.255.696.216	1.103.255.696.216
TỔNG CỘNG	1.329.671.608.706	1.329.671.608.706	100.003.903.069	(199.951.386.904)	(25.988.106.115)	1.203.736.018.756	1.203.736.018.756

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.1 Các khoản vay dài hạn

Chi tiết các khoản vay dài hạn được trình bày như sau:

Đối tượng	Số cuối năm		Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Hình thức đảm bảo
	VND	Nguyên tệ			
Công ty Cổ phần Tài chính Điện lực	722.601.561.428	4.302.736.462 JPY	1,11% - 1,6%	Đáo hạn lần cuối vào ngày 20 tháng 1 năm 2039. Trả gốc và lãi vào 6 tháng/lần.	Tài sản hình thành từ vốn vay và tài sản hiện hữu của Nhà máy Thủy điện Đa Nhim với công suất lắp máy 160MW và Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim với công suất lắp máy 80 MW của Công ty. Khoản vay được bảo lãnh trả nợ vay bởi Tổng Công ty Phát điện 1 - Công ty mẹ của Công ty.
Ngân hàng Phát triển Châu Á	481.134.457.328	18.830.357 USD	Lãi suất tham chiếu được quy định trong hợp đồng cộng biên độ từ 2,5%. Lãi suất áp dụng trong năm là 2,5% - 5,4%	Đáo hạn lần cuối vào ngày 15 tháng 9 năm 2034. Trả gốc và lãi vào 6 tháng/lần.	Các khoản tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam như trình bày ở Thuyết minh số 4 và số 5. Tài sản cố định là các tấm pin mặt trời, máy biến tần và trạm biến áp của Dự án Nhà máy Điện Mặt trời Đa Mi của Công ty.
TỔNG CỘNG	1.203.736.018.756				
Trong đó:					
- Vay dài hạn đến hạn trả	100.480.322.540				
- Vay dài hạn	1.103.255.696.216				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần đã phát hành	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước				
Số đầu năm (phân loại lại)	4.224.000.000.000	518.939.667.271	1.639.619.209.453	6.382.558.876.724
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	1.109.931.425.058	1.109.931.425.058
- Cổ tức công bố	-	-	(2.280.960.000.000)	(2.280.960.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(51.747.906.000)	(51.747.906.000)
- Hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển	-	(19.000.000.000)	19.000.000.000	-
Số cuối năm	4.224.000.000.000	499.939.667.271	435.842.728.511	5.159.782.395.782
Năm nay				
Số đầu năm (phân loại lại)	4.224.000.000.000	499.939.667.271	435.842.728.511	5.159.782.395.782
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	905.914.768.216	905.914.768.216
- Cổ tức công bố (i) & (ii)	-	-	(865.920.000.000)	(865.920.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	(52.686.305.125)	(52.686.305.125)
Số cuối năm	4.224.000.000.000	499.939.667.271	423.151.191.602	5.147.090.858.873

- (i) Theo các Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên, Công ty đã công bố chia cổ tức bằng tiền cho các cổ đông, trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ đầu tư phát triển từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2023.
- (ii) Theo Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị số 177/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 11 năm 2024, Hội đồng Quản trị đã thông qua phương án tạm ứng cổ tức bằng tiền năm 2024 với tỉ lệ 12% mệnh giá cổ phần (1.200 VND/cổ phần).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Vốn cổ phần đã phát hành

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Tổng Công ty	4.221.031.000.000	4.221.031.000.000	-	4.221.031.000.000	4.221.031.000.000	-
Phát điện 1						
Các cổ đông khác	2.969.000.000	2.969.000.000	-	2.969.000.000	2.969.000.000	-
TỔNG CỘNG	4.224.000.000.000	4.224.000.000.000	-	4.224.000.000.000	4.224.000.000.000	-

19.3 Cổ tức

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố trong năm	865.920.000.000	2.280.960.000.000
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông		
Tạm ứng cổ tức bằng tiền cho năm 2024:		
1.200 VND/cổ phiếu	506.880.000.000	-
Cổ tức bằng tiền cho năm 2023: 850 VND/cổ phiếu	359.040.000.000	-
Tạm ứng cổ tức bằng tiền cho năm 2023:		
2.000 VND/cổ phiếu	-	844.800.000.000
Cổ tức bằng tiền cho năm 2022: 3.400 VND/cổ phiếu	-	1.436.160.000.000
Cổ tức đã trả trong năm	1.203.840.000.000	1.436.160.000.000
Cổ tức bằng tiền cho năm 2023: 2.850 VND/cổ phiếu	1.203.840.000.000	-
Cổ tức bằng tiền cho năm 2022: 3.400 VND/cổ phiếu	-	1.436.160.000.000
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12	84.480.000.000	168.960.000.000
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông	84.480.000.000	168.960.000.000

19.4 Cổ phiếu

	Số lượng (cổ phiếu)	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu đăng ký phát hành	422.400.000	422.400.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	422.400.000	422.400.000
Cổ phiếu phổ thông	422.400.000	422.400.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	422.400.000	422.400.000
Cổ phiếu phổ thông	422.400.000	422.400.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: VND 10.000 (ngày 31 tháng 12 năm 2023: VND 10.000).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	19.462.576.559	15.406.734.333
Trích lập thêm trong năm	52.686.305.125	51.747.906.000
Sử dụng trong năm	(49.329.727.321)	(47.692.063.774)
Số cuối năm	<u>22.819.154.363</u>	<u>19.462.576.559</u>

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu phát điện và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	2.008.218.681.839	2.287.628.612.685
Trong đó:		
Doanh thu phát điện	2.004.452.607.641	2.283.967.798.273
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.766.074.198	3.660.814.412
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	<u>2.008.218.681.839</u>	<u>2.287.628.612.685</u>
Trong đó:		
Doanh thu với các bên khác	2.355.264.198	2.918.451.232
Doanh thu với bên liên quan (Thuyết minh số 27)	2.005.863.417.641	2.284.710.161.453

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	54.718.238.080	91.198.442.265
Cổ tức, lợi nhuận được chia	66.680.013.241	52.837.294.985
Lãi chênh lệch tỷ giá	31.056.375.494	27.185.270.718
TỔNG CỘNG	<u>152.454.626.815</u>	<u>171.221.007.968</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. GIÁ VỐN PHÁT ĐIỆN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán điện	950.254.343.046	961.947.109.302
Giá vốn dịch vụ cung cấp	3.231.276.954	3.214.289.043
TỔNG CỘNG	953.485.620.000	965.161.398.345

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	30.097.788.674	38.081.939.501
Chi phí tài chính khác	275.773.241	1.744.123.180
TỔNG CỘNG	30.373.561.915	39.826.062.681

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	41.467.434.241	48.509.491.058
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	2.633.021.137	1.518.154.371
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.240.020.653	8.835.999.653
Chi phí khác	20.935.070.802	26.271.970.193
TỔNG CỘNG	74.275.546.833	85.135.615.275

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nhân công	124.107.646.932	133.422.566.964
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	365.007.332.907	355.347.485.383
Chi phí dịch vụ mua ngoài	53.155.737.458	64.906.736.026
Chi phí khác	485.646.653.708	496.620.225.247
TỔNG CỘNG	1.027.917.371.005	1.050.297.013.620

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% (năm 2023: 20%) cho hoạt động sản xuất kinh doanh, trừ ưu đãi thuế cho hoạt động kinh doanh sản xuất điện năng tại các dự án sau:

- Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim: miễn thuế 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập tính thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng (năm 2019) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo (từ năm 2023). Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty cho dự án này trong năm là 10%.
- Dự án Điện mặt trời Đa Mi: hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong vòng 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động (năm 2019), miễn thuế 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập tính thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng (năm 2019) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo (từ năm 2023). Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của dự án này trong năm là 5%.

26.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	197.910.479.866	258.810.539.605
TỔNG CỘNG	197.910.479.866	258.810.539.605

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm ttrước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.103.825.248.082	1.368.741.964.663
Thuế TNDN áp dụng cho Công ty	220.765.049.616	273.748.392.933
Các khoản điều chỉnh (giảm)/tăng:		
Cổ tức được chia	(13.336.002.648)	(10.567.458.997)
Chi phí không được khấu trừ	303.011.658	91.619.113
Ưu đãi thuế TNDN	(9.821.578.760)	(4.462.013.444)
Chi phí thuế TNDN	197.910.479.866	258.810.539.605

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch trọng yếu với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ cao nhất
Tổng Công ty Phát điện 1	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha	Công ty con
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Thủy điện Đại Ninh	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Thủy điện Đồng Nai	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc được trình bày tại mục Thông tin chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Mua dịch vụ	4.143.032.782	5.436.994.559
Tổng Công ty Phát điện 1	Lãi cho vay	28.539.825.564	71.154.024.775
	Chia cổ tức	865.311.355.000	2.279.356.740.000
	Cổ tức đã trả	1.202.993.835.000	844.206.200.000
	Thu tiền cho vay	799.932.824.894	-
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Doanh thu phát điện	2.004.452.607.641	2.283.967.798.273
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	Cổ tức được chia	7.456.000.000	6.969.600.000
	Cổ tức đã nhận	6.816.000.000	9.969.600.000
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	Cổ tức được chia	18.025.113.241	24.668.794.985
	Cổ tức đã nhận	22.138.728.296	19.265.645.430
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Cổ tức được chia	29.998.900.000	9.998.900.000
	Cổ tức đã nhận	19.998.900.000	9.998.900.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha	Cung cấp dịch vụ	1.410.810.000	509.164.180
	Cổ tức được chia	11.200.000.000	11.200.000.000
	Cổ tức đã nhận	11.200.000.000	11.200.000.000

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản theo thỏa thuận hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
---------------	--------------------	---------	-----------

Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6)

Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bán điện	857.336.249.992	1.167.567.968.808
---	----------	-----------------	-------------------

TỔNG CỘNG		857.336.249.992	1.167.567.968.808
------------------	--	------------------------	--------------------------

Phải thu về cho vay (Chỉ tiêu số 135 và 215)

Tổng Công ty Phát điện 1	Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	200.000.000.000
	Phải thu về cho vay dài hạn	-	599.932.824.894

TỔNG CỘNG		-	799.932.824.894
------------------	--	----------	------------------------

Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)

Tổng Công ty Phát điện 1	Phải thu lãi cho vay và trả hộ	-	38.450.656.755
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Phải thu cổ tức	10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	Phải thu cổ tức	1.289.534.500	5.403.149.555
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	Phải thu cổ tức	640.000.000	-

TỔNG CỘNG		11.929.534.500	43.853.806.310
------------------	--	-----------------------	-----------------------

Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14)

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	Mua dịch vụ	2.561.844.320	1.061.202.907
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	Mua dịch vụ	4.438.908.000	4.745.613.171

TỔNG CỘNG		7.000.752.320	5.806.816.078
------------------	--	----------------------	----------------------

Phải trả khác ngắn hạn (Thuyết minh số 17)

Tổng Công ty Phát điện 1	Phải trả cổ tức và thu hộ chi hộ	506.972.330.802	844.206.200.000
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Phải trả khác	448.610.802	479.963.517

TỔNG CỘNG		507.420.941.604	844.686.163.517
------------------	--	------------------------	------------------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị (“HĐQT”), Ban Kiểm soát (“BKS”) và Ban Tổng Giám đốc:

Đơn vị tính: VND

Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Năm nay	Năm trước
Ông Lê Văn Quang	Chủ tịch HĐQT	984.812.712	1.149.029.000
Ông Đặng Văn Cường	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	947.482.572	1.105.560.000
Ông Đỗ Minh Lộc	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	843.700.632	983.904.500
Ông Nguyễn Đình Chiến	Phó Tổng Giám đốc	843.700.632	983.904.500
Bà Đinh Hải Ninh	Trưởng Ban Kiểm soát	168.910.272	187.647.000
Ông Nguyễn Đăng Dung	Trưởng Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023)	-	79.269.702
Ông Phạm Viết Kỳ	Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách	764.195.640	899.143.000
Ông Đặng Văn Minh	Thành viên Ban Kiểm soát	161.872.344	179.829.000
TỔNG CỘNG		4.714.674.804	5.568.286.702

28. CÁC CAM KẾT VÀ NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết thuê hoạt động

Công ty đã ký kết một số hợp đồng thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, cam kết về các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Dưới 1 năm	3.036.701.051	3.036.701.051
Từ 1 - 5 năm	12.146.804.203	12.146.804.203
Trên 5 năm	59.679.424.372	62.837.020.431
TỔNG CỘNG	74.862.929.626	78.020.525.685

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CÁC CAM KẾT VÀ NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

Nghĩa vụ tiềm tàng khác

Các vấn đề liên quan đến dự án Điện mặt trời Đa Mi

Công ty đang sở hữu Dự án Nhà máy Điện mặt trời Đa Mi ("Dự án") tại xã La Ngâu, huyện Tân Lĩnh, tỉnh Bình Thuận. Dự án đã được công nhận ngày vận hành điện thương mại là ngày 4 tháng 6 năm 2019 và được chấp nhận kết quả nghiệm thu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền vào ngày 26 tháng 11 năm 2019.

Theo Báo cáo số 321/BC-BCT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ Công Thương về triển khai Nghị quyết của Chính phủ về chủ trương, phương hướng tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cho các dự án điện năng lượng tái tạo, Dự án của Công ty đã được đề cập trong danh sách 173 nhà máy được công nhận ngày vận hành thương mại và hưởng giá bán điện theo cơ chế giá khuyến khích đối với các dự án điện mặt trời khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu công trình xây dựng của chủ đầu tư. Theo Báo cáo số 345/BC-BCT ("Báo cáo") ngày 24/12/2024 gửi đến Bộ Công Thương về kế hoạch triển khai Nghị quyết của Chính phủ về tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cho các dự án điện năng lượng tái tạo, Tập đoàn Điện lực Việt Nam đang thực hiện rà soát lại các điều kiện hưởng giá bán điện theo cơ chế giá khuyến khích với các chủ đầu tư dự án nhà máy điện mặt trời. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, Công ty chưa nhận được bất kỳ kết luận chính thức nào của các cấp có thẩm quyền liên quan tới vấn đề nêu trên. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty chưa có cơ sở chắc chắn để đánh giá ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề này đối với báo cáo tài chính riêng.

29. DỮ LIỆU TƯƠNG ƯNG

Một số khoản mục trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Ban Tổng Giám đốc phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm hiện tại. Chi tiết các điều chỉnh như sau:

Đơn vị tính: VND

<i>Mã số</i>	<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Đã được trình bày trước đây</i>	<i>Điều chỉnh</i>	<i>Phân loại lại</i>
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023				
414	Vốn khác của chủ sở hữu	474.908.605.377	(474.908.605.377)	-
418	Quỹ đầu tư phát triển	25.031.061.894	474.908.605.377	499.939.667.271

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết số 212/NQ - HĐQT ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Nghị quyết số 03/NQ – HĐQT ngày 20 tháng 1 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt thời điểm chốt danh sách cổ đông vào ngày 10 tháng 2 năm 2025 để thực hiện tạm ứng cổ tức bằng tiền với số tiền là 84.480.000.000 VND từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2024. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty vẫn đang trong quá trình thực hiện việc tạm ứng cổ tức bằng tiền nêu trên.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Lâm Đồng, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

I ề Đặng Hoàng Phương
Người lập

I ề Xuân Phong
Phó Trưởng phòng Tài
chính và Kế toán



Đặng Văn Cường
Tổng Giám đốc



EY | Building a better working world

EY exists to build a better working world, helping to create long-term value for clients, people and society and build trust in the capital markets.

Enabled by data and technology, diverse EY teams in over 150 countries provide trust through assurance and help clients grow, transform and operate.

Working across assurance, consulting, law, strategy, tax and transactions, EY teams ask better questions to find new answers for the complex issues facing our world today.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2024 EY Consulting Vietnam Joint Stock Company.
All Rights Reserved.

ey.com/en_vn | ey.com/vi_vn

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8 - 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 42

11802
NG TỶ
IỆM HỮU
& YOI
T NAM
HỒ C

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ("Công ty") là một công ty cổ phần, được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước (Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi) theo Quyết định số 327/QĐ-EVN ngày 24 tháng 5 năm 2010 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 7 tháng 10 năm 2011. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp cho công ty cổ phần lần đầu số 5800452036 vào ngày 7 tháng 10 năm 2011 và các lần điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 10 ngày 7 tháng 7 năm 2022.

Theo Quyết định số 427/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) với mã cổ phiếu là DNH.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng và các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tại 80A Trần Phú, phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Quang	Chủ tịch
Ông Đặng Văn Cường	Thành viên
Ông Đỗ Minh Lộc	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đinh Hải Ninh	Trưởng Ban
Ông Đặng Văn Minh	Thành viên
Ông Phạm Viết Kỳ	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Văn Cường	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Minh Lộc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Chiến	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đặng Văn Cường, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.




Đặng Văn Cường
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 13682981/68434638-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ("Công ty") và công ty con, được lập ngày 31 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 6 đến trang 42, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 29, Công ty có một dự án điện mặt trời đang được Tập đoàn Điện lực Việt Nam rà soát lại các điều kiện hưởng giá bán điện theo cơ chế giá khuyến khích. Theo đó giá bán điện mà Công ty đang được áp dụng tại dự án này có thể bị ảnh hưởng. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chưa nhận được bất kỳ kết luận chính thức nào của các cấp có thẩm quyền liên quan tới vấn đề nêu trên.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 29 tháng 3 năm 2024.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Mạnh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2401-2023-004-1

Nguyễn Quý Mạnh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4482-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.457.645.874.852	2.077.658.879.921
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	604.583.867.007	536.186.291.363
111	1. Tiền		9.934.550.077	7.336.359.863
112	2. Các khoản tương đương tiền		594.649.316.930	528.849.931.500
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		930.200.000.000	70.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	930.200.000.000	70.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		908.079.273.402	1.428.124.971.078
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	871.600.090.421	1.180.980.900.187
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		5.569.016.294	4.562.967.122
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	27	-	200.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	33.247.789.720	44.601.317.464
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(2.337.623.033)	(2.020.213.695)
140	IV. Hàng tồn kho	9	14.410.440.031	37.491.425.648
141	1. Hàng tồn kho		14.410.440.031	37.491.425.648
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		372.294.412	5.856.191.832
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		372.294.412	606.363.869
153	2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		-	5.249.827.963

1802-
IG TY
IEM HUU
& YOI
T NAM
P HOC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		5.020.114.791.568	5.941.470.949.131
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	599.932.824.894
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	27	-	599.932.824.894
220	II. Tài sản cố định		4.653.179.202.713	4.933.484.262.836
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	4.652.918.029.551	4.932.820.455.298
222	Nguyên giá		15.488.065.013.130	15.381.420.021.833
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(10.835.146.983.579)	(10.448.599.566.535)
227	2. Tài sản cố định vô hình		261.173.162	663.807.538
228	Nguyên giá		2.335.628.057	2.335.628.057
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.074.454.895)	(1.671.820.519)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		12.032.167.083	100.596.498.555
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	12.032.167.083	100.596.498.555
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	12	250.975.979.980	211.131.850.077
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		143.615.979.980	143.771.850.077
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		37.360.000.000	37.360.000.000
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		70.000.000.000	30.000.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		103.927.441.792	96.325.512.769
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	30.060.428.550	39.369.645.676
263	2. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	9	73.867.013.242	56.955.867.093
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		7.477.760.666.420	8.019.129.829.052

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Phân loại lại)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.212.493.304.552	2.735.990.711.823
310	I. Nợ ngắn hạn		935.126.828.876	1.328.584.847.404
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	72.932.339.765	146.095.934.134
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		574.703.982	240.636.582
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	176.851.612.970	135.586.722.201
314	4. Phải trả người lao động		26.256.092.216	37.294.280.150
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	11.223.292.743	13.281.341.092
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	508.665.171.333	845.540.888.494
320	7. Vay ngắn hạn	18	115.493.643.244	130.389.844.451
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	23.129.972.623	20.155.200.300
330	II. Nợ dài hạn		1.277.366.475.676	1.407.405.864.419
338	1. Vay dài hạn	18	1.277.366.475.676	1.407.405.864.419
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		5.265.267.361.868	5.283.139.117.229
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	5.265.267.361.868	5.283.139.117.229
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		4.224.000.000.000	4.224.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		4.224.000.000.000	4.224.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		501.180.626.722	500.620.626.722
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		483.560.619.194	500.485.070.048
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		87.681.439.639	51.400.268.411
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		395.879.179.555	449.084.801.637
429	4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		56.526.115.952	58.033.420.459
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		7.477.760.666.420	8.019.129.829.052

Lâm Đồng, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Lê Đặng Hoàng Phương
Người lập biểu

Lê Xuân Phong
Phó trưởng phòng Tài chính
và Kế toán

Đặng Văn Cường
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	2.080.599.352.666	2.372.957.441.096
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	2.080.599.352.666	2.372.957.441.096
11	4. Giá vốn hàng bán dịch vụ cung cấp	22	(993.655.561.349)	(1.004.463.840.352)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.086.943.791.317	1.368.493.600.744
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	111.263.671.117	150.027.528.927
22	7. Chi phí tài chính	23	(46.099.610.183)	(60.473.976.086)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(45.823.836.942)	(58.729.852.906)
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết	12	29.843.029.903	20.383.134.950
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(78.383.273.196)	(89.156.961.632)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.103.567.608.958	1.389.273.326.903
31	11. Thu nhập khác		1.625.182.877	75.303.511
32	12. Chi phí khác		(338.514.701)	(72.831.006)
40	13. Lợi nhuận khác		1.286.668.176	2.472.505
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.104.854.277.134	1.389.275.799.408
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(198.580.691.249)	(260.077.513.434)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		906.273.585.885	1.129.198.285.974
61	16. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		902.759.179.555	1.123.173.498.184
62	17. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		3.514.406.330	6.024.787.790
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	2.137	2.533
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu			

Lâm Đồng, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

[Handwritten signature]

Lê Đặng Hoàng Phương
Người lập biểu

[Handwritten signature]

Lê Xuân Phong
Phó Trưởng phòng Tài chính
và Kế toán

[Handwritten signature]
Đặng Văn Cường
Tổng Giám đốc



[Vertical handwritten text on the right margin]

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		1.104.854.277.134	1.389.275.799.408
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		386.950.051.420	377.150.438.511
03	Các khoản dự phòng		317.409.338	93.295.585
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(25.993.614.572)	(24.661.703.217)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(110.050.325.526)	(133.226.493.159)
06	Chi phí lãi vay	24	45.823.836.942	58.729.852.906
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.401.901.634.736	1.667.361.190.034
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		344.858.627.212	(661.224.774.417)
10	Giảm hàng tồn kho		6.169.839.468	2.604.095.302
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		7.386.522.601	(68.951.483.588)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		9.543.286.583	(10.960.659.551)
14	Tiền lãi vay đã trả		(48.456.435.291)	(59.333.213.769)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(171.051.772.541)	(242.444.687.961)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(50.450.568.922)	(48.819.069.037)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.499.901.133.846	578.231.397.013
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ)		(94.180.092.431)	(26.891.035.150)
23	Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của các đơn vị khác		(970.200.000.000)	(100.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		869.932.824.894	402.980.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi, lãi cho vay và cổ tức lợi nhuận được chia		90.325.684.713	135.509.044.545
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(104.121.582.824)	411.598.009.395

TRÁI ER


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024


Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm nay
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
34	Tiền trả nợ gốc vay		(118.947.483.835)	(221.295.679.292)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông		(1.208.440.000.000)	(1.440.960.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(1.327.387.483.835)	(1.662.255.679.292)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		68.392.067.187	(672.426.272.884)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		536.186.291.363	1.208.606.920.989
61	Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		5.508.457	5.643.258
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	604.583.867.007	536.186.291.363

Lâm Đồng, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025


Lê Đặng Hoàng Phương
Người lập biểu


Lê Xuân Phong
Phó Trưởng phòng Tài chính và Kế toán


Đặng Văn Cường
Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ("Công ty") là một công ty cổ phần, được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước (Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi) theo Quyết định số 327/QĐ-EVN ngày 24 tháng 5 năm 2010 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 7 tháng 10 năm 2011. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp cho công ty cổ phần lần đầu số 5800452036 vào ngày 7 tháng 10 năm 2011 và các lần điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 10 ngày 7 tháng 7 năm 2022.

Theo Quyết định số 427/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) với mã cổ phiếu là DNH.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng và các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại 80A Trần Phú, phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Số lượng nhân viên của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 240 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 246 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 1 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 1 công ty con), trong đó:

<i>STT</i>	<i>Công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Quyền biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Hoạt động chính</i>
1	Công ty Cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha	70%	70%	Thôn Lâm Hòa, xã Lâm Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam	Sản xuất, kinh doanh điện năng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 1 công ty liên kết như được trình bày tại Thuyết minh 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty và công ty con là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và công ty con áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty và công ty con là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Công ty và công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.6 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu của công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho là nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ với giá trị được xác định là chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty và công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc thiết bị	8 - 15 năm
Phương tiện vận tải	5 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 10 năm
Tài sản cố định khác	3 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và công ty con. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Ngoài ra, khi có sự thay đổi được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của công ty liên kết, Công ty sẽ ghi nhận phần chia sẻ của mình tương ứng với các thay đổi đó trong vốn chủ sở hữu. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con, sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị cho các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn phát sinh trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất hoặc phân bổ tối đa không quá 3 năm.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.15 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và công ty con trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty và công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên đối chiếu và xác nhận sản lượng đầu ra hàng tháng giữa bên mua và bên bán, với giá được quy định trong hợp đồng mua bán điện.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty và công ty con được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty và công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty và công ty con có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty và công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty và công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.20 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty và công ty con là sản xuất và kinh doanh điện năng. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và công ty con chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty và công ty con không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty và công ty con sản xuất ra hoặc do Công ty và công ty con hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty và công ty con chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty và công ty con không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và công ty con cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	755.375.069	238.629.332
Tiền gửi ngân hàng	9.179.175.008	7.097.730.531
Các khoản tương đương tiền (*)	594.649.316.930	528.849.931.500
TỔNG CỘNG	604.583.867.007	536.186.291.363

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 1 tuần đến 1 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 0,2%/năm đến 2,1%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2023: kỳ hạn từ 1 tuần đến 2 tháng với lãi suất từ 0,2%/năm – 3,7%/năm). Khoản tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bảo Lộc với số tiền 70.000.000.000 đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn của Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 18.1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 2,9%/năm đến 4,9%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 4,7%/năm). Khoản tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bảo Lộc với số tiền 200.000.000.000 VND đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn của Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 18.1.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 27)	868.789.206.454	1.177.431.579.895
Phải thu từ khách hàng khác	2.810.883.967	3.549.320.292
TỔNG CỘNG	871.600.090.421	1.180.980.900.187
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.337.623.033)	(2.020.213.695)

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi tiền gửi, cho vay	21.271.964.822	37.916.738.857
Cổ tức được chia	11.929.534.500	5.403.149.555
Khác	46.290.398	1.281.429.052
TỔNG CỘNG	33.247.789.720	44.601.317.464
Trong đó:		
Phải thu khách hàng khác	21.318.255.220	1.977.734.806
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 27)	11.929.534.500	42.623.582.658

8. NỢ XẤU

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện Hời Xuân VNECO	1.543.893.615	240.636.582	1.543.893.615	240.636.582
Công ty Cổ phần Đầu tư HDP Tân Lộc	662.843.322	262.843.322	862.843.322	471.421.660
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Damb'ri	465.050.000	-	465.050.000	139.515.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Liên	338.632.000	169.316.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO	-	-	440.943.600	440.943.600
TỔNG CỘNG	3.010.418.937	672.795.904	3.312.730.537	1.292.516.842

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ngắn hạn				
Công cụ, dụng cụ	13.911.572.569	-	37.148.762.358	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	498.867.462	-	342.663.290	-
TỔNG CỘNG	14.410.440.031	-	37.491.425.648	-
Dài hạn				
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	73.867.013.242	-	56.955.867.093	-
TỔNG CỘNG	73.867.013.242	-	56.955.867.093	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Đơn vị tính: VND					
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	9.318.754.232.537	5.925.316.334.686	79.348.569.020	57.783.505.083	217.380.507	15.381.420.021.833
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.462.256.776	102.313.205.918	2.549.574.074	319.954.529	-	106.644.991.297
Số cuối năm	9.320.216.489.313	6.027.629.540.604	81.898.143.094	58.103.459.612	217.380.507	15.488.065.013.130
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	1.396.933.426.336	2.373.856.749.292	48.530.758.555	50.230.050.464	217.380.507	3.869.768.365.154
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	5.517.832.200.871	4.816.582.669.083	61.945.070.199	52.022.245.875	217.380.507	10.448.599.566.535
- Khấu hao trong năm	205.575.468.814	174.989.184.311	3.825.986.976	2.156.776.943	-	386.547.417.044
Số cuối năm	5.723.407.669.685	4.991.571.853.394	65.771.057.175	54.179.022.818	217.380.507	10.835.146.983.579
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	3.800.922.031.666	1.108.733.665.603	17.403.498.821	5.761.259.208	-	4.932.820.455.298
Số cuối năm	3.596.808.819.628	1.036.057.687.210	16.127.085.919	3.924.436.794	-	4.652.918.029.551

Một số tài sản cố định hữu hình đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Công ty và công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 18.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Mua sắm tài sản cố định	8.812.074.273	99.943.996.273
Sửa chữa lớn tài sản cố định	2.818.281.437	250.390.909
Các công trình khác	401.811.373	402.111.373
TỔNG CỘNG	12.032.167.083	100.596.498.555

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 12.1)	143.615.979.980	-	143.771.850.077	-
Đầu tư vào đơn vị khác (Thuyết minh số 12.2)	37.360.000.000	-	37.360.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 12.3)	70.000.000.000	-	30.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	250.975.979.980	-	211.131.850.077	-

12.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có một công ty liên kết, như sau:

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Thôn Lạc Trị, xã Phú Lạc, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh điện năng	20%	20%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết này trong năm hiện tại như sau:

Đơn vị tính: VND

Công ty Cổ phần Phong điện
Thuận Bình

Giá trị đầu tư:	
Số đầu năm	100.079.200.000
Số cuối năm	100.079.200.000
Phần lũy kế lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết:	
Số đầu năm	43.692.650.077
- Phần lợi nhuận từ công ty liên kết	29.843.029.903
- Cổ tức được chia trong năm	(29.998.900.000)
Số cuối năm	43.536.779.980
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	143.771.850.077
Số cuối năm	143.615.979.980

Vào ngày 25 tháng 12 năm 2023, Thanh tra Chính phủ đã ban hành Thông báo kết luận thanh tra về việc chấp hành chính sách, pháp luật trong quản lý, thực hiện quy hoạch và đầu tư xây dựng các công trình điện theo Quy hoạch điện VII và Quy hoạch điện VII điều chỉnh ("Thông báo"), trong đó có nêu một số vi phạm của dự án Nhà máy Điện Gió Phú Lạc – Giai đoạn 2 ("Dự án") của Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình ("Công ty Thuận Bình"). Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty Thuận Bình vẫn chưa nhận được văn bản chính thức nào từ các cơ quan có thẩm quyền liên quan tới vấn đề nêu trên. Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty là không trọng yếu và sẽ tiếp tục cập nhật với các bên hữu quan khi có hướng dẫn từ các cơ quan chức năng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đơn vị tính: VND

	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	24.560.000.000	133.115.200.000	3,27	3,27	24.560.000.000	149.328.095.100	3,27	3,27
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	12.800.000.000	63.744.000.000	1,03	1,03	12.800.000.000	73.984.000.000	1,03	1,03
TỔNG CỘNG	37.360.000.000	196.859.200.000			37.360.000.000	223.312.095.100		

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được xác định theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch của cổ phiếu của các công ty này tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán trên sàn UPCOM.

12.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất 5%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 4,9%/năm).

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm	372.294.412	606.363.869
TỔNG CỘNG	372.294.412	606.363.869
Dài hạn		
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	18.966.113.400	30.162.646.165
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.628.247.937	6.042.849.829
Khác	7.466.067.213	3.164.149.682
TỔNG CỘNG	30.060.428.550	39.369.645.676

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả nhà cung cấp	65.931.587.445	65.931.587.445	140.289.118.056	140.289.118.056
- Công ty Cổ phần Xây dựng 47	15.792.020.817	15.792.020.817	15.904.458.596	15.904.458.596
- Nippon Koei Ltd	10.792.730.043	10.792.730.043	11.472.821.122	11.472.821.122
- Công ty TNHH Nippon Koei Việt Nam International	9.847.518.480	9.847.518.480	9.847.518.480	9.847.518.480
- Khác	29.499.318.105	29.499.318.105	103.064.319.858	103.064.319.858
Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 27)	7.000.752.320	7.000.752.320	5.806.816.078	5.806.816.078
TỔNG CỘNG	72.932.339.765	72.932.339.765	146.095.934.134	146.095.934.134

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đơn vị tính: VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	924.278.523	166.561.773.012	(158.099.490.189)	9.386.561.346
Thuế thu nhập doanh nghiệp	84.076.685.896	198.580.691.249	(171.051.772.541)	111.605.604.604
Thuế thu nhập cá nhân	1.009.235.975	18.129.813.097	(15.755.599.406)	3.383.449.666
Thuế tài nguyên	21.459.066.723	276.658.421.329	(273.934.189.390)	24.183.298.662
Phí dịch vụ môi trường rừng	28.117.455.084	98.924.663.604	(98.749.419.996)	28.292.698.692
TỔNG CỘNG	135.586.722.201	758.855.362.291	(717.590.471.522)	176.851.612.970

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi vay phải trả	10.648.742.743	13.281.341.092
Khác	574.550.000	-
TỔNG CỘNG	11.223.292.743	13.281.341.092

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	507.080.000.000	844.800.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	1.585.171.333	740.888.494
TỔNG CỘNG	508.665.171.333	845.540.888.494
Trong đó:		
Phải trả ngắn hạn khác	1.244.229.729	852.284.977
Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 27)	507.420.941.604	844.688.603.517

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY

Đơn vị tính: VND							
	Số cuối năm		Phát sinh trong năm			Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Chênh lệch tỷ giá	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn							
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 18.1)	130.389.844.451	130.389.844.451	105.017.223.773	(118.947.483.835)	(965.941.145)	115.493.643.244	115.493.643.244
TỔNG CỘNG	130.389.844.451	130.389.844.451	105.017.223.773	(118.947.483.835)	(965.941.145)	115.493.643.244	115.493.643.244
Vay dài hạn							
Vay dài hạn (Thuyết minh số 18.1)	1.407.405.864.419	1.407.405.864.419	-	(105.017.223.773)	(25.022.164.970)	1.277.366.475.676	1.277.366.475.676
	1.407.405.864.419	1.407.405.864.419	-	(105.017.223.773)	(25.022.164.970)	1.277.366.475.676	1.277.366.475.676
TỔNG CỘNG	1.537.795.708.870	1.537.795.708.870	105.017.223.773	(223.964.707.608)	(25.988.106.115)	1.392.860.118.920	1.392.860.118.920

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.1 Các khoản vay dài hạn

Đối tượng	Số cuối năm		Lãi suất/năm	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Hình thức đảm bảo
	VND	Nguyên tệ			
Công ty Cổ phần Tài chính Điện lực	722.601.561.428	4.302.736.462 JPY	1,11% - 1,6%	Đáo hạn vào ngày 20 tháng 1 năm 2039. Trả gốc từng phần và lãi 6 tháng/lần.	Tài sản hình thành từ vốn vay và tài sản hiện hữu của Nhà máy Thủy điện Đa Nhim với công suất lắp máy 160MW và Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim với công suất lắp máy 80 MW của Công ty. Khoản vay được bảo lãnh trả nợ vay bởi Tổng Công ty Phát điện 1 - Công ty mẹ của Công ty.
Ngân hàng Phát triển Châu Á	481.134.457.328	18.830.357 USD	Lãi suất tham chiếu được quy định trong hợp đồng cộng biên độ từ 2,5%. Lãi suất áp dụng trong năm là 2,5% - 5,4%	Đáo hạn vào ngày 15 tháng 9 năm 2034. Trả gốc từng phần và lãi 6 tháng/lần.	Các khoản tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt nam như trình bày ở Thuyết minh số 4 và số 5. Tài sản cố định là các tấm pin mặt trời, máy biến tần và trạm biến áp của dự án Nhà máy điện mặt trời Đa Mi.
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ("Ngân hàng NN&PTNT")	189.124.100.164	189.124.100.164 VND	Lãi suất được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng cộng biên độ 2,5%/năm. Lãi suất áp dụng trong năm là 6,7%.	Đáo hạn vào ngày 23 tháng 4 năm 2034. Trả gốc từng phần và lãi 6 tháng/lần.	Tài sản hình thành từ vốn vay của Nhà máy Thủy điện Hạ Sông Pha 1 và 2.
TỔNG CỘNG	1.392.860.118.920				
Trong đó:					
- Vay dài hạn đến hạn trả	115.493.643.244				
- Vay dài hạn	1.277.366.475.676				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Năm trước					
Số đầu năm (phân loại lại)	4.224.000.000.000	519.620.626.722	1.692.019.990.664	57.237.423.869	6.492.878.041.255
- Lợi nhuận trong năm	-	-	1.123.173.498.184	6.024.787.790	1.129.198.285.974
- Cổ tức đã công bố	-	-	(2.280.960.000.000)	(4.800.000.000)	(2.285.760.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(52.748.418.800)	(428.791.200)	(53.177.210.000)
- Hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển	-	(19.000.000.000)	19.000.000.000	-	-
Số cuối năm	4.224.000.000.000	500.620.626.722	500.485.070.048	58.033.420.459	5.283.139.117.229
Năm nay					
Số đầu năm (phân loại lại)	4.224.000.000.000	500.620.626.722	500.485.070.048	58.033.420.459	5.283.139.117.229
- Lợi nhuận trong năm	-	-	902.759.179.555	3.514.406.330	906.273.585.885
- Cổ tức đã công bố (i) & (ii)	-	-	(865.920.000.000)	(4.800.000.000)	(870.720.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	(53.203.630.409)	(221.710.837)	(53.425.341.246)
- Trích quỹ đầu tư phát triển (i)	-	560.000.000	(560.000.000)	-	-
Số cuối năm	4.224.000.000.000	501.180.626.722	483.560.619.194	56.526.115.952	5.265.267.361.868

- (i) Theo các Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, Công ty và công ty con đã thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền và trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2023.
- (ii) Theo Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị số 177/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 11 năm 2024, Hội đồng Quản trị đã thông qua phương án tạm ứng cổ tức bằng tiền năm 2024 với tỉ lệ 12% mệnh giá cổ phần (1.200 VND/cổ phần).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Tổng Công ty phát điện	4.221.031.000.000	4.221.031.000.000	-	4.221.031.000.000	4.221.031.000.000	-
1 Các cổ đông khác	2.969.000.000	2.969.000.000	-	2.969.000.000	2.969.000.000	-
TỔNG CỘNG	4.224.000.000.000	4.224.000.000.000	-	4.224.000.000.000	4.224.000.000.000	-

19.3 Cổ tức

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố trong năm	865.920.000.000	2.280.960.000.000
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông		
Tạm ứng cổ tức bằng tiền cho năm 2024:		
1.200 VND/cổ phiếu	506.880.000.000	-
Cổ tức bằng tiền cho năm 2023: 850 VND/cổ phiếu	359.040.000.000	-
Tạm ứng cổ tức bằng tiền cho năm 2023:		
2.000 VND/cổ phiếu	-	844.800.000.000
Cổ tức bằng tiền cho năm 2022: 3.400 VND/cổ phiếu	-	1.436.160.000.000
Cổ tức đã trả trong năm	1.203.840.000.000	1.436.160.000.000
Cổ tức bằng tiền cho năm 2023: 2.850 VND/cổ phiếu	1.203.840.000.000	-
Cổ tức bằng tiền cho năm 2022: 3.400 VND/cổ phiếu	-	1.436.160.000.000
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12	84.480.000.000	168.960.000.000
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông	84.480.000.000	168.960.000.000

19.4 Cổ phiếu

Số lượng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đăng ký phát hành	422.400.000	422.400.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	422.400.000	422.400.000
Cổ phiếu phổ thông	422.400.000	422.400.000
Cổ phiếu đang lưu hành	422.400.000	422.400.000
Cổ phiếu phổ thông	422.400.000	422.400.000

Mệnh giá cổ phiếu lưu hành trong năm là 10.000 VND/cổ phiếu (năm 2023: 10.000 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	20.155.200.300	15.797.059.337
Trích lập thêm trong năm	53.425.341.245	53.177.210.000
Sử dụng trong năm	(50.450.568.922)	(48.819.069.037)
Số cuối năm	23.129.972.623	20.155.200.300

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu phát điện và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	2.080.599.352.666	2.372.957.441.096
Trong đó:		
Doanh thu phát điện	2.078.244.088.468	2.369.805.790.864
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.355.264.198	3.151.650.232
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	2.080.599.352.666	2.372.957.441.096
Trong đó:		
Doanh thu với bên khác	2.355.264.198	3.151.650.232
Doanh thu với bên liên quan (Thuyết minh số 27)	2.078.244.088.468	2.369.805.790.864

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	54.726.182.382	91.203.863.224
Cổ tức, lợi nhuận được chia	25.481.113.241	31.638.551.838
Lãi chênh lệch tỷ giá	31.056.375.494	27.185.113.865
TỔNG CỘNG	111.263.671.117	150.027.528.927

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán điện	991.835.094.395	1.001.758.715.489
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	1.820.466.954	2.705.124.863
TỔNG CỘNG	993.655.561.349	1.004.463.840.352

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	45.823.836.942	58.729.852.906
Khác	275.773.241	1.744.123.180
TỔNG CỘNG	46.099.610.183	60.473.976.086

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	43.102.944.058	50.094.685.058
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	2.666.611.069	1.551.744.303
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.800.029.838	9.454.792.308
Chi phí khác	22.813.688.231	28.055.739.963
TỔNG CỘNG	78.383.273.196	89.156.961.632

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	128.776.227.752	137.169.394.964
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	386.950.051.420	377.150.438.511
Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.992.703.374	65.774.786.170
Chi phí khác bằng tiền	501.476.056.171	513.400.702.144
TỔNG CỘNG	1.072.195.038.717	1.093.495.321.789

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty và công ty con là 20% (năm 2023: 20%) cho hoạt động sản xuất kinh doanh, trừ ưu đãi thuế cho hoạt động kinh doanh sản xuất điện năng tại các dự án sau:

- Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim: miễn thuế 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập tính thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng (năm 2019) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo (từ năm 2023). Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của dự án này trong năm là 10%.
- Dự án Điện mặt trời Đa Mi: hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong vòng 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động, miễn thuế 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập tính thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng (năm 2019) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo (từ năm 2023). Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của dự án này trong năm là 5%.
- Dự án Thủy điện Hạ Sông Pha giai đoạn 1: hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong vòng 15 năm kể từ năm đầu tiên phát sinh doanh thu (năm 2015), miễn thuế 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập tính thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng (năm 2015) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo (từ năm 2019). Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của dự án này trong năm là 5%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

- Dự án Thủy điện Hạ Sông Pha giai đoạn 2: hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong vòng 15 năm kể từ năm đầu tiên phát sinh doanh thu (năm 2019), miễn thuế 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập tính thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng (năm 2019) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo (từ năm 2023). Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của dự án này trong năm là 5%.

26.1 Chi phí thuế TNDN

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	198.580.691.249	260.077.513.434
	198.580.691.249	260.077.513.434

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.104.854.277.134	1.389.275.799.408
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	220.970.855.427	277.855.159.882
<i>Các khoản điều chỉnh (giảm)/tăng:</i>		
Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp	(11.831.224.703)	(7.933.331.313)
Cổ tức được nhận trong năm	(5.096.222.648)	(6.327.678.997)
Chi phí không được khấu trừ	505.889.154	483.527.573
Thuế TNDN nộp bổ sung của các năm trước	-	109.363.279
Lãi được chia từ công ty liên kết	(5.968.605.980)	(4.109.526.990)
Chi phí thuế TNDN	198.580.691.250	260.077.513.434

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch trọng yếu với Công ty và công ty con trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau :

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ cao nhất
Tổng Công ty Phát điện 1	Công ty mẹ
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Thủy điện Đại Ninh	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Thủy điện Đồng Nai	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc được trình bày tại mục Thông tin chung.

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Đơn vị tính: VND</i>			
<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Mua dịch vụ	4.143.032.782	5.436.994.559
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Doanh thu về phát điện	73.791.480.827	85.837.992.591
Tổng Công ty Phát điện 1	Chi trả cổ tức	1.202.993.835.000	844.206.200.000
	Chia cổ tức	865.311.355.000	2.279.356.740.000
	Thu tiền cho vay	799.932.824.894	-
	Lãi cho vay	28.539.825.564	71.154.024.775
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Doanh thu về phát điện	2.004.452.607.641	2.283.967.798.273
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	Cổ tức được chia	18.025.113.241	24.668.794.985
	Nhận cổ tức	22.138.728.296	19.265.645.430
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	Cổ tức được chia	6.816.000.000	6.969.600.000
	Cổ tức đã nhận	6.816.000.000	6.969.600.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty và công ty con chưa thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty và công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			Đơn vị tính: VND
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6)			
Công ty Mua bán điện - Bán điện		857.336.249.992	1.167.567.968.808
Tập đoàn Điện lực Việt Nam			
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Bán điện	11.452.956.462	9.863.611.087
TOTAL		868.789.206.454	1.177.431.579.895
Phải thu về cho vay (Chỉ tiêu số 135 và 215)			
Tổng Công ty Phát điện 1	Phải thu cho vay ngắn hạn	-	200.000.000.000
	Phải thu cho vay dài hạn	-	599.932.824.894
TỔNG CỘNG		-	799.932.824.894
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)			
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Cổ tức được chia	10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	Cổ tức được chia	1.289.534.500	5.403.149.555
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	Cổ tức được chia	640.000.000	-
Tổng Công ty Phát điện 1	Phải thu lãi cho vay	-	37.220.433.103
TỔNG CỘNG		11.929.534.500	42.623.582.658

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14)			
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	Phải trả phí tư vấn, khảo sát	4.438.908.000	4.745.613.171
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	Phải trả phí tư vấn, khảo sát	2.561.844.320	1.061.202.907
TỔNG CỘNG		7.000.752.320	5.806.816.078
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 17)			
Tổng Công ty Phát điện 1	Phải trả cổ tức và thu hộ chi hộ	506.972.330.802	844.208.640.000
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Mua dịch vụ	448.610.802	479.963.517
TỔNG CỘNG		507.420.941.604	844.688.603.517

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát:

		Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
Ông Lê Văn Quang	Chủ tịch HĐQT	984.812.712	1.149.029.000
Ông Đặng Văn Cường	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	947.482.572	1.105.560.000
Ông Đỗ Minh Lộc	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	843.700.632	983.904.500
Ông Nguyễn Đình Chiến	Phó Tổng Giám đốc	843.700.632	983.904.500
Bà Đinh Hải Ninh	Trưởng ban kiểm soát	168.910.272	187.647.000
Ông Nguyễn Đăng Dung	Trưởng ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023)	-	79.269.702
Ông Phạm Viết Kỳ	Thành viên ban kiểm soát chuyên trách	764.195.640	899.143.000
Ông Đặng Văn Minh	Thành viên ban kiểm soát	161.872.344	179.829.000
TỔNG CỘNG		4.714.674.804	5.568.286.702

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	902.759.179.555	1.123.173.498.184
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(53.203.630.409)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	902.759.179.555	1.069.969.867.775
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	422.400.000	422.400.000
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	422.400.000	422.400.000
Lãi trên cổ phiếu		
- Lãi cơ bản	2.137	2.533
- Lãi suy giảm	2.137	2.533

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 617/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Công ty.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 chưa được điều chỉnh phân trích quỹ khen thưởng, phúc lợi do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm nay.

29. CÁC CAM KẾT VÀ NỢ TIỀM TÀNG

Các cam thuê hoạt động

Công ty và công ty con đã ký kết một số hợp đồng thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	3.182.557.761	3.182.557.760
Từ 1 - 5 năm	12.730.231.043	12.730.231.043
Trên 5 năm	64.213.137.108	67.516.589.877
TỔNG CỘNG	80.125.925.912	83.429.378.680

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CÁC CAM KẾT VÀ NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

Nghĩa vụ tiềm tàng khác

Công ty đang sở hữu Dự án Nhà máy Điện mặt trời Đa Mi ("Dự án") tại xã La Ngâu, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Dự án đã được công nhận ngày vận hành điện thương mại là ngày 4 tháng 6 năm 2019 và được chấp nhận kết quả nghiệm thu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền vào ngày 26 tháng 11 năm 2019.

Theo Báo cáo số 321/BC-BCT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ Công Thương về triển khai Nghị quyết của Chính phủ về chủ trương, phương hướng tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cho các dự án điện năng lượng tái tạo, Dự án của Công ty đã được đề cập trong danh sách 173 nhà máy được công nhận ngày vận hành thương mại và hưởng giá bán điện theo cơ chế giá khuyến khích đối với các dự án điện mặt trời khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu công trình xây dựng của chủ đầu tư. Theo Báo cáo số 345/BC-BCT ("Báo cáo") ngày 24/12/2024 gửi đến Bộ Công Thương về kế hoạch triển khai Nghị quyết của Chính phủ về tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cho các dự án điện năng lượng tái tạo, Tập đoàn Điện lực Việt Nam đang thực hiện rà soát lại các điều kiện hưởng giá bán điện theo cơ chế giá khuyến khích với các chủ đầu tư dự án nhà máy điện mặt trời. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chưa nhận được bất kỳ kết luận chính thức nào của các cấp có thẩm quyền liên quan tới vấn đề nêu trên. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty chưa có cơ sở chắc chắn để đánh giá ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề này đối với báo cáo tài chính hợp nhất.

30. DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số khoản mục trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Ban Tổng Giám đốc phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm hiện tại. Chi tiết các điều chỉnh như sau:

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Đã được trình bày trước đây	Điều chỉnh	Phân loại lại
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023				
414	Vốn khác của chủ sở hữu	475.444.837.801	(475.444.837.801)	-
418	Quỹ đầu tư phát triển	25.175.788.921	475.444.837.801	500.620.626.722

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày


31. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết số 212/NQ - HĐQT ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Nghị quyết số 03/NQ – HĐQT ngày 20 tháng 1 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt thời điểm chốt danh sách cổ đông vào ngày 10 tháng 2 năm 2025 để thực hiện tạm ứng cổ tức bằng tiền với số tiền là 84.480.000.000 VND từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2024. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty vẫn đang trong quá trình thực hiện việc tạm ứng cổ tức bằng tiền nêu trên.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con.

Lâm Đồng, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025



Lê Đặng Hoàng Phương
Người lập biểu



Lê Xuân Phong
Phó Trưởng phòng Tài
chính và Kế toán



Đặng Văn Cường
Tổng Giám đốc



EY | Building a better working world

EY exists to build a better working world, helping to create long-term value for clients, people and society and build trust in the capital markets.

Enabled by data and technology, diverse EY teams in over 150 countries provide trust through assurance and help clients grow, transform and operate.

Working across assurance, consulting, law, strategy, tax and transactions, EY teams ask better questions to find new answers for the complex issues facing our world today.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2024 EY Consulting Vietnam Joint Stock Company.
All Rights Reserved.

ey.com/en_vn | ey.com/vi_vn

Lâm Đồng, ngày 29 tháng 5 năm 2025

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Phương án Phân phối lợi nhuận năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2024;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Quy chế quản lý tài chính của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ban hành lần 3 kèm theo Quyết định số 95/QĐ-HĐQT ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng quản trị;

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)
I	TỔNG LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI	930.031.191.602
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2024	905.914.768.216
-	<i>Trong đó: Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>	<i>26.162.525.461</i>
2	Lợi nhuận năm trước giữ lại	24.116.423.386
-	<i>Trong đó: Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>	<i>24.116.423.386</i>
II	PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	921.869.724.000
1	Phân phối các quỹ	34.829.724.000
a	Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty (1,5 tháng lương, thù lao thực hiện 2024 của người quản lý)	674.724.000
b	Quỹ Khen thưởng phúc lợi (03 tháng lương thực hiện của người lao động)	22.770.000.000
c	Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích thêm theo Điểm b khoản 1 Điều 18 Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 (1,5 tháng lương thực hiện của người lao động)	11.385.000.000

2	Chia cổ tức bằng tiền	887.040.000.000
a	Tỷ lệ cổ tức (%)	21,0
b	Cổ tức bằng tiền	887.040.000.000
	<i>Trong đó: đã tạm ứng 14%</i>	<i>591.360.000.000</i>
III	LỢI NHUẬN CÒN LẠI SAU KHI PHÂN PHỐI (III=I-II)	8.161.467.602

Hội đồng quản trị Công ty xin ý kiến Đại hội về phương án phân phối lợi nhuận năm 2024, cụ thể như sau:

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- BKS;
- HCLD;
- Lưu: VT, TCKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Văn Quang

Lâm Đồng, ngày 29 tháng 5 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024 và tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2025 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2024;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 xem xét thông qua tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024 và tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2025 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty như sau:

1. Tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024

STT	Nội dung	Số người	Thực hiện (đồng)
I	TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		1.051.377.000
1	Tiền lương Chủ tịch HĐQT	1	1.051.377.000
II	TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO BAN KIỂM SOÁT		1.147.560.000
1	Tiền lương Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách	1	814.632.000
2	Thù lao Trưởng Ban Kiểm soát không chuyên trách	1	170.004.000
3	Thù lao Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách	1	162.924.000
	Tổng cộng (I+II)		2.198.937.000

Bằng chữ: Hai tỷ một trăm chín mươi tám triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn đồng.

2. Tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2025

STT	Nội dung	Số người	Kế hoạch (đồng)
I	TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		824.496.000
1	Tiền lương Chủ tịch HĐQT	1	824.496.000
II	TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO BAN KIỂM SOÁT		889.356.000
1	Tiền lương Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách	1	631.332.000
2	Thù lao Trưởng Ban Kiểm soát không chuyên trách	1	131.760.000
3	Thù lao Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách	1	126.264.000
	Tổng cộng (I+II)		1.713.852.000

Bằng chữ: Một tỷ bảy trăm mười ba triệu tám trăm năm mươi hai nghìn đồng chẵn.

Để kịp thời quyết toán tài chính năm 2025 theo quy định, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua ủy quyền cho Hội đồng quản trị rà soát, điều chỉnh lại quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2025 phù hợp với quy định, hướng dẫn hiện hành khi quyết toán tiền lương thực hiện năm 2025 và phê duyệt quyết toán tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025 trước ngày 31 tháng 3 năm 2026.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: VT, HCLĐ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Văn Quang